

**Trung Phong**  
**Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự**  
**Toàn Tập**

**National Grand Master Chung Fung**  
**Amitabha Buddha Thrice Yearning**  
**And Chanting Service**

中  
峰  
三  
時  
繫  
念  
法  
事  
全  
集



*Jiè Dìng Xiāng Zàn*

戒定香讚

**GIỚI ĐỊNH HƯƠNG TÁN**

**Praise To The True Fragrance of Precept Samadhi**

*Jiè Dìng Zhēn Xiāng Fén Qǐ Chōng Tiān Shàng,*  
戒定真香焚起衝天上,  
**Giới định chân hương, phần khởi xung thiên thượng,**  
The true fragrance of precept Samadhi burns to reach the heavens above. We, the

*Dì Zǐ Qián Chéng Ruò Zài Jīn Lú Fàng Qǐng Kè*  
弟子虔誠蕪在金鑪放頃刻  
**đệ tử kiên thành, nhiệt tại kim lư phóng, khoảnh khắc**  
disciples are sincere and offer it in a golden censer. Instantaneously and suffusively,

*Yīn Yūn Jí Biàn Mǎn Shí Fāng Xī Rì Yē*  
氤氳卽徧滿十方昔日耶  
**nhân uân, tức biến mãn thập phương. Tích nhật Da**  
it permeates the ten directions. With it, Yasodhara once avoided calamities and

*Shū Miǎn Nán Xiāo Zāi Zhàng*  
輸免難消災障  
**Du, miǎn nạn tiêu tai chướng.**  
averted disasters.

*Nán Mó Xiāng Yún Gàì Pú Sà Mó Hē Sà*  
南無香雲蓋菩薩摩訶薩  
**Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)  
Homage to the Incense Cloud Bodhisattvas, Mahasattvas! (3 times)

*Kāi Shì*

開示

**KHAI THI<sup>1</sup>**

**Upadhyaya Recites**

*Jué Hǎi Xū Kōng Qǐ Suō Pó Yè Làng Liú*  
覺 海 虛 空 起 娑 婆 業 浪 流

***Giác hải hư không khởi, Sa Bà nghiệp lãng lưu.***

The sea of consciousness rises from non-existence. The world is full of waves and turbulence of Karma.

*Ruò Rén Dēng Bǐ Àn Jí Lè Yǒu Guī Zhōu*  
若 人 登 彼 岸 極 樂 有 歸 舟

***Nhược nhân đặng bỉ ngạn, Cực Lạc hữu quy châu.***

For the one who seeks the other shore. There is the ferry to the land of bliss.

*Nán Mó Ā Mí Tuó Fó*  
南 無 阿 彌 陀 佛

***Nam mô A Di Đà Phật....***

Homage to Amitabha Buddha.....

*Nán Mó Qīng Liáng Dì Pú Sà Mó Hē Sà*  
南 無 清 涼 地 菩 薩 摩 訶 薩

***Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)***

Homage to the Clear Cool Ground Bodhisattva, Mahasattva (3 times)

*Nán Mó Buō Ruò Huì Shàng Fó Pú Sà*  
南 無 般 若 會 上 佛 菩 薩

***Nam mô Bát Nhã Hội Thượng Phật Bồ Tát. (3 lần)***

Homage to the Prajna assembly of Buddhas and Bodhisattvas (3 times)

*Buō Ruò Bō Luó Mì Duō Xīn Jīng*

般若波羅蜜多心經

***Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh***

**The Heart of Prajna Paramita Sutra**

*Guān Zì Zài Pú Sà Xíng Shēn Buō Ruò Bō Luó*

觀自在菩薩行深般若波羅

***Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La***

When Bodhisattva Avalokiteshvara was practicing the profound Prajna Paramita, he

*Mì Duō Shí Zhào Jiàn Wǔ Yùn Jiē Kōng Dù Yī*

蜜多時照見五蘊皆空度一

***Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất***

Illuminated the Five Skandhas and saw that they are all empty, and he crossed

*Qiè Kǔ È Shè Lì Zǐ Sè Bù Yì Kōng Kōng*

切苦厄舍利子色不異空空

***thiết khổ ách. Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không***

beyond all suffering and difficulty. Shariputra, form does not differ from emptiness;

*Bù Yì Sè Sè Jí Shì Kōng Kōng Jí Shì Sè Shòu*

不異色色即是空空即是色受

***bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ,***

emptiness does not differ from form. Form itself is emptiness; emptiness itself is

*Xiǎng Xíng Shí Yì Fù Rú Shì Shè Lì Zǐ*

想行識亦復如是舍利子

***tuởng, hành, thức, diệc phục như thị. Xá Lợi Tử!***

form. So too are feeling, cognition, formation and consciousness; Shariputra, all

Shì Zhū Fǎ Kōng Xiàng Bù Shēng Bù Miè Bù  
是 諸 法 空 相 不 生 不 滅 不  
**Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất**  
Dharmas are empty of characteristics. They are not produced, not destroyed, not

Gòu Bù Jìng Bù Zēng Bù Jiǎn Shì Gù Kōng Zhōng  
垢 不 淨 不 增 不 減 是 故 空 中  
**cầu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung**  
defiles, not pure, and they are neither increase nor diminish. Therefore, in emptiness

Wú Sè Wú Shòu Xiǎng Xíng Shí Wú Yǎn Ěr  
無 色 無 受 想 行 識 無 眼 耳  
**vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ,**  
there is no form, feeling, cognition, formation and consciousness, no eyes, ears, nose

Bí Shé Shēn Yì Wú Sè Shēng Xiāng Wèi Chù  
鼻 舌 身 意 無 色 聲 香 味 觸  
**tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc,**  
tongue, body, or mind; no sights, sounds, smells, tastes, object of touch, or Dharmas

Fǎ Wú Yǎn Jiè Nǎi Zhì Wú Yì Shí Jiè Wú Wú  
法 無 眼 界 乃 至 無 意 識 界 無 無  
**pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô**  
No field of the eyes up to and including no field of mind consciousness, and no

Míng Yì Wú Wú Míng Jìn Nǎi Zhì Wú Lǎo Sǐ Yì  
明 亦 無 無 明 盡 乃 至 無 老 死 亦  
**minh, diệt vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệt**  
ignorance or ending of ignorance, up to and including no old age and death or

Wú Lǎo Sǐ Jìn Wú Kǔ Jí Miè Dào Wú Zhì Yì Wú  
無老死盡無苦集滅道無智亦無  
**vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệt vô**  
ending of old age and death. There is no suffering, no accumulating, no extinction,

Dé Yǐ Wú Suǒ Dé Gù Pú Tí Sà Duō Yī Buō Ruò Bō  
得以無所得故菩提薩埵依般若波  
**đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba**  
and no way, and no understanding and no attaining. Because nothing is attained, the

Luó Mì Duō Gù Xīn Wú Guà Ài Wú Guà Ài Gù  
羅蜜多故心無罣礙無罣礙故  
**La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố,**  
Bodhisattva through reliance on Prajna Paramita is unimpeded in his mind.

Wú Yǒu Kǒng Bù Yuǎn Lí Diān Dào Mèng Xiǎng  
無有恐怖遠離顛倒夢想  
**vô hữu khũng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng,**  
Because there is no impediment, he is not afraid and he leaves distorted

Jiù Jìng Niè Pán Sān Shì Zhū Fó Yī Buō Ruò  
究竟涅槃三世諸佛依般若  
**cíu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật y Bát Nhã**  
dream-thinking far behind. Ultimately Nirvana! All Buddhas

Bō Luó Mì Duō Gù Dé Ā Nòu Duō Luó Sān Miǎo  
波羅蜜多故得阿耨多羅三藐  
**Ba La Mật Đa cố đắc A Nậu Đa La Tam Miệu**  
of the three periods of time attain Annutara-Samyak Sambodhi through

Sān Pú Tí Gù Zhi Buō Ruò Bō Luó Mì Duō Shì Dà  
三 菩 提 故 知 般 若 波 羅 蜜 多 是 大  
**Tam Bō Đê. Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa thị đại**  
reliance on Prajna Paramita. Therefore, know that Prajna Paramita

Shén Zhòu Shì Dà Míng Zhòu Shì Wú Shàng Zhòu Shì  
神 咒 是 大 明 咒 是 無 上 咒 是  
**thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị**  
is a great Spiritual Mantra, A Great Bright Mantra, A Supreme Mantra,

Wú Dǎng Dǎng Zhòu Néng Chú Yì Qiè Kǔ Zhēn  
無 等 等 咒 能 除 一 切 苦 真  
**vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân**  
an Unequaled Mantra. It can remove all suffering,

Shí Bù Xu Gù Shuō Buō Ruò Bō Luó Mì Duō Zhòu  
實 不 虛 故 說 般 若 波 羅 蜜 多 咒  
**thật bất hư. Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú**  
it is genuine and not false. That is why the Mantra

Jí Shuō Zhòu Yuē:  
即 說 咒 曰  
**tức thuyết chú viết:**  
of Prajna Paramita was spoken.

Jiē Dì Jiē Dì Bō Luó Jiē Dì Bō Luó Sēng Jiē Dì  
揭 諦 揭 諦 波 羅 揭 諦 波 羅 僧 揭 諦  
**Yét dé, yét dé, ba la yét dé, ba la tăng yét dé**  
Recite it like this Gate Gate Paragate Parasamgate



*Pú Tí Sà Pó Hē*

菩 提 薩 婆 訶

***Bồ Đề tát bà ha.***

Bodhi Svaha!

*Nán Mó Ā Mí Duō Pó Yè, Duō Tā Qié Duō Yè, Duō*

南 無 阿 彌 多 婆 夜 哆 他 伽 多 夜 哆

***Nam mô a di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa***

*Dì Yè Tā, Ā Mí Lì Dū Pó Pí, Ā Mí Lì Duō, Xī*

地 夜 他 阿 彌 利 都 婆 毗 阿 彌 利 哆 悉

***địa dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tát***

*Dān Pó Pí, Ā Mí Lì Duō, Pí Jiā Lán Dì, Ā Mí Lì*

耽 婆 毗 阿 彌 唎 哆 毗 迦 蘭 帝 阿 彌 唎

***đam bà tỳ, a di rị đa, tì ca lan đế, a di rị***

*Duō, Pí Jiā Lán Duō, Qié Mí Ní, Qié Qié Nà, Zhǐ*

哆 毗 迦 蘭 多 伽 彌 膩 伽 伽 那 枳

***đa, tỳ ca lan đa, già di nị già già na, chí***

*Duō Jiā Lì. Suō Pó Hē.*

多 迦 利 娑 婆 訶

***đa ca lệ. sa bà ha (3 lần)***

*Biàn Shí Zhēn Yán*

變食真言

**BIẾN THỰC CHÂN NGÔN**

**Transforming The Food True Words**

*Nán Mó Sà Wā Dán Tā Yé Duō, Wā Lu Zhi*  
南 無 薩 縛 怛 他 哦 多 縛 嚧 枳  
*Nam mô tát phạ đát tha nga đa, phạ lô chỉ*

*Dì. Ān, Sān Buō Lāi Sān Buō Lāi, Hóng*  
帝 唵 三 跋 囉 三 跋 囉 吽  
*đé. Ān, tam bạt ra, tam bạt ra, hồng (3 lần)*

*Gān Lù Shuǐ Zhēn Yán*

甘露水真言

**CAM LỘ THỦY CHÂN NGÔN**

**Sweet Dew True Words**

*Nán Mó Sù Lu Pó Yē, Dán Tā Yé Duō Yē, Dán*  
南 無 蘇 嚕 皤 耶 怛 他 哦 多 耶 怛  
*Nam mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát*

*Zhí Tā, Ān, Su Lu Su Lu, Pó Lāi Su Lu Pó*  
姪 他 唵 蘇 嚕 蘇 嚕 皤 囉 蘇 嚕 皤  
*điệt tha. Ān, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát*

*Lāi Su Lu, Suō Pó Hē*  
囉 蘇 嚕 莎 婆 呵  
*ra tô rô, ta bà ha. (3 lần)*

*Pǔ Gòng Yǎng Zhēn Yán*

普供養真言

**PHỔ CÚNG DƯỜNG CHÂN NGÔN**

**Universal Offering True Words**

Ān, Yé Yé Nǎn, Sān Pó Wā, Fá Rì Lāi, Hú  
唵 哦 哦 曩 三 婆 縛 伐 日 囉 斛  
Án, nga nga nǎng, tam bà phạ, phật nhật ra, hộc  
(3 lần)

*Lián Chí Zàn*

蓮池讚

**LIÊN TRÌ TÁN**

**Praise To The Lotus Pond**

*Lián Chí Hǎi Hùì, Mí Tuó Rú Lái, Guān Yīn Shì*  
蓮池海會, 彌陀如來, 觀音勢  
**Liên trì Hải Hội Di Đà Như Lai. Quán Âm Thế**  
Admist the Lotus Pool Assembly as vast as the sea. May the Thus Come One

*Zhì Zuò Lián Tài. Jiē Yǐn Shàng Jīn Jiē, Dà*  
至坐蓮臺, 接引上金階, 大  
**Chí tọa liên đài, tiếp dẫn thượng kim giai. Đại**  
Amitabha, together with Guan Yin and Great Strength, lead beings to ascend the

*Shì Hóng Kāi, Pǔ Yuàn Lí Chén Āi.*  
誓弘開, 普願離塵埃。  
**thệ hồng khai. Phổ nguyện ly trần ai.**  
Golden lotus diases. Base on their vows, they teach expansively, so  
That all will vow to leave difilement.

Huí Xiàng Jié

迴向偈

HÒI HUỚNG KỆ

**Verse For Transferring Merit**

Yuàn Shēng Xī Fāng Jìng Tǔ Zhōng.

願 生 西 方 淨 土 中

**Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung,**

We wish to be born in the Western Pure Land,

Jiǔ Pǐn Lián Huá Wéi Fù Mǔ.

九 品 蓮 華 為 父 母

**Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu.**

With lotus blossoms in nine stages as our parents.

Huā Kāi Jiàn Fó Wù Wú Shēng.

花 開 見 佛 悟 無 生

**Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,**

When the lotus opens, we shall see the Buddha and be

Enlightened to the absolute truth,

Bú Tùi Pú Sà Wéi Bàn Lǚ.

不 退 菩 薩 為 伴 侶

**Bất thoái Bồ Tát vi bạn lữ.**

With Bodhisattvas who never regress on the

Path as companions.

Kāi Shì

開示

**KHAI THỊ<sup>2</sup>**

**Upadhyaya Recites**

Fǎ Wáng Lì Wù, Bēi Zhì Hóng Shēn. Pǔ Biàn Shí  
法 王 利 物 悲 智 洪 深 普 徧 十

**Pháp vương lợi vật, bi trí hồng thâm. Phổ biến thập**

Today, by the special invitation of (name) to hold service on behalf of (deceased)

For (occasion), we have the honor to invite the monks to come to perform a service

Fāng. Míng Yáng Mí Gé. Jīn Méng Zhāi Zhǔ  
方 冥 陽 靡 隔 今 蒙 齋 主

**phương. Minh dương mỹ cách. Kim môn trai chủ**

called the Amitabha Buddha Thrice Yearning and Chanting. The great masters will

teach us Dharma, according to the essence of the Buddha's teaching, which requires

Gōng Wéi Jiè Féng Zhī Qí. Tè Qǐng  
恭 為 屆 逢 之 期 . 特 請

(mō) cung vị (mō) giới phùng (mō) chi kỳ, đặc thỉnh

everyone to securing his or her thought to Amita Buddha. When one's state of mind  
is pure Amitabha Buddha will respond. In the western world it is known as telepathy

Shān Sēng Dēng Zuò. Yì Píng Jiào Fǎ. Zuò Sān Shí  
山 僧 登 座 依 憑 教 法 作 三 時

**son tăng đăng tọa. Y bằng giáo pháp, tác tam thời**

The service is separated into three different time periods: Morning, mid-day, and  
evening. All the dead (all living beings that passed away) should also seize this rare

Jì Niàn Fú Shì. Nǎi Ěr Wáng Líng. Zāo Cǐ Shèng  
繫念佛事迺爾亡靈遭此勝  
**hệ niệm Phật sự. Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng**  
opportunity. They should have only one thing in their mind, to truly accept Buddha's  
teaching and escape the six paths of reincarnation. By listening to Dharma,

Yuán. Zì Yí Yán Sù Wēi Yí, Lái Lín Zuò Xià  
緣自宜嚴肅威儀來臨座下  
**duyên. Tự nghi nghiêm túc oai nghi, lai lâm tọa hạ,**  
this will end their pains and suffering. It will also bring them to the Amitabha's

Gōng Líng Miào Fǎ. Yí Xīn Shòu Dù.  
恭聆妙法一心受度  
**cung linh diệu pháp, nhất tâm thọ độ.**  
Land, the Land of Ultimate Bliss.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó  
南無阿彌陀佛  
**Nam mô A Di Đà Phật...**  
Homage to Amitabha Buddha.....

Lú Xiāng Zàn  
爐香讚  
**LƯ HƯƠNG TÁN**  
**Incense Praise**

Lú Xiāng Zhà Ruò, Fǎ Jiè Méng Xūn. Zhū Fó  
爐香乍爇法界蒙熏諸佛  
**Lư hương xạ nhiệt, pháp giới môn熏. Chư Phật**  
Incense in the censer now is burning; all the Dharma Realm receives the fragrance,  
from afar the sea vast host of Buddhas all inhale its sweetness.

Hải Hội Xi Yao Wén. Suí Chủ Jié Xiáng Yún, Chéng Yì  
海會悉遙聞隨處結祥雲誠意  
**hải hội tất diêu vãn. Tùy xú kiết tường vân, thành ý**  
In every place auspicious clouds appearing, our sincere intention thus fulfilling,

Fāng Yīn, Zhū Fó Xiàn Quán Shēn.  
方殷諸佛現全身  
**phương ân, chư Phật hiện toàn thân.**  
as all Buddhas now show their perfect body.

Nán Mó Yún Lái Jí Pú Sà Mó Hē Sà  
南無雲來集菩薩摩訶薩  
**Nam mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)  
Homage to the Incense Cloud Canopy Bodhisattva Mahasattava! (3 times)

Kāi Shì

開示

**KHAI THỊ<sup>3</sup>**

**Upadhyaya Recites**

Cǐ Yī Bàn Xiāng. Gēn Pán Jié Wài. Zhǐ Bō  
此一瓣香根蟠劫外枝播  
**Thử nhất biện hương, căn bàn kiếp ngoài, chi bá**  
The intrinsic nature of one's mind that is pure and underfiled. It has roots that

Chén Huán. Bù Jīng Tiān Dì Yǐ Shēng Chéng. Qǐ  
塵寰不經天地以生成豈  
**trần hoàn; bất kinh thiên địa dĩ sanh thành. Khỏi**  
surpass through time and branches surpass through space. It is beyond nature and

Shǔ Yīn Yáng Ér Zào Huà. Ruò Xiàng Lú Zhōng.  
屬 陰 陽 而 造 化 蕪 向 爐 中  
**thuộc âm dương nhi tạo hóa? Nhiệt hương lô trung,**  
creation. It has no intention; thus, show no transformation. By discovering this state

Zhuān Shēn Gòng Yǎng. Cháng Zhù Sān Bǎo. Chà  
專 伸 供 養 常 住 三 寶 剎  
**chuyên thân cúng dường Thường Trụ Tam Bảo, sát**  
of mine which is the purist of all, one should offer it to the Eternal Triple Gems, The

Hǎi Wàn Líng. Jí Lè Dǎo Shī. Ā Mí Tuó Fó. Guān  
海 萬 靈 極 樂 導 師 阿 彌 陀 佛 觀  
**hải vạn linh, Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán**  
Amitabha Buddha, Guan Yin, Great Strength, Great Pure Sea-Like Assembly of

Yīn Shì Zhì. Qīng Jìng Hǎi Zhòng. Xī Zhàng  
音 勢 至 清 淨 海 眾 悉 仗  
**Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng. Tất trọng**  
Bodhisattvas, Dharma, Sanghas, and all living being in the world. With this true

Zhēn Xiāng. Pǔ Tóng Gòng Yǎng.  
真 香 普 同 供 養  
**chân hương, phổ đồng cúng dường.**  
incense, I offer to thee. It is the highest offering that one could provide.

Nán Mó Xiāng Yún Gài Pú Sà Mó Hē Sà  
南 無 香 雲 蓋 菩 薩 摩 訶 薩  
**Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)  
Homage to the Incense Cloud Canopy Bodhisattva, Mahasattva! (3 times)



*Dì Yí Shí Fǎ Shì*

第一時法事

**ĐỆ NHẤT THỜI PHÁP SỰ**

**Congregation Recite Part I of Chanting Service**

*Nán Mó Lián Chí Hǎi Hùì Fó Pú Sà*  
南 無 蓮 池 海 會 佛 菩 薩

***Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.*** (3 lần)

Homage to Lotus Pool Assembly of Buddhas and Bodhisattvas. (3 times)

*Fó Shuō Ā Mí Tuó Jīng*

佛說阿彌陀經

**PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH**

**The Buddha Spoke the Amitabha Sutra**

*Rú Shì Wǒ Wén: Yí Shí Fó Zài Shè Wèi Guó,*  
如 是 我 聞: 一 時 佛 在 舍 衛 國.

***Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc,***

Thus, I have heard, at one time, the Buddha dwelt at Shravasti

*Qí Shù Gěi Gū Dú Yuán, Yǔ Dà Bǐ Qiū Sēng,*  
祇 樹 給 孤 獨 園, 與 大 比 丘 僧,

***Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dĩ đại Tỷ kheo tăng,***

in the Jeta Grove in the garden of the benefactor of orphans and the solitary,

*Qiān Èr Bǎi Wǔ Shí Rén Jù, Jiē Shì Dà Ā*  
千 二 百 五 十 人 俱, 皆 是 大 阿

***thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A***

together with a gathering of Great Bhiksus, twelve hundred fifty in all, all

*Luó Hàn, Zhòng Suǒ Zhī Shì: Zhǎng Lǎo Shè Lì*  
羅漢. 眾所知識: 長老舍利  
***La Hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá Lợi***  
great Arhats whom the assembly knew and recognized: Elders Shariputra,

*Fó, Mó Hē Mù Jiàn Lián, Mó Hē Jiā Shè,*  
弗, 摩訶目犍連, 摩訶迦葉,  
***Phát, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp,***  
Mahamaudgalyayan, Mahakasyapa,

*Mó Hē Jiā Zhān Yán, Mó Hē Jū Chī Luó,*  
摩訶迦旃延, 摩訶俱絺羅,  
***Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La,***  
Mahakatyayana, Mahakausthila,

*Lí Pó Duō, Zhōu Lì Pán Tuó Qié, Nán Tuó, Ā Nán*  
離婆多, 周利槃陀伽, 難陀, 阿難  
***Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan***  
Revata, Suddhipanthaka, Nanda, Ananda,

*Tuó, Luó Hóu Luó, Jiāo Fàn Pō Tí, Bīn Tóu Lú*  
陀, 羅睺羅, 憍梵波提, 賓頭盧  
***Đà, La Hâu La, Kiêu Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô***  
Rahula, Gavampati, Pindola-Bharadvaja,

*Pō Luó Duò, Jiā Liú Tuó Yí, Mó Hē Jié Bīn*  
頗羅墮, 迦留陀夷, 摩訶劫賓  
***Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân***  
Kalodayin, Mahakaphina,

Nà, Bó Jù Luó, Ā Nuò Lóu Tuó, Rú Shì Děng  
那, 薄 拘 羅, 阿 耨 樓 駄, 如 是 等  
**Na, Bạc Câu La, A Nậu Lôu Đà, như thị đẳng**  
Vakkula, Aniruddha, and others such as these,

Zhū Dà Dì Zǐ. Bìng Zhū Pú Sà Mó Hē Sà: Wén  
諸 大 弟 子. 并 諸 菩 薩 摩 訶 薩. 文  
**chư đại đệ tử. Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn**  
all great disciples; together with all the Bodhisattvas, Mahasattvas:

Shū Shī Lì Fǎ Wáng Zǐ, Ā Yì Duō Pú Sà, Qián  
殊 師 利 法 王 子. 阿 逸 多 菩 薩, 乾  
**Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Đạt Đa Bồ Tát, Càn**  
Dharma Prince Manjushri, Ajita Bodhisattva,

Tuó Hē Tí Pú Sà, Cháng Jīng Jìn Pú Sà, Yǔ  
陀 訶 提 菩 薩, 常 精 進 菩 薩, 與  
**Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dũ**  
Gandhastin Bodhisattva, Nityodyukta Bodhisattva,

Rú Shì Děng Zhū Dà Pú Sà, Jí Shì Tí Huán  
如 是 等 諸 大 菩 薩, 及 釋 提 桓  
**như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn**  
and others such as these, all great Bodhisattvas; and together with Sakra,

Yīn Děng, Wú Liàng Zhū Tiān Dà Zhòng Jū. Ēr  
因 等, 無 量 諸 天 大 眾 俱. 爾  
**nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu. Nhĩ**  
chief among Gods, and the numberless great multitudes from all the heavens.

Shí Fó Gào Zhǎng Lǎo Shè Lì Fó: Cóng Shì Xī  
時 佛 告 長 老 舍 利 弗: 從 是 西  
**thời Phật cáo Trưởng Lão Xá Lợi Phất: Tàng thị Tây**  
At that time, the Buddha told the Elder Shariputra: "Passing from here through

Fāng, Guò Shí Wàn Yì Fó Tǔ, Yǒu Shì Jiè  
方 過 十 萬 億 佛 土, 有 世 界  
**phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới**  
hundreds of thousands of millions of Buddhalands to the West, there is a

Míng Yuē Jí Lè, Qí Tǔ Yǒu Fó, Hào Ā Mí Tuó,  
名 曰 極 樂, 其 土 有 佛, 號 阿 彌 陀,  
**danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà,**  
world called Ultimate Bliss. In this land a Buddha called Amitabha

Jīn Xiàn Zài Shuō Fǎ. Shè Lì Fó! Bǐ Tǔ Hé Gù  
今 現 在 說 法. 舍 利 弗! 彼 土 何 故  
**kim hiện tại thuyết pháp. Xá Lợi Phất! Bĩ độ hà cố**  
right now teaches the Dharma. Shariputra! for what reason is this land called

Míng Wéi Jí Lè? Qí Guó Zhòng Shèng Wú Yǒu Zhòng  
名 為 極 樂? 其 國 眾 生 無 有 眾  
**danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng**  
Ultimate Bliss? All living beings of this country endure none of the sufferings,

Kǔ, Dàn Shòu Zhū Lè, Gù Míng Jí Lè. Yòu Shè  
苦, 但 受 諸 樂, 故 名 極 樂. 又 舍  
**khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc. Hựu Xá**  
but enjoy every bliss. Therefore, it is called Ultimate Bliss. Moreover, Shariputra!

Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Qī Chóng Lán Shǔn,  
利 弗! 極 樂 國 土, 七 重 欄 楯,  
**Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn,**  
this land of Ultimate Bliss is every where surrounded by seven tiers of railings,

Qī Chóng Luó Wǎng, Qī Chóng Hàng Shù, Jiē Shì Sì  
七 重 羅 網, 七 重 行 樹, 皆 是 四  
**thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ**  
seven layers of netting, and seven rows of trees, all formed from the

Bǎo, Zhōu Zá Wéi Rào, Shì Gù Bǐ Guó Míng Wéi  
寶, 周 匝 圍 繞, 是 故 彼 國 名 為  
**bǎo, châu tạp vì nhiều, thị cố bỉ quốc danh vì**  
four treasures and for this reason named Ultimate Bliss,

Jí Lè. Yòu Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Yǒu  
極 樂. 又 舍 利 弗! 極 樂 國 土, 有  
**Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, hữu**  
Moreover, Shariputra! The land of Ultimate Bliss has pools of the

Qī Bǎo Chí, Bā Gōng Dé Shuǐ, Chōng Mǎn Qí Zhōng,  
七 寶 池, 八 功 德 水, 充 滿 其 中,  
**thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung,**  
seven jewels. Filled with the eight waters of merit and virtue.

Chí Dǐ Chún Yī Jīn Shā Bù Dì. Sì Biān Jiē Dào,  
池 底 純 以 金 沙 布 地. 四 邊 階 道,  
**từ đế thuần dĩ kim sa bố địa. Tứ biên giai đạo,**  
The bottom of each pool is pure, spread over with golden sand. On the four sides

Jīn, Yín, Liú Lí, Bō Lí Hé Chéng; Shàng Yǒu  
金, 銀, 瑠璃, 玻 璃 合 成; 上 有  
**kim, ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành; thượng hữu**  
are stairs of gold, silver, lapis lazuli, crystal; above are raised pavilions

Lóu Gé, Yì Yǐ Jīn, Yín, Liú Lí, Bō Lí, Chē Qǔ,  
樓 閣, 亦 以 金, 銀, 瑠璃, 玻 璃, 碑 磬,  
**lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ,**  
adorned with gold, silver, lapis lazuli, crystal, mother-of-pearl,

Chì Zhū, Mǎ Nǎo, Ér Yán Shì Zhī. Chí Zhōng  
赤 珠, 瑪 瑙, 而 嚴 飾 之. 池 中  
**xích châu, mã瑙, nhi nghiêm sức chi. Trì trung**  
red pearls and carnelian. In the pools are lotuses

Lián Huá, Dà Rú Chē Lún: Qīng Sè Qīng Guāng,  
蓮 華, 大 如 車 輪: 青 色 青 光,  
**liên hoa, đại như xa luân: thanh sắc thanh quang,**  
as large as carriage wheels: green colored with green light;

Huáng Sè Huáng Guāng, Chì Sè Chì Guāng, Bái  
黃 色 黃 光, 赤 色 赤 光. 白  
**hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch**  
yellow colored with yellow light; red colored with red light; white

Sè Bái Guāng, Wēi Miào Xiāng Jié. Shè Lì Fó!  
色 白 光, 微 妙 香 潔. 舍 利 弗!  
**sắc bạch quang, vi diệu hương khiết. Xá Lợi Phất!**  
colored with white light; subtly, wonderfully fragrant and pure. Shariputra!

Jí Lè Guó Tǔ, Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé Zhuāng  
極樂國土，成就如是功德莊  
**Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang**  
The realization of the Land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

Yán. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Cháng  
嚴。又舍利弗！彼佛國土常  
**nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thường**  
Moreover, Shariputra! In that Buddhaland there is always heavenly music, and

Zuò Tiān Yuè, Huáng Jīn Wéi Dì, Zhòu Yè Liù Shí,  
作天樂，黃金為地，晝夜六時，  
**tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục thời,**  
the ground is yellow gold. In the six periods of the day and night a heavenly

Yù Tiān Màn Tuó Luó Huá. Qí Tǔ Zhòng Shēng, Cháng  
雨天曼陀羅華。其國眾生常  
**vũ thiên mạn đà la hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường**  
rain of Mandarava flowers falls, and throughout the clear morning each living

Yǐ Qīng Dàn, Gè Yǐ Yī Gé, Chéng Zhòng Miào Huá,  
以清旦，各以衣祴盛眾妙華。  
**dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa,**  
being of this land, with sacks full of myriads of wonderful flowers, makes of

Gòng Yǎng Tā Fāng Shí Wàn Yì Fó, Jí Yǐ  
供養他方十萬億佛，即以  
**cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ**  
offerings to the hundreds of thousands of millions of Buddhas of the other directions

Shí Shí, Huán Dào Běn Guó, Fàn Shí Jīng Xíng.  
食 時, 還 到 本 國, 飯 食 經 行.  
**thực thời, hoàn đảo bản quốc, phạn thực kinh hành.**  
At mealtime, they return to their own country, and having eaten they stroll around.

Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Chéng Jiù Rú  
舍 利 弗! 極 樂 國 土, 成 就 如  
**Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như**  
Shariputra! The realization of the Land of Ultimate Bliss

Shì Gōng Dé Zhuāng Yán. Fù Cì Shè Lì Fó!  
是 功 德 莊 嚴. 復 次 舍 利 弗!  
**thị công đức trang nghiêm. Phục thứ Xá Lợi Phát!**  
is thus meritoriously adorned. Moreover, Shariputra!

Bǐ Guó Cháng Yǒu Zhǒng Zhǒng Qí Miào, Zā Sè  
彼 國 常 有 種 種 奇 妙, 雜 色  
**bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu, tạp sắc**  
In this country there are always rare and wonderful varicolored

Zhī Niǎo: Bái Hè, Kǒng Què, Yīng Wǔ, Shè Lì,  
之 鳥: 白 鵠, 孔 雀, 鸚 鵡, 舍 利,  
**chi điểu: Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi,**  
birds: White cranes, peacocks, parrots and egrets, kalavinkas,

Jiā Líng Pín Qié. Gòng Mìng Zhī Niǎo, Shì Zhū  
迦 陵 頻 伽. 共 命 之 鳥, 是 諸  
**Ca Lăng Tần Già. Cộng mạng chi điểu, thị chư**  
and two headed birds. In the six periods of the day and night,



Zhòng Niǎo, Zhòu Yè Liù Shí, Chū Hé Yǎ Yīn. Qí  
眾 鳥，晝夜六時出和雅音。其  
**chúng điểu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm.** Kỳ  
the flocks of birds sing forth harmonious and elegant sounds. Their clear and

Yīn Yǎn Chàng: Wǔ Gēn, Wǔ Lì, Qī Pú Tí Fēn,  
音 演 暢：五 根，五 力，七 菩 提 分，  
**âm điển sướng: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần,**  
joyful sounds proclaim the five roots, the five powers, the seven bodhi shares the

Bā Shèng Dào Fēn, Rú Shì Děng Fǎ. Qí Tǔ  
八 聖 道 分，如 是 等 法。其 土  
**bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp.** Kỳ độ  
eight sagely way shares, and Dharma such as these. When living beings of this

Zhòng Shēng, Wén Shì Yīn Yǐ, Jiē Xī Niàn Fó, Niàn  
眾 生，聞 是 音 已，皆 悉 念 佛，念  
**chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm**  
land hear these sounds, they are altogether mindful of the Buddha, mindful of the

Fǎ, Niàn Sēng. Shè Lì Fó! Rǔ Wù Wèi Cǐ Niǎo,  
法，念 僧。舍 利 弗！汝 勿 謂 此 鳥，  
**Pháp, niệm Tăng. Xá Lợi Phát! Nhữ vật vị thử điểu,**  
Dharma, and mindful of the Sangha. Shariputra! Do not say that these birds are born

Shí Shì Zuì Bào Suǒ Shēng. Suǒ Yǐ Zhě Hé? Bǐ Fó  
實 是 罪 報 所 生。所 以 者 何？彼 佛  
**thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật**  
as retribution for their karmic offenses. For what reason? In this Buddhaland there

Guó Tǔ Wú Sān È Dào. Shè Lì Fó! Qí Fó  
國 土 無 三 惡 道. 舍 利 弗! 其 佛  
**quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật**  
are no three evil ways of rebirth. Shariputra! In this Buddhaland not even

Guó Tǔ Shàng Wú È Dào Zhī Míng, Hé Kuàng  
國 土 尚 無 惡 道 之 名, 何 況  
**quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huống**  
the names of the three evil ways exist, how much the less their actuality!

Yǒu Shí, Shì Zhū Zhòng Niǎo, Jiē Shì Ā Mí Tuó  
有 實, 是 諸 眾 鳥, 皆 是 阿 彌 陀  
**hữu thật, thị chư chúng điểu, giai thị A Di Đà**  
Desiring that the Dharma should be widely proclaimed, Amitabha

Fó, Yù Lìng Fǎ Yīn Xuān Liú Biàn Huà Suǒ Zuò.  
佛, 欲 令 法 音 宣 流 變 化 所 作.  
**Phật, dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác.**  
Buddha by transformation made this multitude of birds.

Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Wēi Fēng Chuī Dòng,  
舍 利 弗! 彼 佛 國 土 微 風 吹 動,  
**Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ vi phong xuy động,**  
Shariputra! In that Buddhaland, when the soft wind blows,

Zhū Bǎo Hàng Shù, Jí Bǎo Luó Wǎng, Chū Wēi Miào  
諸 寶 行 樹, 及 寶 羅 網, 出 微 妙  
**chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu**  
the rows of jeweled trees and jeweled nets give forth subtle and wonderful sounds,

Yīn, Pì Rú Bǎi Qiān Zhǒng Yuè Tóng Shí Jū Zuò.  
音, 譬 如 百 千 種 樂 同 時 俱 作  
**âm, thí như bách thiên chủng nhạc đồng thời cụ tác.**  
like one hundred thousand kinds of music played at the same time. All those who

Wén Shì Yīn Zhě, Zì Rán Jiē Shēng: Niàn Fó, Niàn  
聞 是 音 者, 自 然 皆 生: 念 佛, 念  
**Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh: niệm Phật, niệm**  
hear this sound naturally bring forth in their hearts mindfulness of the Buddha,

Fǎ, Niàn Sēng Zhī Xīn. Shè Lì Fó! Qí Fó Guó  
法, 念 僧, 之 心. 舍 利 弗! 其 佛 國  
**Pháp, niệm Tăng chi tâm. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc**  
mindfulness of the Dharma, and mindfulness of the Sangha. Shariputra! The

Tǔ, Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé Zhuāng Yán.  
土 成 就 如 是 功 德 莊 嚴.  
**độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.**  
realization of the Land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

Shè Lì Fó! Yú Rǔ Yì Yún Hé? Bǐ Fó Hé Gù Hào  
舍 利 弗! 於 汝 意 云 何? 彼 佛 何 故 號  
**Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu**  
Shariputra! What do you think? Why is this Buddha called Amitabha?

Ā Mí Tuó? Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guāng Míng Wú  
阿 彌 陀? 舍 利 弗! 彼 佛 光 明 無  
**A Di Đà? Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô**  
Shariputra! The brilliance of that Buddha's light is measureless, illuminating the

Liàng, Zhào Shí Fāng Guó, Wú Suǒ Zhàng Ài,  
量, 照 十 方 國 無 所 障 礙,  
**lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại,**  
lands of the ten directions everywhere without obstruction;

Shì Gù Hào Wéi Ā Mí Tuó. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó  
是 故 號 為 阿 彌 陀. 又 舍 利 弗! 彼 佛  
**thị cố hiệu vi A Di Đà. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật**  
For this reason he is called Amitabha. Moreover, Shariputra! The life of that

Shòu Mìng, Jí Qí Rén Mǐn, Wú Liàng Wú Biān Ā  
壽 命, 及 其 人 民 無 量 無 邊 阿  
**thọ mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên a**  
Buddha and that of his people extends for measureless, limitless Asandhyeya

Sēng Qí Jié, Gù Míng Ā Mí Tuó. Shè Lì Fó!  
僧 祇 劫, 故 名 阿 彌 陀. 舍 利 弗!  
**tăng kỳ kiếp, cố danh A Di Đà. Xá Lợi Phất!**  
kalpas, for this reason he is called Amitabha. And Shariputra! Since

Ā Mí Tuó Fó Chéng Fó Yǐ Lái, Yú Jīn Shí Jié.  
阿 彌 陀 佛 成 佛 已 來, 於 今 十 劫.  
**A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.**  
Amitabha realized Buddhahood, ten Kalpas have passed

Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Yǒu Wú Liàng Wú Biān  
又 舍 利 弗! 彼 佛 有 無 量 無 邊  
**Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên**  
Moreover, Shariputra! That Buddha has measureless, limitless

Shēng Wén Dì Zǐ, Jiē Ā Luó Hàn, Fēi Shì Suàn Shù  
聲 聞 弟 子, 皆 阿 羅 漢, 非 是 算 數  
**Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số**  
Voice-hearer disciples, and Arhats, their number incalculable,

Zhī Suǒ Néng Zhī; Zhū Pú Sà Zhòng Yì Fù Rú  
之 所 能 知; 諸 菩 薩 眾 亦 復 如  
**chī sở năng tri; chư Bồ Tát chúng diệc phục như**  
thus also is the assembly of Bodhisattvas.

Shì. Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Chéng Jiù Rú  
是. 舍 利 弗! 彼 佛 國 土 成 就 如  
**thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như**  
Shariputra! The realization of the Land of Ultimate Bliss is thus

Shì Gōng Dé Zhuāng Yán. Yòu Shè Lì Fó! Jí  
是 功 德 莊 嚴. 又 舍 利 弗! 極  
**thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Cực**  
meritoriously adorned. Moreover, Shariputra! Those living

Lè Guó Tǔ, Zhòng Shēng Shēng Zhě, Jiē Shì Ā Bǐng  
樂 國 土, 眾 生 生 者, 皆 是 阿 鞞  
**Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ**  
born in the Ultimate Bliss are all Avaivartika.

Bá Zhì, Qí Zhōng Duō Yǒu Yì Shēng Bǔ Chǔ, Qí Shù  
跋 致, 其 中 多 有 一 生 補 處, 其 數  
**Bạt Trí, kỳ trung đa hữu nhất sanh bổ xứ, kỳ số**  
Among them are many who in this very life will dwell in Buddhahood.

Shèn Duō, Fēi Shì Suàn Shù, Suǒ Néng Zhī Zhī, Dàn Kě  
甚多，非是算數，所能知之，但可  
**thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, dãn khả**  
their number is extremely many; it is incalculable and only in measureless,

Yǐ Wú Liàng Wú Biān Ā Sēng Qí Shuō. Shè Lì Fó!  
以無量無邊阿僧祇說。舍利弗！  
**dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ thuyết. Xá Lợi Phát!**  
limitless Asankhyeya kalpas could it be spoken. Shariputra!

Zhòng Shēng Wén Zhě, Yīng Dāng Fā Yuàn, Yuàn  
眾生聞者，應當發願願  
**Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện**  
Those living beings who hear should vow, 'I wish to be born in that country'.

Shēng Bǐ Guó. Suǒ Yǐ Zhě Hé? Dé Yǔ Rú Shì Zhū  
生彼國。所以者何？得與如是諸  
**sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư**  
And why? All those who thus attain are all superior and good people,

Shàng Shàn Rén Jū Huì Yí Chǔ. Shè Lì Fó!  
上善人俱會一處。舍利弗！  
**thượng thiện nhân câu hội nhất xứ. Xá Lợi Phát!**  
all coming together in one place. Shariputra!

Bù Kě Yǐ Shǎo Shàn Gēn Fú Dé Yīn Yuán  
不可以少善根福德因緣  
**Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên**  
One cannot have few good roots, blessings, virtue, and causal connections

Dé Shēng Bǐ Guó. Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Shàn  
得 生 彼 國. 舍 利 弗! 若 有 善  
**đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện**  
to attain birth in that land. Shariputra! If there is a good man

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shuō Ā Mí Tuó Fó,  
男 子, 善 女 人, 聞 說 阿 彌 陀 佛  
**nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật,**  
or good woman who hears spoken 'Amitabha' and holds the name,

Zhí Chí Míng Hào. Ruò Yī Rì, Ruò Èr Rì,  
執 持 名 號. 若 一 日, 若 二 日,  
**chấp trì danh hiệu. Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật,**  
whether for one day, two days,

Ruò Sān Rì, Ruò Sì Rì, Ruò Wǔ Rì,  
若 三 日, 若 四 日, 若 五 日,  
**nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật,**  
three days, four days, five days,

Ruò Liù Rì, Ruò Qī Rì, Yī Xīn Bú Luàn,  
若 六 日, 若 七 日, 一 心 不 亂,  
**nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn,**  
six days, as long as seven days, with one heart unconfused,

Qí Rén Lín Mìng Zhōng Shí, Ā Mí Tuó Fó Yǔ Zhū  
其 人 臨 命 終 時, 阿 彌 陀 佛 與 諸  
**kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư**  
when this person approaches the end of life, before him will appear Amitabha

Shèng Zhòng, Xiàn Zài Qí Qián; Shì Rén Zhōng Shí,  
聖 眾, 現 在 其 前; 是 人 終 時,  
**thánh chúng, hiện tại kỳ tiền; thị nhân chung thời,**  
and all the assembly of holy ones. When the end comes,

Xīn Bù Diān Dào, Jí Dé Wǎng Shēng Ā Mí Tuó Fó  
心 不 顛 倒, 即 得 往 生 阿 彌 陀 佛  
**tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật**  
his heart is without inversion; in Amitabha's Land of Ultimate Bliss,

Jí Lè Guó Tǔ. Shè Lì Fó! Wǒ Jiàn Shì Lì, Gù  
極 樂 國 土. 舍 利 弗! 我 見 是 利 故  
**Cực Lạc quốc độ. Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố**  
he will attain rebirth. Shariputra! Because I see this benefit,

Shuō Cǐ Yán, Ruò Yǒu Zhòng Shēng Wén Shì Shuō  
說 此 言, 若 有 眾 生 聞 是 說  
**thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết**  
I speak these words: If living beings hear this spoken, they make

Zhě, Yīng Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ. Shè  
者, 應 當 發 願 生 彼 國 土. 舍  
**giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá**  
the vow, 'I wish to be born in that Land'.

Lì Fó! Rú Wǒ Jīn Zhě, Zàn Tàn Ā Mí Tuó  
利 弗! 如 我 今 者, 讚 歎 阿 彌 陀  
**Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán tán A Di Đà**  
Shariputra! As I now, praise the inconceivable benefit



Fó, Bù Kě Sì Yì Gōng Dé Zhī Lì. Dōng Fāng  
佛, 不可思議功德之利. 東方  
**Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi. Đông phương**  
from the merit and virtue of Amitabha, thus in the East there are also exist

Yì Yǒu Ā Chù Pí Fó, Xū Mí Xiàng Fó, Dà  
亦有阿閼鞞佛, 須彌相佛, 大  
**diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại**  
Aksobhya Buddha, Sight of Mount Sumeru Buddha, Great Mount Sumeru

Xū Mí Fó, Xū Mí Guāng Fó, Miào Yīn Fó;  
須彌佛, 須彌光佛, 妙音佛;  
**Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật;**  
Buddha, Light of Mount Sumeru Buddha, Wondrous Voice Buddha; All Buddhas

Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí  
如是等恆河沙數諸佛, 各於其  
**như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ**  
such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings

Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù Sān  
國, 出廣長舌相, 徧覆三  
**quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam**  
forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán:  
千大千世界, 說誠實言:  
**thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words:

“Rũ Dểng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn  
汝 等 眾 生, 當 信 是 稱 讚  
**“Nhữ đảng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán**  
‘All you living beings should believe, praise and hold in reverence the

Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè Zhū Fó  
不 可 思 議 功 德 一 切 諸 佛  
**Bát Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật**  
inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all

Suǒ Hộ Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Nán Fāng Shì  
所 護 念 經. 舍 利 弗! 南 方 世  
**Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phát! Nam phương thế**  
Buddhas are protective’. Shariputra! In the Southern worlds there are exist

Jiè Yǒu Rì Yuè Dēng Fó, Míng Wén Guāng  
界 有 日 月 燈 佛, 名 聞 光  
**giới hữu Nhật Nguyệt Đẳng Phật, Danh Văn Quang**  
Lamp of Sun and Moon Buddha, Light of Renown Buddha,

Fó, Dà Yàn Jiān Fó, Xū Mí Dēng Fó, Wú  
佛, 大 燄 肩 佛, 須 彌 燈 佛, 無  
**Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô**  
Great Flaming Shoulders Buddha, Lamp of Mount Sumeru Buddha,

Liàng Jīng Jìn Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā  
量 精 進 佛; 如 是 等 恆 河 沙  
**Lượng Tinh Tấn Phật; như thị đẳng Hằng hà sa**  
Infinite Diligence Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands.

Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng  
數 諸 佛, 各 於 其 國, 出 廣 長  
**số chư Phật, các ở kỳ quốc, xuất quảng trường**  
In his own country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue.

Shé Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè,  
舌 相, 徧 覆 三 千 大 千 世 界,  
**thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới,**  
Everywhere covering three thousand great thousand worlds, and speaks the

Shuō Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng  
說 誠 實 言: 汝 等 眾 生, 當  
**thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương**  
sincere and actual words. ‘All you living beings should believe, praise and

Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì  
信 是 稱 讚 不 可 思 議 功 德 一  
**tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất**  
hold in reverence in the inconceivable merit and virtue of this sutra of the

Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng” Shè Lì Fó!  
切 諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗!  
**Thiệt Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phật!**  
mindful one of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

Xī Fāng Shì Jiè Yǒu Wú Liàng Shòu Fó,  
西 方 世 界 有 無 量 壽 佛,  
**Tây Phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật,**  
In the Western world there are exist Amitayus Buddha,

Wú Liàng Xiàng Fó, Wú Liàng Chuáng Fó, Dà  
無 量 相 佛, 無 量 幢 佛, 大  
**Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại**  
Infinite Marks Buddha, Infinite Banners Buddha,

Guāng Fó, Dà Míng Fó, Bǎo Xiàng Fó, Jìng  
光 佛, 大 明 佛, 寶 相 佛, 淨  
**Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh**  
Great Light Buddha, Great Clear Buddha, Marks of Reality Buddha, Light of

Guāng Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū  
光 佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸  
**Quang Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư**  
Purity Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own

Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,  
佛, 各 於 其 國, 出 廣 長 舌 相,  
**Phật, các w kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng,**  
country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere

Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng  
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠  
**biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành**  
covering the three thousand great thousand worlds, and speaks the sincere

Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì  
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信 是  
**thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị**  
and actual words. ‘All you living beings should believe, praise and hold

Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yī Qiè  
稱 讚 不 可 思 議 功 德 一 切  
**Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết**  
in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful

Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng". Shè Lì Fó! Běi  
諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗! 北  
**Chur Phật Sở Hộ Niệm Kinh". Xá Lợi Phậ!** Bắc  
one of whom all Buddhas are protective'. Shariputra! In the Northern world

Fāng Shì Jiè Yǒu Yàn Jiān Fó, Zuì Shèng Yīn  
方 世 界 有 燄 肩 佛, 最 勝 音  
**phương thế giới hữu Diễm Kiên Phậ, Tối Thắng Âm**  
there are exist Flaming Shoulders Buddha, Supreme Voice Buddha, Unstoppable

Fó, Nán Jǔ Fó, Rì Shēng Fó, Wǎng Míng  
佛, 難 沮 佛, 日 生 佛, 網 明  
**Phậ, Nan Trở Phậ, Nhật Sanh Phậ, Vông Minh**  
Buddha, Born of the Sun Buddha, Netted Light Buddha; All Buddhas

Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú  
佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於  
**Phậ; như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phậ, các ư**  
such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings forth

Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù  
其 國, 出 廣 長 舌 相, 徧 覆  
**kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ**  
the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán:  
三 千 大 千 世 界, 說 誠 實 言:  
**tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words:

“Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù  
汝 等 眾 生, 當 信 是 稱 讚 不  
“**Nhữ đấng chúng sanh, đưng tín thị Xưng Tán Bất**  
'All you living beings should believe, praise and hold in reverence the

Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè Zhū Fó Suǒ  
可 思 議 功 德 一 切 諸 佛 所  
**Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở**  
inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all

Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Xià Fāng Shì Jiè  
護 念 經. 舍 利 弗! 下 方 世 界  
**Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phật! Hạ phương thế giới**  
Buddhas are protective'. Shariputra! In the worlds below (nadir direction) there

Yǒu Shī Zǐ Fó, Míng Wén Fó, Míng Guāng Fó,  
有 師 子 佛, 名 聞 佛, 名 光 佛,  
**hữ Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật,**  
are exist Lion Buddha, Renown Buddha, Famous Light Buddha, Bodhidharma

Dá Mó Fó, Fǎ Chuáng Fó, Chí Fǎ Fó; Rú  
達 摩 佛, 法 幢 佛, 持 法 佛; 如  
**Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật; như**  
Buddha, Dharma Banner Buddha, Upholding the Dharma Buddha; All

Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí Guó,  
是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於 其 國,  
**thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc,**  
Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings

Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān  
出 廣 長 舌 相, 徧 覆 三 千  
**xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên**  
forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng  
大 千 世 界, 說 誠 實 言: 汝 等  
**đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words: ‘All

Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī  
眾 生, 當 信 是 稱 讚 不 可 思  
**chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư**  
you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable

Yì Gōng Dé Yī Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn  
議 功 德 一 切 諸 佛 所 護 念  
**Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm**  
merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are

Jīng”. Shè Lì Fó! Shàng Fāng Shì Jiè Yǒu  
經. 舍 利 弗! 上 方 世 界 有  
**Kinh”. Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu**  
protective’. Shariputra! In the worlds above (zenith direction) there are exist

Fàn Yīn Fó, Sù Wáng Fó, Xiāng Shàng Fó,  
梵音佛, 宿王佛, 香上佛,  
**Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật,**  
Pure Voice Buddha, King of Star Buddha, Incense Fragrance Buddha,

Xiāng Guāng Fó, Dà Yàn Jiān Fó, Zà Sè  
香光佛, 大燄肩佛, 雜色  
**Hương Quang Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tạp Sắc**  
Fragrance Light Buddha, Great Flaming Shoulders Buddha, Colorful and

Bǎo Huá Yán Shēn Fó, Suō Luó Shù Wáng Fó,  
寶華嚴身佛, 娑羅樹王佛,  
**Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật,**  
Precious Flower Adornment Body Buddha, Sala Tree King Buddha,

Bǎo Huá Dé Fó, Jiàn Yī Qiè Yī Fó, Rú  
寶華德佛, 見一切義佛, 如  
**Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như**  
Precious Flower Virtue Buddha, Vision of all Truths Buddha, such as

Xū Mí Shān Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū  
須彌山佛; 如是等恆河沙數諸  
**Tu Di Sơn Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư**  
Mount Sumeru Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands.

Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,  
佛, 各於其國, 出廣長舌相,  
**Phật, các w kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng,**  
In his own country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue.



*Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng*  
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠  
***biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành***  
Everywhere covering the three thousand great thousand worlds and speaks the

*Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì*  
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信 是  
***thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị***  
sincere and actual words: ‘All you living beings should believe, praise and hold

*Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè*  
稱 讚 不 可 思 議 功 德 一 切  
***Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết***  
In the reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one

*Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Yú Rǔ*  
諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗! 於 汝  
***Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! U như***  
of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

*Yì Yún Hé? Hé Gù Míng Wéi: Yì Qiè Zhū Fó Suǒ*  
意 云 何? 何 故 名 為 一 切 諸 佛 所  
***y vân hà? Hà cố danh vi: Nhất Thiết Chư Phật Sở***  
What do you think? Why is it called sutra of the mindful one

*Hù Niàn Jīng? Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Shàn*  
護 念 經? 舍 利 弗! 若 有 善  
***Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện***  
of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shì Jīng Shòu Chí Zhě,  
男 子, 善 女 人, 聞 是 經 受 持 者  
**nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh thọ trì giả,**  
If a good man or good woman hears this sutra and hold to it,

Jí Wén Zhū Fó Míng Zhě, Shì Zhū Shàn Nán Zǐ,  
及 聞 諸 佛 名 者, 是 諸 善 男 子,  
**cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử,**  
and hears the names of all these Buddhas, these good man or good woman

Shàn Nǚ Rén Jiē Wéi Yí Qiè Zhū Fó Zhī Suǒ Hù  
善 女 人, 皆 為 一 切 諸 佛 之 所 護  
**thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ**  
will be the mindful one of whom all Buddhas are protective,

Niàn, Jiē Dé Bú Tuì Zhuǎn Yú Ā Nuò Duō Luó Sān  
念, 皆 得 不 退 轉 於 阿 耨 多 羅 三  
**niệm, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam**  
and will irreversibly attain Annutara-Samyak-

Miǎo Sān Pú Tí. Shì Gù Shè Lì Fó! Rǔ Děng  
藐 三 菩 提. 是 故 舍 利 弗! 汝 等  
**Miêu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phát! Nhữ đẳng**  
Sambodhi. Therefore, Shariputra! All of you should believe and

Jiē Dāng Xìn Shòu Wǒ Yǔ, Jí Zhū Fó Suǒ Shuō.  
皆 當 信 受 我 語, 及 諸 佛 所 說.  
**giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.**  
accept my words, and those which all Buddhas speak.

Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Rén Yǐ Fā Yuàn, Jīn  
舍 利 弗! 若 有 人 已 發 願, 今  
**Xá Lợi Phát! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim**  
Shariputra! If there are people who have already made the vow,

Fā Yuàn, Dāng Fā Yuàn, Yù Shēng Ā Mí  
發 願, 當 發 願, 欲 生 阿 彌  
**phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di**  
who now make the vow, or will make the vow, 'I desire to be born

Tuó Fó Guó Zhě, Shì Zhū Rén Děng, Jiē Dé Bú  
陀 佛 國 者, 是 諸 人 等, 皆 得 不  
**Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất**  
in Amitabha's country'. These people whether born in the past,

Tuì Zhuǎn Yú Ā Nuò Duō Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí,  
退 轉 於 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩 提,  
**thối chuyển w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,**  
now being born, or to be born in the future, all

Yú Bǐ Guó Tǔ Ruò Yǐ Shēng, Ruò Jīn Shēng,  
於 彼 國 土 若 已 生, 若 今 生,  
**w bǐ quốc độ nhược dĩ sanh, nhược kim sanh,**  
will irreversibly attain Annutara-Samyak-Sambodhi.

Ruò Dāng Shēng. Shì Gù Shè Lì Fó! Zhū Shàn  
若 當 生. 是 故 舍 利 弗! 諸 善  
**nhược đương sanh. Thị cố xá Lợi Phát! Chư thiện**  
Therefore, Shariputra!

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Ruò Yǒu Xìn Zhě, Yīng  
男 子, 善 女 人, 若 有 信 者, 應  
**nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng**  
all good man and good woman, if they are among those who have faith,

Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ. Shè Lì Fó!  
當 發 願, 生 彼 國 土. 舍 利 弗!  
**đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá Lợi Phất!**  
should make the vow, 'I will be born in that country'. Shariputra!

Rú Wǒ Jīn Zhě Chēng Zàn Zhū Fó Bù Kě Sī  
如 我 今 者 稱 讚 諸 佛 不 可 思  
**Như ngã kim giả xưng tán chư Phật bất khả tư**  
Just as I am now one who praise the merit and virtue of all

Yì Gōng Dé, Bǐ Zhū Fó Děng, Yì Chēng Zàn Wǒ  
議 功 德, 彼 諸 佛 等, 亦 稱 讚 我  
**ngộ công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã**  
Buddhas, all those Buddhas equally praise my inconceivable

Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Ér Zuò Shì Yán: “Shì  
不 可 思 議 功 德 而 作 是 言: 釋  
**bất khả tư ngộ công đức nhi tác thị ngôn: “Thích**  
merit and virtue saying these words: ‘Shakyamuni Buddha

Jiā Móu Ní Fó Néng Wéi Shèn Nán Xī Yǒu Zhī Shì,  
迦 牟 尼 佛 能 為 甚 難 希 有 之 事,  
**Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự,**  
can complete extremely rare and difficult deeds, in the Saha Land,

Néng Yú Suō Pó Guó Tǔ, Wǔ Zhuó È Shì: Jié Zhuó,  
能 於 娑 婆 國 土 五 濁 惡 世: 劫 濁,  
**năng w Sa Bà quốc độ, ngũ trước ác thế: kiếp trước,**  
in the evil time of the Five Turbidities, in the midst of the Kalpa Turbidity,

Jiàn Zhuó, Fán Nǎo Zhuó, Zhòng Shēng Zhuó, Mìng  
見 濁, 煩 惱 濁, 眾 生 濁, 命  
**kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng**  
the View Turbidity, the Affliction Turbidity, the Living Beings Turbidity,

Zhuó Zhōng, Dé Ā Nuò Duō Luó Sān Miǎo Sān Pú  
濁 中, 得 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩  
**trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ**  
and the Life Turbidity. He can attain Annutara-Samyak-Sambodhi and

Tí, Wèi Zhū Zhòng Shēng, Shuō Shì Yī Qiè Shì  
提, 為 諸 眾 生, 說 是 一 切 世  
**Đề, vì chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế**  
For the sake of living beings, speak this Dharma which in the whole

Jiān Nán Xìn Zhī Fǎ” Shè Lì Fó! Dāng Zhī Wǒ  
間 難 信 之 法. 舍 利 弗! 當 知 我  
**gian nan tín chi Pháp” Xá Lợi Phất! Đương tri ngã**  
world is hard to believe’. Shariputra! You should know that I,

Yú Wǔ Zhuó È Shì, Xíng Cǐ Nán Shì Dé Ā Nuò Duō  
於 五 濁 惡 世 行 此 難 事 得 阿 耨 多  
**w ngũ trước ác thế, hành thử nan sự đắc A Nậu Đa**  
in the evil time of the Five Turbidities, practice these difficult deeds, attain

Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí, Wèi Yī Qiè Shì Jiàn  
羅 三 藐 三 菩 提, 為 一 切 世 間  
**La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vi nhất thiết thế gian**  
Annutara-Samyak-Sambodhi, and for all the world speak

Shuō Cǐ Nán Xìn Zhī Fǎ, Shì Wéi Shèn Nán. Fó  
說 此 難 信 之 法, 是 為 甚 難. 佛  
**thuyết thử nan tín chi Pháp, thị vi thậm nan. Phật**  
this Dharma, difficult to believe, extremely difficult!

Shuō Cǐ Jīng Yǐ, Shè Lì Fó Jí Zhū Bǐ Qiū,  
說 此 經 已, 舍 利 弗 及 諸 比 丘,  
**thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phật cập chư Tỳ - kheo,**  
After the Buddha spoke this sutra, Shariputra and all the bhikshus, all the gods,

Yī Qiè Shì Jiān, Tiān, Rén, Ā Xiū Luó Děng, Wén  
一 切 世 間, 天, 人, 阿 修 羅 等, 聞  
**nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đấng, vãn**  
humans and asurea, and others from all the worlds, hearing what the Buddha had

Fó Suǒ Shuō, Huān Xǐ Xìn Shòu, Zuò Lǐ Ér Qù.  
佛 所 說 歡 喜 信 受, 作 禮 而 去  
**Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.**  
said, joyously welcomed. Faithfully accepted, bowed and withdrew.

Fó Shuō Ā Mí Tuó Jīng.  
佛 說 阿 彌 陀 經.  
**Phật thuyết A Di Đà Kinh.**  
The Buddha spoke the Amitabha Sutra.

Bá Yì Qiè Yè Zhàng Gēn Běn Dé Shēng  
拔 一 切 業 障 根 本 得 生  
**Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh**  
Dharani for pulling out karmic obstructions by the roots and obtaining birth

Jìng Tǔ Tuó Luó Ní.  
淨 土 陀 羅 尼  
**Tịnh Độ đà la ni.**  
in the Pure Land.

Wǎng Shēng Zhòu  
往 生 咒  
**VĂNG SANH CHÚ**  
**Dharani For Rebirth In Pure Land**

Nán Mó Ā Mí Duō Pó Yè, Duō Tā Qié Duō Yè,  
南 無 阿 彌 多 婆 夜, 哆 他 伽 多 夜  
**Nam mô A di đà bà dạ, đà tha già đà dạ,**

Duō Dì Yè Tā, Ā Mí Lì Dū Pó Pí,  
哆 地 夜 他, 阿 彌 利 都 婆 毗,  
**đa địa dạ tha, A di rị đô bà tỳ,**

Ā Mí Lì Duō, Xī Dān Pó Pí, Ā Mí Lì Duō,  
阿 彌 利 哆, 悉 耽 婆 毗, 阿 彌 唎 哆,  
**A di rị đà, tát đām bà tỳ, A di rị đà,**

*Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập* Trang 48  
*National Grand Master Chung Fung Amitabha Buddha Thrice*  
*Yearning And Chanting Service*

*Pí Jiā Lán Dì, Ā Mí Lì Duō, Pí Jiā Lán Duō,*  
毗 迦 蘭 帝, 阿 彌 唎 哆, 毗 迦 蘭 多,  
*tỳ ca lan đé, A di rị đā, tỳ ca lan đā,*

*Qié Mí Ní, Qié Qié Nà, Zhǐ Duō Jiā Lì.*  
伽 彌 膩, 伽 伽 那, 枳 多 迦 利.  
*già di nị, già già na, chỉ đā ca lệ.*

*Suō Pó Hē.*  
娑 婆 訶.

*Sa bà ha.* (3 lần)

*Nán Mó Lián Chí Hùi Pú Sà Mó Hē Sà.*  
南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩

*Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.* (3 lần)  
Homage to the Lotus Pool Assembly of Bodhisattvas, Mahasattvas. (3 times)

*Kāi Shì*

開 示

**KHAI THỊ<sup>4</sup>**

**Upadhyaya Recites**

*Shì Jiè Hé Yuán Chēng Jí Lè*  
世 界 何 緣 稱 極 樂

***Thế giới hà duyên xưng Cực Lạc?***

Why do we call the land of Amitabha Buddha as the  
Land of Ultimate Bliss?



Zhǐ Yīn Zhòng Kǔ Bù Néng Qīn  
只 因 眾 苦 不 能 侵  
**Chỉ nhân chúng khổ bất năng xâm,**  
It is because all the pains and suffering do not exist on  
Amitabha Buddha's land,

Dào Rén Ruò Yào Xún Guī Lù  
道 人 若 要 尋 歸 路  
**Đạo nhân nhược yếu tâm quy lộ,**  
So, if any of the believers wants to seek the path to this land,

Dàn Xiàng Chén Zhōng Liǎo Zì Xīn  
但 向 塵 中 了 自 心  
**Đản hướng trần trung liễu tự tâm!**  
Then one needs to look through the dust and deep into  
one's true nature and realizing the Buddhist way.

Xīn Xīn Jí Fó Tí Hú Sū Lào Xián Zì Rǔ Shēng  
心 心 即 佛 醍 醐 酥 酪 咸 自 乳 生  
**Tâm tâm tức Phật, đề hồ, tô, lạc, hàm tự nhũ sanh.**  
Cheese and yogurt are cultivated from milk, you and the Buddha have the same

Fú Fú Wéi Xīn Chāi Chuàn Píng Pán Jìn Cóng Jīn  
佛 佛 惟 心 釵 釧 瓶 盤 盡 從 金  
**Phật Phật duy tâm. Thoa xuyên bình bàn, tận tòng kim**  
nature. Bracelets and golden vases are fabricated for gold. The Buddha is the

Chū. Shí Wàn Yì Chéng Dōng, Xī Bù Gé. Èr Liù  
出 十 萬 億 程 東 西 不 隔 二 六  
**xuất. Thập vạn ức trình, Đông, Tây bất cách; nhị lục**  
Buddha because of the heart. Trillions of miles from East to West, twenty-four

Shí Nèi, Fán Shèng Tóng Tú, Dī Tóu Hé Zhǎng  
時 內 凡 聖 同 途 低 頭 合 掌  
**thời nội, phàm thánh đồng đồ. Đê đầu hiệp chưởng**  
hours a day, mortals and saints all start from the same point. In Buddhism we  
believed that everyone has the potential of becoming a Buddha. We also believed

Bái Yù Hào, Xīng Míng Rì Lì. Gē Yǒng Zàn Yáng  
白 玉 毫 星 明 日 麗 歌 詠 讚 揚  
**bach ngọc hào, tinh minh nhật lệ. Ca vịnh tán dương**  
that everyone should want to become a Buddha. How is that possible and how could  
it be achieved? First, it is because deep in the Degenerate Age (In the distant future)

Zǐ Jīn Róng, Tíng Zhèn Léi Hōng. Qīng Liáng Yuè  
紫 金 容 霆 震 雷 轟 清 涼 月  
**tử kim dung. Đình chân lôi oanh, thanh lương nguyệt**  
when all Sutras have dis-appeared and people's capacities are at a low level, they  
will not be aware of any method other than Buddha Recitation. If they do not believe

Xī Yǒu Shuǐ Jiē Hán. Gōng Dé Yún Ér Wú Shān Bù  
兮 有 水 皆 含 功 德 雲 而 無 山 不  
**hề hữu thủy giai hàm. Công đức vân nhi vô sơn bất**  
in and practice Pure Land's method, they will certainly remain mired in the cycle of  
Birth and Death. Within that cycle, good actions are difficult to perform while bad

Dài Xiāng Xiàng Dù Hé Yí Jǔ Hóng Míng Chāo Èr Sǐ  
戴 香 象 渡 河 一 舉 洪 名 超 二 死  
**đôi. Hương tượng độ hà, nhất cử hồng danh siêu nhị tử.**  
deeds are easy to commit. The advantages for practice Pure Land's method is that  
people can take their residual Karma along with them to the Amitabha's land, by  
relying on their own vows and those of Amitabha Buddha. Once there, they have

Jiā Líng Chū Ké Qiān Chēng Jiā Hào Yā Qún Yīn. Xià  
迦陵出殼千稱嘉號壓群音下  
**Ca lǎng xuất xác, thiên xưng gia hiệu áp quần âm.** Họ  
escaped Birth and Death, achieved nonretrogression, and can progress in cultivation

Qíng Wéi Cǔn Yǐ Nán Sī. Yí Niàn Huí Guāng Ér Yì Wǎng  
情唯忖以難思一念回光而易往  
**tình duy thốn dĩ nan tư, nhất niệm hồi quang nhi dị vãng.**  
until they reach the stage of Buddhahood. Everyone knows that he or she needs to

Jiù Jìng Bù Jū Xīn Wài. Fēn Míng Zhǐ Zài Mù  
究竟不居心外分明祇在目  
**Cứu cánh bất cư tâm ngoại, phân minh kỳ tại mục**  
have the right environment and capable people helping in order to accomplish some-

Qián. Shěn Rú Shì. Jí Jīn Zhòng Děng. Jì Niàn  
前審如是即今眾等繫念  
**tiền! Thâm như thị, tức kim chúng đẳng, hệ niệm**  
thing faster and easier. Amitabha Buddha offers this opportunity to everyone who

Mí Tuó. Sān Shí Fó Shì. Zhǐ Rú Bù Shè Zhèng Xiū.  
彌陀三時佛事只如不涉證修  
**Di Đà tam thời Phật sự. Chỉ như bất thiệp chứng tu,**  
wants to truly escape the cycle of Birth and Death. We need to look into our mind,

Qīn Méng Shòu Jì Yí Jù. Rú Hé Jǔ Yáng  
親蒙授記一句如何舉揚  
**thân môn thọ ký nhất cú, như hà cử dương?**  
the true and deluded so if we could get rid of deluded mind, we can become a  
Buddha. How can I praise the Amitabha Buddha?

Fēng Yín Shù Shù Qiān Bān Lè  
風 吟 樹 樹 千 般 樂

**Phong ngấm thụ thụ thiên ban nhạc,**

When soft wind blows, the rows of precious trees give forth  
subtle and wonderful sounds.

Xiāng Jìn Chí Chí Sì Sè Huá  
香 浸 池 池 四 色 華

**Hương tẩm trì trì tứ sắc hoa.**

In the pool of the seven jewels, filled with the eight waters of  
merit and virtue, the four different colored lotuses blossom.

Zàn Fó Jié

讚 佛 偈

**TÁN PHẬT KỆ**

**Praise To Amitabha Buddha**

Ā Mí Tuó Fó Shēn Jīn Sè. Xiàng Hǎo Guāng Míng  
阿 彌 陀 佛 身 金 色。 相 好 光 明

**A Di Đà Phật thân kim sắc. Tướng hảo quang minh**

Amitabha's body is the color of gold. The spender of his hallmarks

Wú Děng Lún. Bái Háo Wǎn Zhuǎn Wǔ Xū Mí.  
無 等 倫。 白 毫 宛 轉 五 須 彌

**vô đẳng luân. Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di.**

has no peer. The light of his brow shines around a hundred worlds,

Gàn Mù Chéng Qīng Sì Dà Hǎi. Guāng Zhōng Huà  
紺 目 澄 清 四 大 海。 光 中 化

**Cám mục trùng thanh tứ đại hải. Quang trung hóa**

wide as the seas are his eyes pure and clear. Shining in his brilliance

Fó Wú Shù Yì. Hóa Pú Sà Zhòng Yì Wú Biān. Sì  
佛 無 數 億. 化 菩 薩 眾 亦 無 邊. 四  
**Phật vô số ức. Hóa Bồ Tát chúng diệp vô biên. Tứ**  
by transformation, are countless Bodhisattvas and infinite Buddhas.

Shí Bā Yuàn Dù Zhòng Shēng. Jiǔ Pǐn Xián  
十 八 願 度 眾 生. 九 品 咸  
**thập bát nguyện độ chúng sanh. Cửu phẩm hàm**  
His forty-eight vows will be our liberation. In nine lotus-stages

Lìng Dēng Bǐ Àn. Nán Mó Xī Fāng Jí Lè  
令 登 彼 岸. 南 無 西 方 極 樂  
**lĩnh đặng bỉ ngạn. Nam mô Tây Phương Cực Lạc**  
we reach the farthest shore. Homage to the Buddha of the Western

Shì Jiè. Dà Cí Dà Bēi Ā Mí Tuó Fó.  
世 界. 大 慈 大 悲 阿 彌 陀 佛  
**Thế Giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.**  
Pure Land, Kind and Compassionate, Amitabha Buddha.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó.... Ā Mí Tuó Fó.  
南 無 阿 彌 陀 佛... 阿 彌 陀 佛  
**Nam mô A Di Đà Phật.... A Di Đà Phật.**  
Homage to Amitabha Buddha.....Amitabha Buddha

Mí Tuó Dà Yuàn Zàn

彌陀大願讚

DI ĐÀ ĐẠI NGUYỆN TÁN

**Great Vows Of Amitabha Buddha**

Dì Yí Dà Yuàn . Guān Xiǎng Mí Tuó

第一 大 願 . 觀 想 彌 陀

**Đệ nhất đại nguyện. Quán tưởng Di Đà.**

The first vows that everyone should make is by picturing Amitabha Buddha, and his

Sì Shí Bā Yuàn Dù Suō Pó . Jiǔ Pǐn Yǒng Jīn Bō

四 十 八 願 度 娑 婆 . 九 品 湧 金 波

**Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà. Cửu phẩm dũng kim ba.**

forty-eight compassionate vows that he made in order to liberate and save all of us from suffering in the Saha Land. In nine Lotus-stages, he shines his brilliance upon us.

Bǎo Wǎng Jiāo Luó . Dù Wáng Líng Chū Ài Hé

寶 網 交 羅 . 度 亡 靈 出 愛 河

**Bảo võng giao la. Độ vong linh xuất ái hà.**

The magic nets build a bridge, he enable us to reach the Western Pure Land and escape the pains and sufferings of reincarnation forever.

Nán Mó Lián Chí Huì Pú Sà Mó Hē Sà .

南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩

**Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)**

Homage to the Lotus Pool Assembly of Bodhisattvas, Mahasattvas. (3 times)

*Kāi Shì*

開示

**KHAI THI<sup>5</sup>**

**Upadhyaya Recites**

*Zhū Kǔ Jìn Cóng Tān Yù Qǐ*  
諸 苦 盡 從 貪 欲 起

***Chư khổ tận tòng tham dục khởi,***

All the pains and sufferings originate from the  
three major evil passions: greed, anger,

*Bù Zhī Tān Yù Qǐ Yú Hé*  
不 知 貪 欲 起 於 何

***Bất tri tham dục khởi u hà?***

and stupidity. Out of these three, greed is the  
root. Where does greed originate?

*Yīn Wàng Zì Xìng Mí Tuó Fó*  
因 忘 自 性 彌 陀 佛

***Nhân vong tự tánh Di Đà Phật,***

It is because we abandon our true mind,  
the mind of a potential enlightened being.

*Yì Niàn Fēn Chí Zǒng Shì Mó*  
異 念 紛 馳 總 是 魔

***Dị niệm phân trì tổng thị ma!***

As a result, absurd or false desires,  
the root of evil, arise and ruin our life.

Jiào Zhōng Dào. Shēng Ér Wú Shēng, Fǎ Xìng Zhàn  
教 中 道 生 而 無 生 法 性 湛  
**Giáo trung đạo: Sanh nhi vô sanh, pháp tánh tràm**  
In the Buddha's teaching, the Sutra consistently tell us that there is no

Rán. Wú Shēng Ér Shēng, Yè Guǒ Yǎn Rán  
然 無 生 而 生 業 果 儼 然  
**nhiên. Vô sanh nhi sanh, nghiệp quả nghiêm nhiên.**  
birth, death, reincarnation, etc. in the sense of true mine. However, in all

Suǒ Wèi Shēng Zhě. Jí Zhòng Shēng Shēng Miè Zhī Jī Yě  
所 謂 生 者 即 眾 生 生 滅 之 迹 也  
**Sở vị sanh giả, tức chúng sanh sanh diệt chi tích dã.**  
living beings, there also exist a deluded mind which created false images;

Wèi Wú Shēng Zhě. Jí Zhū Fó Jì Miè Zhī Běn Yě  
謂 無 生 者 即 諸 佛 寂 滅 之 本 也  
**Vị vô sanh giả, tức chư Phật tịch diệt chi bản dã.**  
thus, it created attachment. For example, the reason for the booming of

Fǎ Xìng Zhàn Rán Zhě. Líng Míng Zhàn Jì  
法 性 湛 然 者 靈 明 湛 寂  
**Pháp tánh tràm nhiên giả, linh minh tràm tịch,**  
the cosmetic industries is because people want to look young again.

Xuán Miào Zhēn Cháng. Gè Gè Bù Wú. Rén Rén  
玄 妙 真 常 箇 箇 不 無 人 人  
**huyền diệu chân thường, cá cá bất vô, nhân nhân**  
They will do anything to stop the aging process. Various tests has



Běn Jù. Zhǐ Yīn Zuì Chū Bù Jué. Hū Ěr Dòng Xīn  
本 具 只 因 最 初 不 覺 忽 爾 動 心  
**bổn cụ. Chỉ nhân tối sơ bất giác, hốt nhĩ động tâm,**  
been done on animals that were harmful to them. This image

Rèn Wàng Wéi Zhēn. Mí Jǐ Zhú Wù. Yóu Shì Yè Wǎng  
認 妄 為 真 迷 己 逐 物 由 是 業 網  
**nhận vọng vi chân, mê kỷ trục vật. Do thị nghiệp võng**  
of youth, that we become so attached to, is also the starting point

Qiān Chán. Liú Zhuǎn Wǔ Dào. Héng Suí Shēng Sǐ Yǐ  
牽 纏 流 轉 五 道 恆 隨 生 死 以  
**kiên triền, lưu chuyển ngũ đạo. Hằng tùy sanh tử dĩ**  
for all the sufferings, either to ourselves or to others. In all

Shēng Shěn. Gèng Gǔ Zhì Jīn Ěr Mí Jiān. Dāng Zhī  
升 沈 互 古 至 今 而 靡 間 當 知  
**thăng trầm, cǎng cổ chí kim nhi mĩ gián. Đương tri**  
living beings the true and deluded minds co-exist. In Buddha's

Shēng Zì Yuán Shēng. Ěr Fǎ Xìng Bù Yǔ Yuán Jū  
生 自 緣 生 而 法 性 不 與 緣 俱  
**sanh tự duyên sanh, nhi pháp tánh bất dĩ duyên câu**  
mind, there is only true mind, the very existing

Shēng Miè Zì Yuán Miè Ěr Fǎ Xìng Bù Yǔ Yuán  
生 滅 自 緣 滅 而 法 性 不 與 緣  
**sanh. Diệt tự duyên diệt, nhi pháp tánh bất dĩ duyên**  
for enlightenment. True mind is pure and undisturbed.

Jū Miè Suǒ Yǐ Yún Fǎ Xìng Zhàn Rán Shì Wèi  
俱 滅 所 以 云 法 性 湛 然 是 謂  
**câu diệt. Sở dĩ vân: Pháp tánh tràm nhiên. Thị vị:**  
For example, we could say that true mind is

Shēng Ér Wú Shēng Zhě Yě Wú Shēng Ér Shēng Zhě  
生 而 無 生 者 也 無 生 而 生 者  
**Sanh nhi vô sanh giả dã. Vô sanh nhi sanh giả,**  
like a pot of pure water. If we add other substances

Zhòng Shēng Mí Wàng Rù Xīn Jī Yè Chéng  
眾 生 迷 妄 入 心 積 業 成  
**chúng sanh mê vọng nhập tâm, tích nghiệp thành**  
like mud and dirt in the water, the water will

Guǒ Xū Shòu Lún Zhuǎn Wàng Jiàn Shēng Miè  
果 虛 受 輪 轉 妄 見 生 滅  
**quả. Hư thọ luân chuyển, vọng kiến sanh diệt.**  
then created false imageries. We, in return, are disturbed.

Yú Fǎ Xìng Tǐ Shàng Rú Jìng Xiàn Xiàng  
於 法 性 體 上 如 鏡 現 像  
**Ư Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng,**  
We become attached to these imageries that cause sufferings

Sì Zhū Suí Sè Dāng Zhī Jìng Guāng Běn Jìng  
似 珠 隨 色 當 知 鏡 光 本 淨  
**tự châu tùy sắc. Đương tri kính quang bản tịnh,**  
to ourselves. We lost ourselves, and cover up our

Zhū Tǐ Jué Hén Wù Jìng Hù Zhāng Bù Wéi  
珠 體 絕 痕 物 境 互 彰 不 違  
**châu thể tuyệt ngân. Vật cảnh hỗ chương, bất vi**  
true mind. As a result, we can not escape the six paths

Sè Xiàng Bǐ Sè Xiàng Zhī Qù Lái Yóu Yè  
色 像 彼 色 像 之 去 來 猶 業  
**sắc tượng. Bỉ sắc tượng chi khứ lai, do nghiệp**  
of reincarnation. In our life time, we are constantly chasing

Guǒ Zhī Yǎn Rán Yě Gù Zhū Fó Yú Yǎn  
果 之 儼 然 也 故 諸 佛 於 儼  
**quả chi nghiêm nhiên dã. Cố chư Phật ư nghiêm**  
for something. Most of us never know what it is. Why? Because

Rán Shēng Miè Zhōng Wéi Jiàn Wú Shēng Zhòng Shēng  
然 生 滅 中 唯 見 無 生 眾 生  
**nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh. Chúng sanh**  
after we got it, we did not want it anymore. In reality, how many

Yú Zhàn Rán Wú Shēng Zhōng Wéi Jiàn Shēng Miè  
於 湛 然 無 生 中 唯 見 生 滅  
**ư trạm nhiên vô sanh trung, duy kiến sanh diệt.**  
of us are happy with what we have now? That is why life become

Zhī Yīn Mí Wù Zhī Yǒu Chā Suì Zhì Xiàn Liàng  
只 因 迷 悟 之 有 差 遂 致 現 量  
**Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai, toại trí hiện lượng**  
a never ending process of chase. Buddha realized the eternal within

Zhī Bù Yī Shí Nǎi Shēng Wú Zì Xìng Wú Shēng Yì  
之 不 一 實 乃 生 無 自 性 無 生 亦  
**chī bất nhất; thực nãi sanh vô tự tánh, vô sanh diệt**  
existence. Mortals see only the temporary aspect of the eternal.

Wú Zì Xìng Wù Zé Shēng Miè Jiē Wú Shēng Mí Zé  
無 自 性 悟 則 生 滅 皆 無 生 迷 則  
**vô tự tánh. Ngộ tức sanh diệt giai vô sanh, mê tức**  
It is the difference between ignorance and illumination. Thus different

Wú Shēng Jiē Shēng Miè Suǒ Yǐ Lí Cǐ Bié Wú Shì Nǎi  
無 生 皆 生 滅 所 以 離 此 別 無 是 乃  
**vô sanh giai sanh diệt. Sở dĩ, ly thử biệt vô, thị nãi**  
outlooks and attitudes are produced. The illuminated realizes the eternal

Yì Tǐ Ér Yì Míng Yě Shěn Rú Shì Zé Ā Mí  
一 體 而 異 名 也 審 如 是 則 阿 彌  
**nhất thể nhi dị danh dã. Thâm như thị. Tắc A Di**  
of temporary existence. The ignorant sees only the temporary in the

Tuó Fó Jí Shì Wǒ Xīn Wǒ Xīn Jí Shì Ā Mí Tuó Fó  
陀 佛 即 是 我 心 我 心 即 是 阿 彌 陀 佛  
**Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật.**  
eternal of life. The nature of the Dharma is one, but with two different

Jìng Tǔ Jí Cǐ Fāng Cǐ Fāng Jí Jìng Tǔ  
淨 土 即 此 方 此 方 即 淨 土  
**Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ.**  
aspects. Thus, Amitabha and we are one. The Pure Land is here

Qǐ Fēi Mí Wù Zhī Zì Shū Hé Yǒu Shèng Fán  
豈 非 迷 悟 之 自 殊 何 有 聖 凡  
**Khởi phi mê ngộ chi tự thù, hà hữu thánh phàm**  
and now. The difference is a matter of ignorance and realization.

Ēr Bǐ Cǐ Nǎi Zhī Xiàn Qián Zhòng Děng Yǐ Zì Xìng  
而 彼 此 乃 知 現 前 眾 等 以 自 性  
**nhi bỉ thử? Nãi tri hiện tiền chúng đẵng, dĩ tự tánh**  
Saints and mortals have the same nature. We, as a congregation,

Ā Mí Tuó Yǔ Dà Zhòng Shé Gēn Pǔ Tóng Yùn Zhuǎn  
阿 彌 陀 與 大 眾 舌 根 普 同 運 轉  
**A Di Đà, dĩ đại chúng thiết căn, phổ đồng vận chuyển**  
should look for the Buddha within and use our words to turn the

Gēn Běn Fǎ Lún Zhū Rén Huán Wěi Xī Me  
根 本 法 輪 諸 仁 還 委 悉 麼  
**căn bản pháp luân. Chư nhân hoàn ủy tất ma?**  
wheel of the Dharma. Do you still have any more doubts?

Shēng Miè Wú Shēng Shēng Bù Shēng  
生 滅 無 生 生 不 生  
**Sanh diệt vô sanh sanh bất sanh,**  
Life is eternal, yet existence is illusive,

Lè Bāng Nà Kěn Jìn Rén Xíng  
樂 邦 那 肯 禁 人 行  
**Lạc bang na khảng cấm nhân hành,**  
How then can paradise be off limits?

Shéi Zhī Wàn Zhàng Hóng Chén Lǐ  
誰 知 萬 丈 紅 塵 裡  
**Thùy tri vạn trượng hồng trần lý,**  
In the mire of mortal existence,

Hàn Dàn Huá Kāi Yuè Zhèng Míng  
菡 萏 華 開 月 正 明  
**Hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh.**  
Flowers are blossoming and the moon is full.

Nán Mó Xī Fāng Jí Lè Shì Jiè. Dà Cí Dà  
南 無 西 方 極 樂 世 界. 大 慈 大  
**Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đại từ đại**  
Homage to the Buddha of the Western Pure Land, Kind and Compassionate,

Bēi Ā Mí Tuó Fó.  
悲 阿 彌 陀 佛  
**bi A Di Đà Phật.**  
Amitabha Buddha.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó.... Ā Mí Tuó Fó.  
南 無 阿 彌 陀 佛... 阿 彌 陀 佛  
**Nam mô A Di Đà Phật.... A Di Đà Phật.**  
Homage to Amitabha Buddha.....Amitabha Buddha.

Nán Mó Guān Shì Yīn Pú Sà  
南 無 觀 世 音 菩 薩  
**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. (3 lần)**  
Homage to the Guan Yin Bodhisattva. (3 times)

Nán Mó Dà Shì Zhì Pú Sà  
南 無 大 勢 至 菩 薩

**Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Great Strength Bodhisattva. (3 times)

Nán Mó Qīng Jìng Dà Hǎi Zhòng Pú Sà  
南 無 清 淨 大 海 眾 菩 薩

**Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Bodhisattvas in the great pure congregation. (3 times)

Pú Xián Pú Sà Shí Dà Yuàn  
普 賢 菩 薩 十 大 願

**PHỔ HIỆN BỒ TÁT THẬP ĐẠI NGUYỆN**  
**Samantabhadra Bodhisattva's Ten Grand Vows**

Yī Zhě Lǐ Jìng Zhū Fó  
一 者 禮 敬 諸 佛

**Nhất giả lễ kính chư Phật.**  
Firstly, is to worship and respect all Buddhas.

Èr Zhě Chēng Zàn Rú Lái  
二 者 稱 讚 如 來

**Nhị giả xưng tán Như Lai.**  
Secondly, is to make praises to the thus come ones.

Sān Zhě Guǎng Xiū Gòng Yǎng  
三 者 廣 修 供 養

**Tam giả quảng tu cúng dường.**  
Thirdly, is to practice profoundly the giving of offerings.

Sì Zhě Chàn Huǐ Yè Zhàng  
四 者 懺 悔 業 障

**Tứ giả sám hối nghiệp chướng.**  
Fourthly, is to repent and perform all karmic hindrance.

Wũ Zhě Suí Xǐ Gōng Dé  
五 者 隨 喜 功 德

**Ngũ giả tùy hỷ công đức.**  
Fifthly, is rejoice and follow in merit and virtue.

Lìu Zhě Qǐng Zhuǎn Fǎ Lún  
六 者 請 轉 法 輪

**Lục giả thỉnh chuyển Pháp Luân.**  
Sixthly, is to request that the Dharma wheels be turned.

Qī Zhě Qǐng Fó Zhù Shì  
七 者 請 佛 住 世

**Thất giả thỉnh Phật trụ thế.**  
Seventhly, request that the Buddhas remain in the world.

Bā Zhě Cháng Suí Fó Xué  
八 者 常 隨 佛 學

**Bát giả thường tùy Phật học.**  
Eighthly, is to follow the Buddha's teaching always.

Jiǔ Zhě Héng Shùn Zhòng Shēng  
九 者 恒 順 眾 生

**Cửu giả hằng thuận chúng sanh.**  
Ninthly, is to constantly accord with all living beings.



Shí Zhě Pǔ Jiē Huí Xiàng

十 者 普 皆 迴 向

**Thập giả phổ giai hồi hướng.**

Tenthly, is to transfer all merit and virtue universally.

Zhòng Shēng Wú Biān Shì Yuàn Dù

眾 生 無 邊 誓 願 度

**Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.**

Living beings are limitless, I vow to cross them all.

Fán Nǎo Wú Jìn Shì Yuàn Duàn

煩 惱 無 盡 誓 願 斷

**Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.**

Afflictions are inexhaustible, I vow to eliminate them.

Fǎ Mén Wú Liàng Shì Yuàn Xué

法 門 無 量 誓 願 學

**Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.**

Dharma-doors are immeasurable, I vow to learn them.

Fó Dào Wú Shàng Shì Yuàn Chéng

佛 道 無 上 誓 願 成

**Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.**

The Buddha-path is unsurpassed, and I vow to achieve it.

*Fó Bảo Zàn*  
佛寶讚  
**PHẬT BẢO TÁN**  
**Praise To Buddha**

*Fó Bảo Zàn Wú Qióng*  
佛寶讚無窮  
**Phật bảo tán vô cùng.**  
Praise to the Buddha are endless.

*Gōng Chéng Wú Liàng Jié Zhōng*  
功成無量劫中  
**Công thành vô lượng kiếp trung.**  
Supreme enlightenment is achieved after diligent practice in countless kalpas.

*Wéi Wéi Zhàng Liù Zǐ Jīn Róng*  
巍巍丈六紫金容  
**Nguy nguy trượng lục tử kim dung.**  
A golden posture of seventy feet.

*Jué Dào Xuě Shān Fēng*  
覺道雪山峰  
**Giác đạo Tuyết Sơn phong.**  
He became illuminated in the ice peak.

*Méi Jì Yù Háo Guāng Càn Làn*  
眉際玉毫光燦爛  
**Mi té ngọc hào quang xán lạn.**  
The white curl radiates.

Zhào Kāi Liù Dào Hūn Méng

照 開 六 道 昏 蒙

**Chiếu khai lục đạo hôn mêng.**

Shines through the ignorance of the six paths.

Lóng Huá Sān Huì Yuàn Xiāng Féng

龍 華 三 會 願 相 逢

**Long Hoa tam hội nguyện tương phùng.**

We wish we will meet again under the Dragon Flower tree.

Yǎn Shuō Fǎ Zhēn Zōng

演 說 法 真 宗

**Diễn thuyết pháp chân tông.**

Where we listen to the Dharma of truth.

Lóng Huá Sān Huì Yuàn Xiāng Féng

龍 華 三 會 願 相 逢

**Long Hoa tam hội nguyện tương phùng.**

We wish we will meet again under the Dragon Flower tree.

Yǎn Shuō Fǎ Zhēn Zōng

演 說 法 真 宗

**Diễn thuyết pháp chân tông.**

Where we listen to the Dharma of truth.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó

南 無 阿 彌 陀 佛

**Nam mô A Di Đà Phật.**

Homage to Amitabha Buddha.

Kāi Shì

開是

**KHAI THI<sup>6</sup>**

**Upadhyaya Recites**

Rén Rén Fēn Shàng Běn Yǒu Mí Tuó Gè Gè Xīn  
人 人 分 上 本 有 彌 陀 箇 箇 心  
**Nhân nhân phần thượng, bổn hữu Di Đà. Cá cá tâm**  
Everyone can be Amitabha. The Pure Land is in the mind.

Zhōng Zǒng Wéi Jìng Tǔ Liǎo Zé Tóu Tóu Jiàn Fó  
中 總 為 淨 土 了 則 頭 頭 見 佛  
**trung, tổng vì Tịnh Độ. Liễu tắc đầu đầu kiến Phật,**  
For the realized, each sight manifests the Buddha. For the illuminated,

Wù Lái Bù Bù Xī Fāng Shàng Lái Qǐ Jiàn Sān  
悟 來 步 步 西 方 上 來 啟 建 三  
**ngộ lai bộ bộ Tây Phương. Thượng lai khai kiến tam**  
every step is to the Western Pure Land.

Shí Jì Niàn Jìng Yè Dào Chǎng Jīn Dāng Dì  
時 繫 念 淨 業 道 場 今 當 第  
**thời hệ niệm tịnh nghiệp đạo tràng, kim đương đệ**  
The first part of the Pure Land Thrice Yearning Service

Yí Shí Fó Shì Yǐ Yuán Rú Shàng Shū Xūn Tóu  
一 時 佛 事 已 圓 如 上 殊 勳 投  
**nhất thời Phật sự dĩ viên. Như thượng thù huân, đầu**  
is now completed. All seekers are delivered into

Rù Mí Tuó Dà Yuàn Hǎi Zhōng Zhuān Wéi Wáng  
入 彌 陀 大 願 海 中 專 為 亡  
**nhập Di Đà đại nguyện hải trung, chuyên vị vong**  
Amitabha's great sea of vows. This service prays for the

Líng Qiú Shēng Jìng Tǔ Dàn Niàn Zì Cóng  
靈 求 生 淨 土 但 念 自 從  
**linh \_\_\_\_\_ cầu sanh Tịnh Độ. Đản niệm: Tự tùng**  
deceased \_\_\_\_\_ to be reborn in the Pure Land. From beginningless

Wú Shǐ Qì Zhì Jīn Shēng Yī Niàn Wéi Zhēn Liù  
無 始 迄 至 今 生 一 念 違 真 六  
**vô thủy, ngật chí kim sanh; nhất niệm vi chân, lục**  
to now, we have been ignorant of the truth. Chasing the falsehood

Gēn Zhú Wàng Suí Qíng Zào Yè Zòng Wǒ Wéi Fēi  
根 逐 妄 隨 情 造 業 縱 我 為 非  
**căn trục vọng, tùy tình tạo nghiệp, túng ngã vi phi.**  
of our senses. Lusting after passion builds karma. Living from egos

Shēn Yè Zé Shā Dào Xié Yīn Kǒu Guò Zé Wàng  
身 業 則 殺 盜 邪 婬 口 過 則 妄  
**Thân nghiệp tác sát, đạo, tà dâm. Khẩu quá tác vọng**  
and evil deeds, action are murderous, thievery and immoral. Words are

Yán Qǐ Yǔ Liǎng Shé È Kǒu Yì È Zé Cháng  
言 綺 語 兩 舌 惡 口 意 惡 則 常  
**ngôn, yǔ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Ý ác tác thường**  
lies, trickery, double talk, and abusive. Thoughts

Qǐ Tān Chēn Shēn Shēng Chī Ài Yóu Zī Sān Yè  
起 貪 瞋 深 生 癡 愛 由 茲 三 業  
**khởi tham sân, thâm sanh si ái. Do tư tam nghiệp,**  
are greed, hatred, and craving. These three types of

Gōu Suǒ Wàng Yuán Cháng Gǔ Gǔ Yú Chén Láo Dàn  
鉤 鎖 妄 緣 常 汨 汨 於 塵 勞 但  
**câu tỏa vọng duyên, thường cốt cốt w trần lao, đản**  
karma chain our beings to the mirage of life.

Máng Máng Yú Suì Yuè Yù Sī Chū Lí Wéi Píng  
茫 茫 於 歲 月 欲 思 出 離 唯 憑  
**mang mang w tuế nguyệt. Dục tư xuất ly, duy bằng**  
Emancipation is only possible by repenting.

Chàn Huǐ Xūn Xiū Zhī Lì Bì Yǎn Ěr Bí Shé Shēn  
懺 悔 熏 修 之 力 俾 眼 耳 鼻 舌 身  
**sám hối huân tu chi lực. Tỷ nhân nhĩ tỵ thiết thân**  
Let's repent for the sins of eyes, ears, nose, tongue, body

Yì Zhī Guò Qiān Yīng Niàn Dùn Xiāo Shǐ Sè Shēng  
意 之 過 愆 應 念 頓 消 使 色 聲  
**y chí quá khiên, ứng niệm đốn tiêu. Sử sắc, thanh,**  
and thoughts. Let's penetrate the distraction of sight, sounds,

Xiāng Wèi Chù Fǎ Zhī Fú Chén Jí Shí Qīng Jìng  
香 味 觸 法 之 浮 塵 即 時 清 淨  
**huương, vị, xúc, pháp chi phù trần, tức thời thanh tịnh.**  
smells, taste, feelings, and perceptions.

Yòu Jí Lè Qiú Shēng Quán Píng Fā Yuàn  
又 極 樂 求 生 全 憑 發 願  
**Hự Cự Lạc cầu sanh toàn bằng phát nguyện.**  
Purify your spirit here and now. Vow to be

Yǎng Láo Fǎ Zhòng Yì Kǒu Tóng Yīn Jìng Wéi  
仰 勞 法 眾 異 口 同 音 敬 為  
**Ngưỡng lao pháp chúng dị khẩu đồng âm, kính vi**  
reborn in the Pure Land. Let's all help the

Wáng Líng Zhì Xīn Chàn Huǐ Fā Yuàn  
亡 靈 至 心 懺 悔 發 願  
**vong linh chí tâm sám hối, phát nguyện.**  
deceased solemnly repent and vow.

Chàn Huǐ

懺 悔

**SÁM HỐI**

**Repentance**

Wǎng Xī Suǒ Zào Zhū È Yè  
往 昔 所 造 諸 惡 業  
**Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.**  
For all bad karma created in the past,

Jiē Yóu Wú Shǐ Tān Chēn Chī  
皆 由 無 始 貪 瞋 癡

**Giai do vô thủy tham sân si.**

Based upon beginningless greed, hatred, and stupidity,

Cóng Shēn Yǔ Yì Zhī Suǒ Shēng  
從 身 語 意 之 所 生  
**Tùng thân ngữ ý chí sở sanh.**  
And born of body, mouth, and mind,

Jīn Duì Fó Qián Qiú Chàn Huǐ  
今 對 佛 前 求 懺 悔  
**Kim đối Phật tiền cầu sám hối.**  
I now repent and reform.

Zhòng Shēng Wú Biān Shì Yuàn Dù  
眾 生 無 邊 誓 願 度  
**Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.**  
Living beings are limitless, I vow to cross them all.

Fán Nǎo Wú Jìn Shì Yuàn Duàn  
煩 惱 無 盡 誓 願 斷  
**Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.**  
Afflictions are inexhaustible, I vow to eliminate them.

Fǎ Mén Wú Liàng Shì Yuàn Xué  
法 門 無 量 誓 願 學  
**Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.**  
Dharma-doors are immeasurable, I vow to learn them.

Fó Dào Wú Shàng Shì Yuàn Chéng  
佛 道 無 上 誓 願 成  
**Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.**  
The Buddha-path is unsurpassed, and I vow to achieve it.



*Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập* Trang 73  
*National Grand Master Chung Fung Amitabha Buddha Thrice*  
*Yearning And Chanting Service*

*Nán Mó Pǔ Xián Wáng Pú Sà Mó Hē Sà*  
南 無 普 賢 王 菩 薩 摩 訶 薩

***Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.*** (3 lần)  
Homage to the Samantabhadra, the king of the Bodhisattva, Mahasattva.  
(3 times)

*Kāi Shì*

開 示

**KHAI THỊ<sup>7</sup>**

**Upadhyaya Recites**

*Shàng Lái Chàn Huǐ Fā Yuàn Yǐ Jìng Wáng Líng*  
上 來 懺 悔 發 願 已 竟 亡 靈

***Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh. Vong linh***  
Now that we have repented and vowed. The deceased

*Dāng Zhī Fū Jìng Tǔ Zhī Wéi Jiào Yě*  
當 知 夫 淨 土 之 為 教 也

***đương tri: Phù Tịnh Độ chi vi giáo dã.***  
should know the path to the Pure Land. Amitabha

*Yǎng Chéng Ā Mí Tuó Fó Sì Shí Yǒu Bā Dà Cí*  
仰 承 阿 彌 陀 佛 四 十 有 八 大 慈

***Ngưỡng thừa A Di Đà Phật tứ thập hữu bát đại từ***  
makes forty-eight kind of compassionate vows to bring

*Dà Bēi Shēn Zhòng Yuàn Lì Shè Qǔ Shí Fāng*  
大 悲 深 重 願 力 攝 取 十 方

***đại bi thâm trọng nguyện lực, nhiếp thủ thập phương***  
salvation to beings in all space. All believers

Yī Qiē Zhòng Shēng Fán Jù Xīn Xīn Zhě Jiē Dé  
一 切 眾 生 凡 具 信 心 者 皆 得  
**nhất thiết chúng sanh. Phàm cụ tín tâm giả, giai đắc**  
can be reborn in the Western Pure Land.

Wǎng Shēng Xìn Zhě Xìn Yǒu Xī Fāng Jìng Tǔ Xìn  
往 生 信 者 信 有 西 方 淨 土 信  
**vãng sanh. Tín giả. Tín hữu Tây Phương Tịnh Độ; tín**  
We should believe in the existence of possibility of

Yǒu Ā Mí Tuó Fó Shè Qǔ Zhòng Shēng Zhī Shì  
有 阿 彌 陀 佛 攝 取 眾 生 之 事  
**hữu A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh chi sự.**  
rebirth in his Pure Land. We should believe that it is

Wǒ Děng Zhòng Shēng Xìn Yǒu Wǎng Shēng Zhī Fēn  
我 等 眾 生 信 有 往 生 之 分  
**Ngã đẳng chúng sanh tín hữu vãng sanh chi phần.**  
a manifestation from the mind, not from the out side.

Rán Suī Wèi Mí Tuó Shè Qǔ Zhòng Shēng Wǎng Shēng  
然 雖 謂 彌 陀 攝 取 眾 生 往 生  
**Nhiên tuy vị Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh,**  
Words without deed are vanity. The Surangama Sutra says,

Yào Xìn Wéi Shì Suí Xīn Zì Xiàn Gǎn Yīng Dào Jiāo  
要 信 唯 是 隨 心 自 現 感 應 道 交  
**yếu tín duy thị tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao,**  
“Control the six senses, purify your thoughts. With effort,

Jiù Jìng Fēi Cóng Wài Dé Rú Shì Xìn Zhě Shì  
究 竟 非 從 外 得 如 是 信 者 是  
**cíu cánh phi tòng ngoại đắc. Như thị tín giả, thị**  
your mind will open.” The Amitabha Sutra says, “If there

Wéi Zhēn Xìn Xìn Ér Wú Xíng Jí Bù Chéng Qí Xìn  
為 真 信 信 而 無 行 即 不 成 其 信  
**vi chân tín. Tín nhi vô Hạnh, tức bất thành kỳ tín.**  
is a good man or woman who hears spoken ‘Amitabha’ and

Xíng Zhě Léng Yán Jīng Yún Dōu Shè Liù Gēn  
行 者 稜 嚴 經 云 都 攝 六 根  
**Hạnh giả, Lăng Nghiêm kinh vân: Đô nhiếp lục căn,**  
holds the name, whether for one day, two days,

Jìng Niàn Xiāng Jì Bù Jiǎ Fāng Biàn Zì Dé Xīn  
淨 念 相 繼 不 假 方 便 自 得 心  
**tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm**  
as long as seven days, with one heart unconfused,

Kāi Ā Mí Tuó Jīng Yún Ruò Yǒu Shàn Nán Zǐ  
開 阿 彌 陀 經 云 若 有 善 男 子  
**khai. A Di Đà kinh vân: Nhược hữu thiện nam tử,**  
when this person approaches the end of life, before

Shàn Nǚ Rén Wén Shuō Ā Mí Tuó Fó Zhí Chí  
善 女 人 聞 說 阿 彌 陀 佛 執 持  
**thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì**  
him will appear Amitabha and all the Assembly

Míng Hào Ruò Yī Rì Ruò Èr Rì Nǎi Zhì  
名 號 若 一 日 若 二 日 乃 至  
**đanh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nãi chí**  
of Holy ones. When the end comes, his heart is

Qī Rì Yī Xīn Bù Luàn Qí Rén Lín Mìng  
七 日 一 心 不 亂 其 人 臨 命  
**thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng**  
without inversion, in Amitabha's land of

Zhōng Shí Ā Mí Tuó Fó Yǔ Zhū Shèng Zhòng  
終 時 阿 彌 陀 佛 與 諸 聖 眾  
**chung thời, A Di Đà Phật dĩ chư thánh chúng**  
Ultimate Bliss he will attain rebirth. These are

Xiàn Zài Qí Qián Shì Rén Zhōng Shí Xīn Bù Diān  
現 在 其 前 是 人 終 時 心 不 顛  
**hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên**  
the right actions to follow. Deed without

Dào Jí Dé Wǎng Shēng Ā Mí Tuó Fó Jí Lè Guó  
倒 即 得 往 生 阿 彌 陀 佛 極 樂 國  
**đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc**  
a goal are vanity. Our goals should resound

Tǔ Rú Shì Xíng Zhě Shì Míng Zhèng Xíng Xíng  
土 如 是 行 者 是 名 正 行 行  
**độ. Như thị hành giả thị danh Chánh Hạnh. Hạnh**  
the forty-eight vows of Amitable Buddha.

Ēr Wú Yuàn Jí Bù Chéng Qí Xíng Yuàn Zhě  
而 無 願 即 不 成 其 行 願 者  
**nhì vô Nguyên, tức bất thành kỳ Hạnh. Nguyên giả,**  
There are the noblest of all vows.

Yào Yǔ Ā Mí Tuó Fó Sì Shí Bā Yuàn Yuàn  
要 與 阿 彌 陀 佛 四 十 八 願 願  
**yếu dĩ A Di Đà Phật tứ thập bát nguyện, nguyện**  
Faith, action, and vows are the legs of a

Yuàn Xiāng Yìng Shì Wéi Dà Yuàn Yě Xìn Xíng  
願 相 應 是 為 大 願 也 信 行  
**nguyện tương ứng thị vi đại nguyện dã. Tín, Hạnh,**  
tripod, which can not stand when one is

Yuàn Sān Rú Dǐng Sān Zú Quē Yì Bù Kě  
願 三 如 鼎 三 足 缺 一 不 可  
**Nguyên tam, như đỉnh tam túc, khuyết nhất bất khả!**  
missing. Now, you ( the deceased ) realize

Jīn Ēr Wáng Líng Dāng Zhī Xiàn Qián Yì Niàn  
今 爾 亡 靈 當 知 現 前 一 念  
**Kim nhĩ vong linh đương tri: Hiện tiền nhất niệm,**  
the possibility. Faith, action, and vows are

Běn Zì Yuán Cháng Xìn Xíng Yuàn Yuán Shì Zì  
本 自 圓 常 信 行 願 原 是 自  
**bổn tự viên thường. Tín, Hạnh, Nguyên. Nguyên thị tự**  
the merit and potential. All that is

Jǐ Běn Lái Jù Yǒu Rú Shì Xìng Dé Jīn Zhě Dàn  
己 本 來 具 有 如 是 性 德 今 者 但  
**kỹ bốn lai cụ hữu, như thị tánh đức. Kim giả đản**  
needed is to illuminate you true nature.

Shì Běn Xìng Guāng Míng Xiǎn Fā Ěr  
是 本 性 光 明 顯 發 耳  
**thị bản tánh quang minh hiển phát nhĩ.**

Mí Tuó Zàn

彌 陀 讚

DI ĐÀ TÁN

### Praise To Amitabha Buddha

Ā Mí Tuó Fó Wú Shàng Yī Wáng  
阿 彌 陀 佛 無 上 醫 王  
**A Di Đà Phật vô thượng y vương,**  
Amitabha Buddha, the utmost of all healer,

Wéi Wéi Jīn Xiāng Fàng Háo Guāng  
巍 巍 金 相 放 毫 光  
**Nguy nguy kim tướng phóng hào quang.**  
His grand golden posture emits a bright radiance.

Kǔ Hǎi Zuò Cí Háng  
苦 海 作 慈 航  
**Khổ hải tác từ hàng.**  
In the sea of sorrow, he is the savior.

Giũ Pĩn Lián Bāng

九 品 蓮 邦

**Cửu phẩm liên bang,**

Salvation is in the nine-grand lotus world,

Tóng Yuàn Wǎng Xī Fāng

同 願 往 西 方

**Đồng nguyện vãng Tây Phương.**

Let us all go together to the Western Pure Land.

Nán Mó Lián Chí Huì Pú Sà Mó Hē Sà

南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩

**Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)

Homage to the Lotus Pool assembly of Bodhisattvas and Mahasattva.

(3 times)





*Dì Èr Shí Fǎ Shì*

第二時法事

**ĐỆ NHỊ THỜI PHÁP SỰ**

**Congregation Recite Part II of Chanting Service**

*Nán Mó Lián Chí Hǎi Hùi Fó Pú Sà*  
南 無 蓮 池 海 會 佛 菩 薩

***Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.*** (3 lần)  
Homage to Lotus Pool Assembly of Buddhas and Bodhisattvas. (3 times)

*Fó Shuō Ā Mí Tuó Jīng*

佛說阿彌陀經

**PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH**

**The Buddha Spoke the Amitabha Sutra**

*Rú Shì Wǒ Wén: Yí Shí Fó Zài Shè Wèi Guó,*  
如 是 我 聞: 一 時 佛 在 舍 衛 國.

***Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc,***  
Thus, I have heard, at one time, the Buddha dwelt at Shravasti

*Qí Shù Gěi Gū Dú Yuán, Yǔ Dà Bǐ Qiū Sēng,*  
祇 樹 給 孤 獨 園, 與 大 比 丘 僧,

***Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên, dĩ đại Tỷ kheo tăng,***  
in the Jeta Grove in the garden of the benefactor of orphans and the solitary,

*Qiān Èr Bǎi Wǔ Shí Rén Jù, Jiē Shì Dà Ā*  
千 二 百 五 十 人 俱, 皆 是 大 阿

***thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A***  
together with a gathering of Great Bhiksus, twelve hundred fifty in all, all

*Luó Hàn, Zhòng Suǒ Zhī Shì: Zhǎng Lǎo Shè Lì*  
羅漢. 眾所知識: 長老舍利  
***La Hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá Lợi***  
great Arhats whom the assembly knew and recognized: Elders Shariputra,

*Fó, Mó Hē Mù Jiàn Lián, Mó Hē Jiā Shè,*  
弗, 摩訶目犍連, 摩訶迦葉,  
***Phát, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp,***  
Mahamaudgalyayan, Mahakasyapa,

*Mó Hē Jiā Zhān Yán, Mó Hē Jū Chī Luó,*  
摩訶迦旃延, 摩訶俱絺羅,  
***Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La,***  
Mahakatyayana, Mahakausthila,

*Lí Pó Duō, Zhōu Lì Pán Tuó Qié, Nán Tuó, Ā Nán*  
離婆多, 周利槃陀伽, 難陀, 阿難  
***Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan***  
Revata, Suddhipanthaka, Nanda, Ananda,

*Tuó, Luó Hóu Luó, Jiāo Fàn Pō Tí, Bīn Tóu Lú*  
陀, 羅睺羅, 憍梵波提, 賓頭盧  
***Đà, La Hâu La, Kiêu Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô***  
Rahula, Gavampati, Pindola-Bharadvaja,

*Pō Luó Duò, Jiā Liú Tuó Yí, Mó Hē Jié Bīn*  
頗羅墮, 迦留陀夷, 摩訶劫賓  
***Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân***  
Kalodayin, Mahakaphina,

Nà, Bó Jù Luó, Ā Nuò Lóu Tuó, Rú Shì Děng  
那, 薄 拘 羅, 阿 耨 樓 駄, 如 是 等  
**Na, Bạc Câu La, A Nậu Lôu Đà, như thị đẳng**  
Vakkula, Aniruddha, and others such as these,

Zhū Dà Dì Zǐ. Bìng Zhū Pú Sà Mó Hē Sà: Wén  
諸 大 弟 子. 并 諸 菩 薩 摩 訶 薩. 文  
**chư đại đệ tử. Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn**  
all great disciples; together with all the Bodhisattvas, Mahasattvas:

Shū Shī Lì Fǎ Wáng Zǐ, Ā Yì Duō Pú Sà, Qián  
殊 師 利 法 王 子. 阿 逸 多 菩 薩, 乾  
**Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Đạt Đa Bồ Tát, Càn**  
Dharma Prince Manjushri, Ajita Bodhisattva,

Tuó Hē Tí Pú Sà, Cháng Jīng Jìn Pú Sà, Yǔ  
陀 訶 提 菩 薩, 常 精 進 菩 薩, 與  
**Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dũ**  
Gandhastin Bodhisattva, Nityodyukta Bodhisattva,

Rú Shì Děng Zhū Dà Pú Sà, Jí Shì Tí Huán  
如 是 等 諸 大 菩 薩, 及 釋 提 桓  
**như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn**  
and others such as these, all great Bodhisattvas; and together with Sakra,

Yīn Děng, Wú Liàng Zhū Tiān Dà Zhòng Jū. Ēr  
因 等, 無 量 諸 天 大 眾 俱. 爾  
**nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu. Nhĩ**  
chief among Gods, and the numberless great multitudes from all the heavens.

Shí Fó Gào Zhǎng Lǎo Shè Lì Fó: Cóng Shì Xī  
時 佛 告 長 老 舍 利 弗: 從 是 西  
**thời Phật cáo Trưởng Lão Xá Lợi Phất: Tàng thị Tây**  
At that time, the Buddha told the Elder Shariputra: "Passing from here through

Fāng, Guò Shí Wàn Yì Fó Tǔ, Yǒu Shì Jiè  
方 過 十 萬 億 佛 土, 有 世 界  
**phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới**  
hundreds of thousands of millions of Buddhlands to the West, there is a world

Míng Yuē Jí Lè, Qí Tǔ Yǒu Fó, Hào Ā Mí Tuó,  
名 曰 極 樂, 其 土 有 佛, 號 阿 彌 陀,  
**danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà,**  
called Ultimate Bliss. In this land a Buddha called Amitabha

Jīn Xiàn Zài Shuō Fǎ. Shè Lì Fó! Bǐ Tǔ Hé Gù  
今 現 在 說 法. 舍 利 弗! 彼 土 何 故  
**kim hiện tại thuyết pháp. Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố**  
right now teaches the Dharma. Shariputra! For what reason is this land called

Míng Wéi Jí Lè? Qí Guó Zhòng Shēng Wú Yǒu Zhòng  
名 為 極 樂? 其 國 眾 生 無 有 眾  
**danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng**  
Ultimate Bliss? All living beings of this country endure none of the sufferings,

Kǔ, Dàn Shòu Zhū Lè, Gù Míng Jí Lè. Yòu Shè  
苦, 但 受 諸 樂, 故 名 極 樂. 又 舍  
**khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc. Hựu Xá**  
but enjoy every bliss. Therefore, it is called Ultimate Bliss. Moreover, Shariputra!

Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Qī Chóng Lán Shǔn,  
利 弗! 極 樂 國 土, 七 重 欄 楯,  
**Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn,**  
this land of Ultimate Bliss is every where surrounded by seven tiers of railings,

Qī Chóng Luó Wǎng, Qī Chóng Hàng Shù, Jiē Shì Sì  
七 重 羅 網, 七 重 行 樹, 皆 是 四  
**thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ**  
seven layers of netting, and seven rows of trees, all formed from the

Bǎo, Zhōu Zá Wéi Rào, Shì Gù Bǐ Guó Míng Wéi  
寶, 周 匝 圍 繞, 是 故 彼 國 名 為  
**bǎo, châu tạp vì nhiều, thị cố bỉ quốc danh vì**  
four treasures and for this reason named Ultimate Bliss,

Jí Lè. Yòu Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Yǒu  
極 樂. 又 舍 利 弗! 極 樂 國 土, 有  
**Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, hữu**  
Moreover, Shariputra! The land of Ultimate Bliss has pools of the

Qī Bǎo Chí, Bā Gōng Dé Shuǐ, Chōng Mǎn Qí Zhōng,  
七 寶 池, 八 功 德 水, 充 滿 其 中,  
**thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung,**  
seven jewels. Filled with the eight waters of merit and virtue.

Chí Dǐ Chún Yī Jīn Shā Bù Dì. Sì Biān Jiē Dào,  
池 底 純 以 金 沙 布 地. 四 邊 階 道,  
**từ đế thuần dĩ kim sa bố địa. Tứ biên giai đạo,**  
The bottom of each pool is pure, spread over with golden sand. On the four sides

Jīn, Yín, Liú Lí, Bō Lí Hé Chéng; Shàng Yǒu  
金, 銀, 瑠璃, 玻 璃 合 成; 上 有  
**kim, ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành; thượng hữu**  
are stairs of gold, silver, lapis lazuli, crystal; above are raised pavilions

Lóu Gé, Yì Yǐ Jīn, Yín, Liú Lí, Bō Lí, Chē Qǔ,  
樓 閣, 亦 以 金, 銀, 瑠璃, 玻 璃, 碑 磬,  
**lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ,**  
adorned with gold, silver, lapis lazuli, crystal, mother-of-pearl,

Chì Zhū, Mǎ Nǎo, Ér Yán Shì Zhī. Chí Zhōng  
赤 珠, 瑪 瑙, 而 嚴 飾 之. 池 中  
**xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi. Trì trung**  
red pearls and carnelian. In the pools are lotuses

Lián Huá, Dà Rú Chē Lún: Qīng Sè Qīng Guāng,  
蓮 華, 大 如 車 輪: 青 色 青 光,  
**liên hoa, đại như xa luân: thanh sắc thanh quang,**  
as large as carriage wheels: green colored with green light;

Huáng Sè Huáng Guāng, Chì Sè Chì Guāng, Bái  
黃 色 黃 光, 赤 色 赤 光. 白  
**hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch**  
yellow colored with yellow light; red colored with red light; white

Sè Bái Guāng, Wēi Miào Xiāng Jié. Shè Lì Fó!  
色 白 光, 微 妙 香 潔. 舍 利 弗!  
**sắc bạch quang, vi diệu hương khiết. Xá Lợi Phất!**  
colored with white light; subtly, wonderfully fragrant and pure. Shariputra!

Jí Lè Guó Tǔ, Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé Zhuāng  
極 樂 國 土, 成 就 如 是 功 德 莊  
**Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang**  
The realization of the Land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

Yán. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Cháng  
嚴. 又 舍 利 弗! 彼 佛 國 土 常  
**nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thường**  
Moreover, Shariputra! In that Buddhaland there is always heavenly music,

Zuò Tiān Yuè, Huáng Jīn Wéi Dì, Zhòu Yè Liù Shí,  
作 天 樂, 黃 金 為 地, 晝 夜 六 時,  
**tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục thời,**  
and the ground is yellow gold. In the six periods of the day and night a heavenly

Yù Tiān Màn Tuó Luó Huá. Qí Tǔ Zhòng Shēng, Cháng  
雨 天 曼 陀 羅 華. 其 國 眾 生 常  
**vũ thiên mạn đà la hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường**  
rain of Mandarava flowers falls, and throughout the clear morning each living

Yǐ Qīng Dàn, Gè Yǐ Yī Gé, Chéng Zhòng Miào Huá,  
以 清 旦, 各 以 衣 襪 盛 眾 妙 華.  
**dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa,**  
being of this land, with sacks full of myriads of wonderful flowers, makes of

Gòng Yǎng Tā Fāng Shí Wàn Yì Fó, Jí Yǐ  
供 養 他 方 十 萬 億 佛, 即 以  
**cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ**  
offerings to the hundreds of thousands of millions of Buddhas of the other directions

Shí Shí, Huán Dào Běn Guó, Fàn Shí Jīng Xíng.  
食 時, 還 到 本 國, 飯 食 經 行.  
**thực thời, hoàn đảo bản quốc, phạn thực kinh hành.**  
At mealtime, they return to their own country, and having eaten they stroll around.

Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Chéng Jiù Rú  
舍 利 弗! 極 樂 國 土, 成 就 如  
**Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như**  
Shariputra! The realization of the Land of Ultimate Bliss

Shì Gōng Dé Zhuāng Yán. Fù Cì Shè Lì Fó!  
是 功 德 莊 嚴. 復 次 舍 利 弗!  
**thị công đức trang nghiêm. Phục thứ Xá Lợi Phát!**  
is thus meritoriously adorned. Moreover, Shariputra!

Bǐ Guó Cháng Yǒu Zhǒng Zhǒng Qí Miào, Zā Sè  
彼 國 常 有 種 種 奇 妙, 雜 色  
**bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu, tạp sắc**  
In this country there are always rare and wonderful varicolored

Zhī Niǎo: Bái Hè, Kǒng Què, Yīng Wǔ, Shè Lì,  
之 鳥: 白 鵠, 孔 雀, 鸚 鵡, 舍 利,  
**chi điểu: Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi,**  
birds: White cranes, peacocks, parrots and egrets, kalavinkas,

Jiā Líng Pín Qié. Gòng Mìng Zhī Niǎo, Shì Zhū  
迦 陵 頻 伽. 共 命 之 鳥, 是 諸  
**Ca Lăng Tần Già. Cộng mạng chi điểu, thị chư**  
and two headed birds. In the six periods of the day and night,



Zhòng Niǎo, Zhòu Yè Liù Shí, Chū Hé Yǎ Yīn. Qí  
眾 鳥, 晝夜六時出和雅音. 其  
**chúng điểu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm.** Kỳ  
the flocks of birds sing forth harmonious and elegant sounds. Their clear and

Yīn Yǎn Chàng: Wǔ Gēn, Wǔ Lì, Qī Pú Tí Fēn,  
音 演 暢: 五 根, 五 力, 七 菩 提 分,  
**âm diễn sướng: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần,**  
joyful sounds proclaim the five roots, the five powers, the seven bodhi shares the

Bā Shèng Đạo Fēn, Rú Shì Děng Fǎ. Qí Tǔ  
八 聖 道 分, 如 是 等 法. 其 土  
**bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp.** Kỳ độ  
eight sagely way shares, and Dharma such as these. When living beings of this

Zhòng Shēng, Wén Shì Yīn Yǐ, Jiē Xī Niàn Fó, Niàn  
眾 生, 聞 是 音 已, 皆 悉 念 佛, 念  
**chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm**  
land hear these sounds, they are altogether mindful of the Buddha, mindful of the

Fǎ, Niàn Sēng. Shè Lì Fó! Rǔ Wù Wèi Cǐ Niǎo,  
法, 念 僧. 舍 利 弗! 汝 勿 謂 此 鳥,  
**Pháp, niệm Tăng. Xá Lợi Phát! Nhữ vật vị thử điểu,**  
Dharma, and mindful of the Sangha. Shariputra! Do not say that these birds are born

Shí Shì Zuì Bào Suǒ Shēng. Suǒ Yǐ Zhě Hé? Bǐ Fó  
實 是 罪 報 所 生. 所 以 者 何? 彼 佛  
**thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật**  
as retribution for their karmic offenses. For what reason? In this Buddhaland there

Guó Tǔ Wú Sān È Dào. Shè Lì Fó! Qí Fó  
國 土 無 三 惡 道. 舍 利 弗! 其 佛  
**quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật**  
are no three evil ways of rebirth. Shariputra! In this Buddhaland not even

Guó Tǔ Shàng Wú È Dào Zhī Míng, Hé Kuàng  
國 土 尚 無 惡 道 之 名, 何 況  
**quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huống**  
the names of the three evil ways exist, how much the less their actuality!

Yǒu Shí, Shì Zhū Zhòng Niǎo, Jiē Shì Ā Mí Tuó  
有 實, 是 諸 眾 鳥, 皆 是 阿 彌 陀  
**hữu thật, thị chư chúng điểu, giai thị A Di Đà**  
Desiring that the Dharma should be widely proclaimed, Amitabha

Fó, Yù Lìng Fǎ Yīn Xuān Liú Biàn Huà Suǒ Zuò.  
佛, 欲 令 法 音 宣 流 變 化 所 作.  
**Phật, dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác.**  
Buddha by transformation made this multitude of birds.

Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Wēi Fēng Chuī Dòng,  
舍 利 弗! 彼 佛 國 土 微 風 吹 動,  
**Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ vi phong xuy động,**  
Shariputra! In that Buddhaland, when the soft wind blows,

Zhū Bǎo Hàng Shù, Jí Bǎo Luó Wǎng, Chū Wēi Miào  
諸 寶 行 樹, 及 寶 羅 網, 出 微 妙  
**chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu**  
the rows of jeweled trees and jeweled nets give forth subtle and wonderful sounds,

Yīn, Pì Rú Bǎi Qiān Zhǒng Yuè Tóng Shí Jū Zuò.  
音, 譬 如 百 千 種 樂 同 時 俱 作  
**âm, thí như bách thiên chủng nhạc đồng thời cụ tác.**  
like one hundred thousand kinds of music played at the same time. All those who

Wén Shì Yīn Zhě, Zì Rán Jiē Shēng: Niàn Fó, Niàn  
聞 是 音 者, 自 然 皆 生: 念 佛, 念  
**Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh: niệm Phật, niệm**  
hear this sound naturally bring forth in their hearts mindfulness of the Buddha,

Fǎ, Niàn Sēng Zhī Xīn. Shè Lì Fó! Qí Fó Guó  
法, 念 僧, 之 心. 舍 利 弗! 其 佛 國  
**Pháp, niệm Tăng chi tâm. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc**  
mindfulness of the Dharma, and mindfulness of the Sangha. Shariputra! The

Tǔ, Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé Zhuāng Yán.  
土 成 就 如 是 功 德 莊 嚴.  
**độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.**  
realization of the Land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

Shè Lì Fó! Yú Rǔ Yì Yún Hé? Bǐ Fó Hé Gù Hào  
舍 利 弗! 於 汝 意 云 何? 彼 佛 何 故 號  
**Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu**  
Shariputra! What do you think? Why is this Buddha called Amitabha?

Ā Mí Tuó? Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guāng Míng Wú  
阿 彌 陀? 舍 利 弗! 彼 佛 光 明 無  
**A Di Đà? Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô**  
Shariputra! The brilliance of that Buddha's light is measureless, illuminating the

Liàng, Zhào Shí Fāng Guó, Wú Suǒ Zhàng Ài,  
量, 照 十 方 國 無 所 障 礙,  
**lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại,**  
lands of the ten directions everywhere without obstruction;

Shì Gù Hào Wéi Ā Mí Tuó. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó  
是 故 號 為 阿 彌 陀. 又 舍 利 弗! 彼 佛  
**thị cố hiệu vi A Di Đà. Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật**  
For this reason he is called Amitabha. Moreover, Shariputra! The life of that

Shòu Mìng, Jí Qí Rén Mǐn, Wú Liàng Wú Biān Ā  
壽 命, 及 其 人 民 無 量 無 邊 阿  
**thọ mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên a**  
Buddha and that of his people extends for measureless, limitless Asandhyeya

Sēng Qí Jié, Gù Mìng Ā Mí Tuó. Shè Lì Fó!  
僧 祇 劫, 故 名 阿 彌 陀. 舍 利 弗!  
**tăng kỳ kiếp, cố danh A Di Đà. Xá Lợi Phát!**  
kalpas, for this reason he is called Amitabha. And Shariputra! Since

Ā Mí Tuó Fó Chéng Fó Yǐ Lái, Yú Jīn Shí Jié.  
阿 彌 陀 佛 成 佛 已 來, 於 今 十 劫.  
**A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, w kim thập kiếp.**  
Amitabha realized Buddhahood, ten Kalpas have passed

Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Yǒu Wú Liàng Wú Biān  
又 舍 利 弗! 彼 佛 有 無 量 無 邊  
**Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên**  
Moreover, Shariputra! That Buddha has measureless, limitless

Shēng Wén Dì Zǐ, Jiē Ā Luó Hàn, Fēi Shì Suàn Shù  
聲 聞 弟 子, 皆 阿 羅 漢, 非 是 算 數  
**Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số**  
Voice-hearer disciples, and Arhats, their number incalculable,

Zhī Suǒ Néng Zhī; Zhū Pú Sà Zhòng Yì Fù Rú  
之 所 能 知; 諸 菩 薩 眾 亦 復 如  
**chī sở năng tri; chư Bồ Tát chúng diệc phục như**  
thus also is the assembly of Bodhisattvas.

Shì. Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Chéng Jiù Rú  
是. 舍 利 弗! 彼 佛 國 土 成 就 如  
**thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như**  
Shariputra! The realization of the Land of Ultimate Bliss is thus

Shì Gōng Dé Zhuāng Yán. Yòu Shè Lì Fó! Jí  
是 功 德 莊 嚴. 又 舍 利 弗! 極  
**thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Cực**  
meritoriously adorned. Moreover, Shariputra! Those living

Lè Guó Tǔ, Zhòng Shēng Shēng Zhě, Jiē Shì Ā Bǐng  
樂 國 土, 眾 生 生 者, 皆 是 阿 鞞  
**Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ**  
born in the Ultimate Bliss are all Avaivartika.

Bá Zhì, Qí Zhōng Duō Yǒu Yì Shēng Bǔ Chǔ, Qí Shù  
跋 致, 其 中 多 有 一 生 補 處, 其 數  
**Bạt Trí, kỳ trung đa hữu nhất sanh bổ xứ, kỳ số**  
Among them are many who in this very life will dwell in Buddhahood.

Shèn Duō, Fēi Shì Suàn Shù, Suǒ Néng Zhī Zhī, Dàn Kě  
甚多，非是算數，所能知之，但可  
**thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, dãn khả**  
their number is extremely many; it is incalculable and only in measureless,

Yǐ Wú Liàng Wú Biān Ā Sēng Qí Shuō. Shè Lì Fó!  
以無量無邊阿僧祇說。舍利弗！  
**dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ thuyết. Xá Lợi Phát!**  
limitless Asankhyeya kalpas could it be spoken. Shariputra!

Zhòng Shēng Wén Zhě, Yīng Dāng Fā Yuàn, Yuàn  
眾生聞者，應當發願願  
**Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện**  
Those living beings who hear should vow, 'I wish to be born in that country'.

Shēng Bǐ Guó. Suǒ Yǐ Zhě Hé? Dé Yǔ Rú Shì Zhū  
生彼國。所以者何？得與如是諸  
**sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư**  
And why? All those who thus attain are all superior and good people,

Shàng Shàn Rén Jū Huì Yí Chǔ. Shè Lì Fó!  
上善人俱會一處。舍利弗！  
**thượng thiện nhân câu hội nhất xứ. Xá Lợi Phát!**  
all coming together in one place. Shariputra!

Bù Kě Yǐ Shǎo Shàn Gēn Fú Dé Yīn Yuán  
不可以少善根福德因緣  
**Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên**  
One cannot have few good roots, blessings, virtue, and causal connections

Dé Shēng Bǐ Guó. Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Shàn  
得 生 彼 國. 舍 利 弗! 若 有 善  
**đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện**  
to attain birth in that land. Shariputra! If there is a good man

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shuō Ā Mí Tuó Fó,  
男 子, 善 女 人, 聞 說 阿 彌 陀 佛  
**nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật,**  
or good woman who hears spoken 'Amitabha' and holds the name,

Zhí Chí Míng Hào. Ruò Yí Rì, Ruò Èr Rì,  
執 持 名 號. 若 一 日, 若 二 日,  
**chấp trì danh hiệu. Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật,**  
whether for one day, two days,

Ruò Sān Rì, Ruò Sì Rì, Ruò Wǔ Rì,  
若 三 日, 若 四 日, 若 五 日,  
**nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật,**  
three days, four days, five days,

Ruò Liù Rì, Ruò Qī Rì, Yī Xīn Bú Luàn,  
若 六 日, 若 七 日, 一 心 不 亂,  
**nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn,**  
six days, as long as seven days, with one heart unconfused,

Qí Rén Lín Mìng Zhōng Shí, Ā Mí Tuó Fó Yǔ Zhū  
其 人 臨 命 終 時, 阿 彌 陀 佛 與 諸  
**kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư**  
when this person approaches the end of life, before him will appear Amitabha

Shèng Zhòng, Xiàn Zài Qí Qián; Shì Rén Zhōng Shí,  
聖 眾, 現 在 其 前; 是 人 終 時,  
**thánh chúng, hiện tại kỳ tiền; thị nhân chung thời,**  
and all the assembly of holy ones. When the end comes,

Xīn Bù Diān Dào, Jí Dé Wǎng Shēng Ā Mí Tuó Fó  
心 不 顛 倒, 即 得 往 生 阿 彌 陀 佛  
**tâm bất diên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật**  
his heart is without inversion; in Amitabha's Land of Ultimate Bliss,

Jí Lè Guó Tǔ. Shè Lì Fó! Wǒ Jiàn Shì Lì, Gù  
極 樂 國 土. 舍 利 弗! 我 見 是 利 故  
**Cực Lạc quốc độ. Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố**  
he will attain rebirth. Shariputra! Because I see this benefit,

Shuō Cǐ Yán, Ruò Yǒu Zhòng Shēng Wén Shì Shuō  
說 此 言, 若 有 眾 生 聞 是 說  
**thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết**  
I speak these words: If living beings hear this spoken, they make

Zhě, Yīng Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ. Shè  
者, 應 當 發 願 生 彼 國 土. 舍  
**giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá**  
the vow, 'I wish to be born in that Land'.

Lì Fó! Rú Wǒ Jīn Zhě, Zàn Tàn Ā Mí Tuó  
利 弗! 如 我 今 者, 讚 歎 阿 彌 陀  
**Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán tán A Di Đà**  
Shariputra! As I now, praise the inconceivable benefit



Fó, Bù Kě Sì Yì Gōng Dé Zhī Lì. Dōng Fāng  
佛, 不可思議功德之利. 東方  
**Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi. Đông phương**  
from the merit and virtue of Amitabha, thus in the East there are also exist

Yì Yǒu Ā Chù Pí Fó, Xū Mí Xiàng Fó, Dà  
亦有阿閼鞞佛, 須彌相佛, 大  
**diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại**  
Aksobhya Buddha, Sight of Mount Sumeru Buddha, Great Mount Sumeru

Xū Mí Fó, Xū Mí Guāng Fó, Miào Yīn Fó;  
須彌佛, 須彌光佛, 妙音佛;  
**Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật;**  
Buddha, Light of Mount Sumeru Buddha, Wondrous Voice Buddha; All Buddhas

Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí  
如是等恆河沙數諸佛, 各於其  
**như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ**  
such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings

Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù Sān  
國, 出廣長舌相, 徧覆三  
**quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam**  
forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán:  
千大千世界, 說誠實言:  
**thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words:

“Rũ Dểng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn  
汝 等 眾 生, 當 信 是 稱 讚  
**“Nhữ đảng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán**  
‘All you living beings should believe, praise and hold in reverence the

Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè Zhū Fó  
不 可 思 議 功 德 一 切 諸 佛  
**Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật**  
inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all

Suǒ Hộ Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Nán Fāng Shì  
所 護 念 經. 舍 利 弗! 南 方 世  
**Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phát! Nam phương thế**  
Buddhas are protective’. Shariputra! In the Southern worlds there are exist

Jiè Yǒu Rì Yuè Dēng Fó, Míng Wén Guāng  
界 有 日 月 燈 佛, 名 聞 光  
**giới hữu Nhật Nguyệt Đẳng Phật, Danh Văn Quang**  
Lamp of Sun and Moon Buddha, Light of Renown Buddha,

Fó, Dà Yàn Jiān Fó, Xū Mí Dēng Fó, Wú  
佛, 大 燄 肩 佛, 須 彌 燈 佛, 無  
**Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô**  
Great Flaming Shoulders Buddha, Lamp of Mount Sumeru Buddha,

Liàng Jīng Jìn Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā  
量 精 進 佛; 如 是 等 恆 河 沙  
**Lượng Tinh Tấn Phật; như thị đẳng Hằng hà sa**  
Infinite Diligence Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands.

Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng  
數 諸 佛, 各 於 其 國, 出 廣 長  
**số chư Phật, các ở kỳ quốc, xuất quảng trường**  
In his own country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue.

Shé Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè,  
舌 相, 徧 覆 三 千 大 千 世 界,  
**thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới,**  
Everywhere covering three thousand great thousand worlds, and speaks the

Shuō Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng  
說 誠 實 言: 汝 等 眾 生, 當  
**thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương**  
sincere and actual words. ‘All you living beings should believe, praise and

Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì  
信 是 稱 讚 不 可 思 議 功 德 一  
**tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất**  
hold in reverence in the inconceivable merit and virtue of this sutra of the

Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng” Shè Lì Fó!  
切 諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗!  
**Thiệt Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phật!**  
mindful one of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

Xī Fāng Shì Jiè Yǒu Wú Liàng Shòu Fó,  
西 方 世 界 有 無 量 壽 佛,  
**Tây Phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật,**  
In the Western world there are exist Amitayus Buddha,

Wú Liàng Xiàng Fó, Wú Liàng Chuáng Fó, Dà  
無 量 相 佛, 無 量 幢 佛, 大  
**Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại**  
Infinite Marks Buddha, Infinite Banners Buddha,

Guāng Fó, Dà Míng Fó, Bǎo Xiàng Fó, Jìng  
光 佛, 大 明 佛, 寶 相 佛, 淨  
**Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh**  
Great Light Buddha, Great Clear Buddha, Marks of Reality Buddha, Light of

Guāng Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū  
光 佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸  
**Quang Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư**  
Purity Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own

Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,  
佛, 各 於 其 國, 出 廣 長 舌 相,  
**Phật, các w kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng,**  
country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere

Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng  
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠  
**biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành**  
covering the three thousand great thousand worlds, and speaks the sincere

Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì  
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信 是  
**thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị**  
and actual words. ‘All you living beings should believe, praise and hold

Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yī Qiè  
稱 讚 不 可 思 議 功 德 一 切  
**Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết**  
in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful

Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng". Shè Lì Fó! Běi  
諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗! 北  
**Chur Phật Sở Hộ Niệm Kinh". Xá Lợi Phậ!** Bắc  
one of whom all Buddhas are protective'. Shariputra! In the Northern world

Fāng Shì Jiè Yǒu Yàn Jiān Fó, Zuì Shèng Yīn  
方 世 界 有 燄 肩 佛, 最 勝 音  
**phương thế giới hữu Diễm Kiên Phậ, Tối Thắng Âm**  
there are exist Flaming Shoulders Buddha, Supreme Voice Buddha, Unstoppable

Fó, Nán Jǔ Fó, Rì Shēng Fó, Wǎng Míng  
佛, 難 沮 佛, 日 生 佛, 網 明  
**Phậ, Nan Trở Phậ, Nhật Sanh Phậ, Vông Minh**  
Buddha, Born of the Sun Buddha, Netted Light Buddha; All Buddhas

Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú  
佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於  
**Phậ; như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phậ, các ư**  
such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings forth

Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù  
其 國, 出 廣 長 舌 相, 徧 覆  
**kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ**  
the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán:  
三 千 大 千 世 界, 說 誠 實 言:  
**tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words:

“Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù  
汝 等 眾 生, 當 信 是 稱 讚 不  
“**Nhữ đấng chúng sanh, đương tín thị xưng tán bất**  
'All you living beings should believe, praise and hold in reverence the

Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè Zhū Fó Suǒ  
可 思 議 功 德 一 切 諸 佛 所  
**Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở**  
inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all

Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Xià Fāng Shì Jiè  
護 念 經. 舍 利 弗! 下 方 世 界  
**Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới**  
Buddhas are protective'. Shariputra! In the worlds below (nadir direction) there

Yǒu Shī Zǐ Fó, Míng Wén Fó, Míng Guāng Fó,  
有 師 子 佛, 名 聞 佛, 名 光 佛,  
**hữ Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật,**  
are exist Lion Buddha, Renown Buddha, Famous Light Buddha, Bodhidharma

Dá Mó Fó, Fǎ Chuáng Fó, Chí Fǎ Fó; Rú  
達 摩 佛, 法 幢 佛, 持 法 佛; 如  
**Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật; như**  
Buddha, Dharma Banner Buddha, Upholding the Dharma Buddha; All

Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí Guó,  
是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於 其 國,  
**thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc,**  
Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings

Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān  
出 廣 長 舌 相, 徧 覆 三 千  
**xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ tam thiên**  
forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng  
大 千 世 界, 說 誠 實 言: 汝 等  
**đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words: ‘All

Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī  
眾 生, 當 信 是 稱 讚 不 可 思  
**chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư**  
you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable

Yì Gōng Dé Yī Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn  
議 功 德 一 切 諸 佛 所 護 念  
**Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm**  
merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are

Jīng”. Shè Lì Fó! Shàng Fāng Shì Jiè Yǒu  
經. 舍 利 弗! 上 方 世 界 有  
**Kinh”. Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu**  
protective’. Shariputra! In the worlds above (zenith direction) there are exist

Fàn Yīn Fó, Sù Wáng Fó, Xiāng Shàng Fó,  
梵音佛, 宿王佛, 香上佛,  
**Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật,**  
Pure Voice Buddha, King of Star Buddha, Incense Fragrance Buddha,

Xiāng Guāng Fó, Dà Yàn Jiān Fó, Zà Sè  
香光佛, 大燄肩佛, 雜色  
**Hương Quang Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tạp Sắc**  
Fragrance Light Buddha, Great Flaming Shoulders Buddha, Colorful and

Bǎo Huá Yán Shēn Fó, Suō Luó Shù Wáng Fó,  
寶華嚴身佛, 娑羅樹王佛,  
**Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật,**  
Precious Flower Adornment Body Buddha, Sala Tree King Buddha,

Bǎo Huá Dé Fó, Jiàn Yī Qiè Yī Fó, Rú  
寶華德佛, 見一切義佛, 如  
**Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như**  
Precious Flower Virtue Buddha, Vision of all Truths Buddha, such as

Xū Mí Shān Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū  
須彌山佛; 如是等恆河沙數諸  
**Tu Di Sơn Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư**  
Mount Sumeru Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands.

Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,  
佛, 各於其國, 出廣長舌相,  
**Phật, các w kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng,**  
In his own country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue.



*Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng*  
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠  
***biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành***  
Everywhere covering the three thousand great thousand worlds and speaks the

*Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì*  
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信 是  
***thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị***  
sincere and actual words: ‘All you living beings should believe, praise and hold

*Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè*  
稱 讚 不 可 思 議 功 德 一 切  
***Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết***  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words: ‘All

*Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Yú Rǔ*  
諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗! 於 汝  
***Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! U như***  
of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

*Yì Yún Hé? Hé Gù Míng Wéi: Yì Qiè Zhū Fó Suǒ*  
意 云 何? 何 故 名 為 一 切 諸 佛 所  
***y vân hà? Hà cố danh vi: Nhất Thiết Chư Phật Sở***  
What do you think? Why is it called sutra of the mindful one

*Hù Niàn Jīng? Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Shàn*  
護 念 經? 舍 利 弗! 若 有 善  
***Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện***  
of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shì Jīng Shòu Chí Zhě,  
男 子, 善 女 人, 聞 是 經 受 持 者  
**nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh thọ trì giả,**  
If a good man or good woman hears this sutra and hold to it,

Jí Wén Zhū Fó Míng Zhě, Shì Zhū Shàn Nán Zǐ,  
及 聞 諸 佛 名 者, 是 諸 善 男 子,  
**cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử,**  
and hears the names of all these Buddhas, these good man or good woman

Shàn Nǚ Rén Jiē Wéi Yí Qiè Zhū Fó Zhī Suǒ Hù  
善 女 人, 皆 為 一 切 諸 佛 之 所 護  
**thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ**  
will be the mindful one of whom all Buddhas are protective,

Niàn, Jiē Dé Bú Tuì Zhuǎn Yú Ā Nuò Duō Luó Sān  
念, 皆 得 不 退 轉 於 阿 耨 多 羅 三  
**niệm, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam**  
and will irreversibly attain Annutara-Samyak-

Miǎo Sān Pú Tí. Shì Gù Shè Lì Fó! Rǚ Děng  
藐 三 菩 提. 是 故 舍 利 弗! 汝 等  
**Miêu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phát! Nhữ đẳng**  
Sambodhi. Therefore, Shariputra! All of you should believe and

Jiē Dāng Xìn Shòu Wǒ Yǔ, Jí Zhū Fó Suǒ Shuō.  
皆 當 信 受 我 語, 及 諸 佛 所 說.  
**giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.**  
accept my words, and those which all Buddhas speak.

Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Rén Yǐ Fā Yuàn, Jīn  
舍 利 弗! 若 有 人 已 發 願, 今  
**Xá Lợi Phát! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim**  
Shariputra! If there are people who have already made the vow,

Fā Yuàn, Dāng Fā Yuàn, Yù Shēng Ā Mí  
發 願, 當 發 願, 欲 生 阿 彌  
**phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di**  
who now make the vow, or will make the vow, 'I desire to be born

Tuó Fó Guó Zhě, Shì Zhū Rén Děng, Jiē Dé Bú  
陀 佛 國 者, 是 諸 人 等, 皆 得 不  
**Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất**  
in Amitabha's country'. These people whether born in the past,

Tuì Zhuǎn Yú Ā Nuò Duō Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí,  
退 轉 於 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩 提,  
**thối chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,**  
now being born, or to be born in the future, all

Yú Bǐ Guó Tǔ Ruò Yǐ Shēng, Ruò Jīn Shēng,  
於 彼 國 土 若 已 生, 若 今 生,  
**ư bỉ quốc độ nhược dĩ sanh, nhược kim sanh,**  
will irreversibly attain Annutara-Samyak-Sambodhi.

Ruò Dāng Shēng. Shì Gù Shè Lì Fó! Zhū Shàn  
若 當 生. 是 故 舍 利 弗! 諸 善  
**nhược đương sanh. Thị cố xá Lợi Phát! Chư thiện**  
Therefore, Shariputra!

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Ruò Yǒu Xìn Zhě, Yīng  
男 子, 善 女 人, 若 有 信 者, 應  
**nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng**  
all good man and good woman, if they are among those who have faith,

Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ. Shè Lì Fó!  
當 發 願, 生 彼 國 土. 舍 利 弗!  
**đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá Lợi Phất!**  
should make the vow, 'I will be born in that country'. Shariputra!

Rú Wǒ Jīn Zhě Chēng Zàn Zhū Fó Bù Kě Sī  
如 我 今 者 稱 讚 諸 佛 不 可 思  
**Như ngã kim giả xưng tán chư Phật bất khả tư**  
Just as I am now one who praise the merit and virtue of all

Yì Gōng Dé, Bǐ Zhū Fó Děng, Yì Chēng Zàn Wǒ  
議 功 德, 彼 諸 佛 等, 亦 稱 讚 我  
**ngộ công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã**  
Buddhas, all those Buddhas equally praise my inconceivable

Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Ér Zuò Shì Yán: “Shì  
不 可 思 議 功 德 而 作 是 言: 釋  
**bất khả tư ngộ công đức nhi tác thị ngôn: “Thích**  
merit and virtue saying these words: ‘Shakyamuni Buddha

Jiā Móu Ní Fó Néng Wéi Shèn Nán Xī Yǒu Zhī Shì,  
迦 牟 尼 佛 能 為 甚 難 希 有 之 事,  
**Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự,**  
can complete extremely rare and difficult deeds, in the Saha Land,

Néng Yú Suō Pó Guó Tǔ, Wǔ Zhuó È Shì: Jié Zhuó,  
能 於 娑 婆 國 土 五 濁 惡 世: 劫 濁,  
**năng w Sa Bà quốc độ, ngũ trước ác thế: kiếp trước,**  
in the evil time of the Five Turbidities, in the midst of the Kalpa Turbidity,

Jiàn Zhuó, Fán Nǎo Zhuó, Zhòng Shēng Zhuó, Mìng  
見 濁, 煩 惱 濁, 眾 生 濁, 命  
**kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng**  
the View Turbidity, the Affliction Turbidity, the Living Beings Turbidity,

Zhuó Zhōng, Dé Ā Nuò Duō Luó Sān Miǎo Sān Pú  
濁 中, 得 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩  
**trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ**  
and the Life Turbidity. He can attain Annutara-Samyak-Sambodhi and

Tí, Wèi Zhū Zhòng Shēng, Shuō Shì Yī Qiè Shì  
提, 為 諸 眾 生, 說 是 一 切 世  
**Đề, vì chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế**  
For the sake of living beings, speak this Dharma which in the whole

Jiān Nán Xìn Zhī Fǎ” Shè Lì Fó! Dāng Zhī Wǒ  
間 難 信 之 法. 舍 利 弗! 當 知 我  
**gian nan tín chi Pháp” Xá Lợi Phất! Đương tri ngã**  
world is hard to believe’. Shariputra! You should know that I,

Yú Wǔ Zhuó È Shì, Xíng Cǐ Nán Shì Dé Ā Nuò Duō  
於 五 濁 惡 世 行 此 難 事 得 阿 耨 多  
**w ngũ trước ác thế, hành thử nan sự đắc A Nậu Đa**  
in the evil time of the Five Turbidities, practice these difficult deeds, attain

Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí, Wèi Yī Qiè Shì Jiàn  
羅 三 藐 三 菩 提, 為 一 切 世 間  
**La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vi nhất thiết thế gian**  
Annutara-Samyak-Sambodhi, and for all the world speak

Shuō Cǐ Nán Xìn Zhī Fǎ, Shì Wéi Shèn Nán. Fó  
說 此 難 信 之 法, 是 為 甚 難. 佛  
**thuyết thử nan tín chi Pháp, thị vi thậm nan. Phật**  
this Dharma, difficult to believe, extremely difficult!

Shuō Cǐ Jīng Yǐ, Shè Lì Fó Jí Zhū Bǐ Qiū,  
說 此 經 已, 舍 利 弗 及 諸 比 丘,  
**thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phật cập chư Tỳ - kheo,**  
After the Buddha spoke this sutra, Shariputra and all the bhikshus, all the gods,

Yī Qiè Shì Jiān, Tiān, Rén, Ā Xiū Luó Děng, Wén  
一 切 世 間, 天, 人, 阿 修 羅 等, 聞  
**nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng, vãn**  
humans and asurea, and others from all the worlds, hearing what the Buddha had

Fó Suǒ Shuō, Huān Xǐ Xìn Shòu, Zuò Lǐ Ér Qù.  
佛 所 說 歡 喜 信 受, 作 禮 而 去  
**Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.**  
said, joyously welcomed. Faithfully accepted, bowed and withdrew.

Fó Shuō Ā Mí Tuó Jīng.  
佛 說 阿 彌 陀 經.  
**Phật thuyết A Di Đà Kinh.**  
The Buddha spoke the Amitabha Sutra.

Bá Yì Qiè Yè Zhàng Gēn Běn Dé Shēng  
拔 一 切 業 障 根 本 得 生  
**Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh**  
Dharani for pulling out karmic obstructions by the roots and obtaining birth

Jìng Tǔ Tuó Luó Ní.  
淨 土 陀 羅 尼  
**Tịnh Độ đà la ni.**  
in the Pure Land.

Wǎng Shēng Zhòu  
往 生 咒  
VĀNG SANH CHÚ

### **Dharani For Rebirth In Pure Land**

Nán Mó Ā Mí Duō Pó Yè, Duō Tā Qié Duō Yè,  
南 無 阿 彌 多 婆 夜, 哆 他 伽 多 夜  
**Nam mô A di đà bà dạ, đa tha già đa dạ,**

Duō Dì Yè Tā, Ā Mí Lì Dū Pó Pí,  
哆 地 夜 他, 阿 彌 利 都 婆 毗,  
**đa địa dạ tha, A di rị đô bà tỳ,**

Ā Mí Lì Duō, Xī Dān Pó Pí, Ā Mí Lì Duō,  
阿 彌 利 哆, 悉 耽 婆 毗, 阿 彌 唎 哆,  
**A di rị đa, tát đām bà tỳ, A di rị đa,**

*Pí Jiā Lán Dì, Ā Mí Lì Duō, Pí Jiā Lán Duō,*  
毗 迦 蘭 帝, 阿 彌 唎 哆, 毗 迦 蘭 多,  
*tỳ ca lan đế, A di lị đa, tỳ ca lan đa,*

*Qié Mí Ní, Qié Qié Nà, Zhǐ Duō Jiā Lì.*  
伽 彌 膩, 伽 伽 那, 枳 多 迦 利.  
*già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ.*

*Suō Pó Hē.*

娑 婆 訶.

*Sa bà ha. (3 lần)*

*Nán Mó Lián Chí Hùi Pú Sà Mó Hē Sà.*  
南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩

*Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)*

Homage to the Lotus Pool Assembly of Bodhisattvas, Mahasattva. (3 times)

*Kāi Shì*

開 示

**KHAI THỊ<sup>8</sup>**

**Upadhyaya Recites**

*Biàn Jiù Jīn Cháo Chéng Fó Qù*  
便 就 今 朝 成 佛 去

*Tiện tỵ kim triêu thành Phật khứ,*

We, the living beings, should make the vow and achieve  
Buddhahood now. It is already considered



Lè Bāng Huà Zhǔ Yǐ Xián Chí

樂 邦 化 主 已 嫌 遲

**Lạc bang hóa chủ dĩ hiềm trì,**

to be late by Amitabha Buddha of Western Pure Land in this Degenerate Age. So we should hurry

Nà Kān Gèng Yù Zhī Hū Zhě

那 堪 更 欲 之 乎 者

**Nǎ kham cánh dục chi hồ giả,**

and put words in actions; otherwise, we will forever suffer in the six six path of the Saha world and

Guǎn Qǔ Lún Huí Méi Liǎo Shí

管 取 輪 迴 沒 了 時

**Quǎn thủ luân hồi một liễu thời.**

never be able to escape the cycle of reincarnation.

Yuán Fū Biàn Shí Fāng Shì Jí Lè Shì Jiè

原 夫 徧 十 方 是 極 樂 世 界

**Nguyện phù biến thập phương thị Cực Lạc thế giới.**

The land of Ultimate Bliss is everywhere. If you look at the majestic mountains and

Shān Guāng Shuǐ Sè Sì Kōng Hé Kōng Jìn Dà

山 光 水 色 似 空 合 空 盡 大

**Sơn quang thủy sắc, tự không hiệp không. Tận đại**

running stream, or at the vast and open sky, then you will find a piece of Amitabha's

Dì Shì Qīng Tài Gù Xiāng Huá Xiào Niǎo Tí Rú

地 是 清 泰 故 鄉 華 笑 鳥 啼 如

**địa thị Thanh Thái cố hương, hoa tiếu diều đề, như**

land. The land of the Ultimate Bliss is also everywhere and earth is one of them.

Jìng Zhào Jìng Zì Shì Bù Guī Guī Biàn Dé Wǔ Hú  
鏡 照 鏡 自 是 不 歸 歸 便 得 五 湖  
**kính chiếu kính. Tự thị bất qui, qui tiện đắc. Ngũ hồ**  
Life is just like a mirror. It constantly shines its reflection upon us. If we could be

Yān Jǐng Yǒu Shéi Zhēng Huáng Jīn Bèi Zhòu Yè  
煙 景 有 誰 爭 黃 金 臂 晝 夜  
**yên cảnh hữu thụy tranh? Hoàng kim tý trú dạ**  
happy with what we have and not to be move by the false imageries created by our

Cháng Chuí Wéi Xǔ Xíng Rén Dú Wěi Bái Yù  
常 垂 惟 許 行 人 獨 委 白 玉  
**thường thụy. Duy hứa hành nhân độc ủy. Bạch ngọc**  
sensory organs, then this place is the land of Ultimate Bliss. The path of achieveing

Háo Gǔ Jīn Bù Mèi Quán Píng Yuàn Zhě Chéng  
毫 古 今 不 昧 全 憑 願 者 承  
**hào cổ kim bất muội, toàn bằng nguyện giả thừa**  
enlightenment has not change. For thousands of years, Buddha taught us enlighten-

Dāng Suǒ Yǐ Dào Wàn Fǎ Shì Xīn Guāng Zhū Yuán  
當 所 以 道 萬 法 是 心 光 諸 緣  
**đương. Sở dĩ đạo: Vạn pháp thị tâm quang, chư duyên**  
ment arises from one's own state of mind. It is because the truth is eternal and

Wéi Xìng Xiǎo Běn Wú Mí Wù Rén Zhī Yào Jīn  
惟 性 曉 本 無 迷 悟 人 只 要 今  
**duy tánh hiểu, bản vô mê ngộ nhân, chỉ yếu kim**  
unchanged by time. Thus, it is said that all Dharmas are reflections of our mind. All

Rì Liǎo Jī Jīn Xiàn Qián Zhòng Děng Jì Niàn Dì  
日 了 即 今 現 前 眾 等 繫 念 第  
**nhật liễu . Tức kim hiện tiền chúng đẳng, hệ niệm đệ**  
conditions are the outcome of character. In Buddhism, everyone has the potential of

Èr Shí Fó Shì Qiě Liǎo Zhī Yī Jù Rú Hé  
二 時 佛 事 且 了 之 一 句 如 何  
**nhị thời Phật sự. Thả liễu chi nhất cú, như hà**  
becoming a Buddha. Then, however we are misled by ignorance and greed and other  
evil acts. Thus, we become mind confused. Once we realized the fact that enlighten-  
ment originates from the realization of true mind. the state of Buddhahood could be

Jǔ Yáng  
舉 揚  
**cử dương?**  
achieved.

Liú Lí Chí Shàng Xuán Míng Yuè  
溜 璃 池 上 懸 明 月  
**Lưu ly trì thượng huyền minh nguyệt,**  
The pond is clear and the reflection of the moon shines on top of it.

Hàn Dàn Huá Jiān Xì Shuǐ Qín  
菡 萏 華 間 戲 水 禽  
**Hạm đọt hoa gian hí thủy cầm.**  
Ducking are playing amongst the blossoming colored lotuses.

Zàn Fó Jié

讚佛偈

TÁN PHẬT KỆ

**Praise To Amitabha Buddha**

Ā Mí Tuó Fó Shēn Jīn Sè. Xiàng Hǎo Guāng Míng  
阿彌陀佛身金色。相好光明  
**A Di Đà Phật thân kim sắc. Tướng hảo quang minh**  
Amitabha's body is the color of gold. The splendor of his hallmarks

Wú Děng Lún. Bái Háo Wǎn Zhuǎn Wǔ Xū Mí.  
無等倫。白毫宛轉五須彌  
**vô đẳng luân. Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di.**  
has no peer. The light of his brow shines around a hundred worlds,

Gàn Mù Chéng Qīng Sì Dà Hǎi. Guāng Zhōng Huà  
紺目澄清四大海。光中化  
**Cám mục tròng thanh tứ đại hải. Quang trung hóa**  
wide as the seas are his eyes pure and clear. Shining in his brilliance

Fó Wú Shù Yì. Huà Pú Sà Zhòng Yì Wú Biān. Sì  
佛無數億。化菩薩眾亦無邊。四  
**Phật vô số ức. Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên. Tứ**  
by transformation, are countless Bodhisattvas and infinite Buddhas.

Shí Bā Yuàn Dù Zhòng Shēng. Jiǔ Pǐn Xián  
十八願度眾生。九品咸  
**thập bát nguyện độ chúng sanh. Cửu phẩm hàm**  
His forty-eight vows will be our liberation. In nine lotus-stages

Lìng Dēng Bǐ Ān. Nán Mó Xī Fāng Jí Lè  
令 登 彼 岸. 南 無 西 方 極 樂  
**lình dāng bǐ àn. Nam mô Tây Phương Cực Lạc**  
we reach the farthest shore. Homage to the Buddha of the Western

Shì Jiè. Dà Cí Dà Bēi Ā Mí Tuó Fó.  
世 界. 大 慈 大 悲 阿 彌 陀 佛  
**Thế Giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.**  
Pure Land, Kind and Compassionate, Amitabha Buddha.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó.... Ā Mí Tuó Fó.  
南 無 阿 彌 陀 佛.... 阿 彌 陀 佛  
**Nam mô A Di Đà Phật.... A Di Đà Phật.**  
Homage to Amitabha Buddha.....Amitabha Buddha

*Mí Tuó Dà Yuàn Zàn*

彌 陀 大 願 讚

**DI ĐÀ ĐẠI NGUYỆN TÁN**

**Great Vows Of Amitabha Buddha**

Dì Yí Dà Yuàn. Guān Xiǎng Mí Tuó  
第 一 大 願. 觀 想 彌 陀  
**Đệ nhất đại nguyện. Quán tưởng Di Đà.**  
The first vows that everyone should make is by picturing Amitabha Buddha, and his

Sì Shí Bā Yuàn Dù Suō Pó. Jiǔ Pǐn Yǒng Jīn Bō  
四 十 八 願 度 娑 婆. 九 品 湧 金 波  
**Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà. Cửu phẩm dưng kim ba.**  
forty-eight compassionate vows that he made in order to liberate and save all of us  
from suffering in the Saha Land. In nine Lotus-stages, he shines his brilliance upon  
us.

*Bảo Wǎng Jiāo Luó. Dù Wáng Líng Chū Ài Hé*  
寶 網 交 羅. 度 亡 靈 出 愛 河

***Bảo võng giao la. Độ vong linh xuất ái hà.***

The magic nets build a bridge, he enable us to reach the Western Pure Land and escape the pains and sufferings of reincarnation forever.

*Nán Mó Lián Chí Hùi Pú Sà Mó Hē Sà.*  
南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩

***Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)***

Homage to the Lotus Pool Assembly of Bodhisattvas, Mahasattva. (3 times)

*Kāi Shì*

開 示

**KHAI THỊ<sup>9</sup>**

**Upadhyaya Recites**

*Shì Xīn Shì Fó Jiāng Xīn Niàn*

是 心 是 佛 將 心 念

***Thị tâm thị Phật tương tâm niệm,***

Buddha is in our mind. by concentrating your mind when chanting, the virtue and merit of Buddha will reflect upon you.

*Niàn Dào Xīn Kōng Fó Yì Wàng*

念 到 心 空 佛 亦 忘

***Niệm đáo tâm không, Phật diệt vong,***

When our mind is annihilated, our own intrinsic Buddhistic nature will appear. By then, there is no Buddha since we become one ourselves.

Sā Shǒu Guī lái Zhòng Jiǎn Diǎn

撒手歸來重檢點

**Tát thủ quy lai trùng kiểm điểm,**

With closest examination of ourselves once again,  
we will realized the differences.

Huá Kāi Chì Bái Yǔ Qīng Huáng

華開赤白與青黃

**Hoa khai xích bạch dữ thanh hoàng.**

In this stage, the mind will illuminate as the different  
colored lotuses, the true realization of Buddhahood.

Jiào Zhōng Dào Wéi Xīn Fó Yì Ěr Wéi Fó

教中道惟心佛亦爾惟佛

**Giáo trung đạo: Duy tâm Phật diệc nhĩ, duy Phật**

In the teaching of Buddha, the Dharma, it state that the Buddha is

Zhòng Shēng Rán Xīn Fó jí Zhòng Shēng Shì Sān

眾生然心佛及眾生是三

**chúng sanh nhiên Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam**

in our own mind. The Buddhas and beings are one and there are

Wú Chā Bié Suǒ Wèi Xīn Zhě Xīn Yǒu Duō Zhǒng Yuē

無差別所謂心者心有多種曰

**vô sai biệt. Sở vị tâm giả, tâm hữu đa chủng, viét:**

no difference. Let's look at the mind first. First, there is the mind of

Ròu Tuán Xīn Nǎi Xiàn Zài Shēn Zhōng Fù Mǔ

肉團心乃現在身中父母

**nhục đoàn tâm, nãi hiện tại thân trung, phụ mẫu**

flesh inside our body, it is called the heart. It is given by

Xuě Qì Suǒ Shēng Zhě Shì Yuē Yuán Lǜ Xīn Jí  
血 氣 所 生 者 是 曰 緣 慮 心 即  
**huyết khí sở sanh giả thị. Viêt Duyên Lự Tâm, tức**  
our parents through birth.. Second, there is the mind of

Xiàn Jīn Shàn È Shùn Nì Jìng Jiè Shàng  
現 今 善 惡 順 逆 境 界 上  
**hiện kim thiện ác thuận nghịch cảnh giới thượng**  
comprehension that reacts to different situations. It tells the

Zhǒng Zhǒng Fēn Bié Zhě Shì Yuē Líng Zhī Xīn Shì  
種 種 分 別 者 是 曰 靈 知 心 是  
**chủng chủng phân biệt giả thị. Viêt Linh Tri Tâm, thị**  
difference between the good and evil. In Buddhism, the sensory

Hùn Qiān Chā Ēr Bù Luàn Lì Sān Jì Yǐ Mí Qiān  
混 千 差 而 不 亂 歷 三 際 以 靡 遷  
**hỗn thiên sai nhi bất loạn, lịch tam tế dĩ mị thiên.**  
organs composed its existence. Finally, there is the mind of

Bǐng Rán Dú Zhào Zhuó Ēr Bù Qún Zài Shèng  
炳 然 獨 照 卓 爾 不 群 在 聖  
**Bỉnh nhiên độc chiếu; trác nhĩ bất quần. Tại thánh**  
truth that is eternal and constant. This true mind will not

Bù Zēng Zài Fán Bù Jiǎn Chǔ Shēng Sǐ Liú Lí  
不 增 在 凡 不 減 處 生 死 流 驪  
**bất tăng, tại phàm bất giảm. Xử sanh tử lưu, ly**  
gain anything when one achieves the Buddhahood.



Zhū Dú Yào Yú Cāng Hǎi Jū Niè Pán Àn  
珠 獨 耀 于 滄 海 居 涅 槃 岸  
**châu độc diệu vu thương hải. Cư Niết Bàn ngạn,**  
On the other hand, it will not lose anything when one remains in

Guì Lún Gū Lǎng Yú Zhōng Tiān Zhū Fó Wù Zhī  
桂 輪 孤 朗 于 中 天 諸 佛 悟 之  
**quế luân cô lãng vu trung thiên. Chư Phật ngộ chi,**  
the six realms. Whether you are mortals or saints, it is equal

Jiǎ Míng Wéi Xīn Zhòng Shēng Mí Zhī Biàn Chéng  
假 名 惟 心 眾 生 迷 之 便 成  
**giả danh duy tâm. Chúng sanh mê chi, tiện thành**  
for every one. For Buddha, the enlightenment comes through the

Wàng Shí Shì Yǐ Fó Jí Zhòng Shēng Zhòng Shēng  
妄 識 是 以 佛 即 眾 生 眾 生  
 **vọng thức. Thệ dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh**  
realization of the true mind. Thus, no imagery or attachment

Jí Fó Qiě Xīn Wài Wú Fó Yì Wú Zhòng  
即 佛 且 心 外 無 佛 亦 無 眾  
**tức Phật. Thả tâm ngoại vô Phật, diệt vô chúng**  
will be created, or it will created attachment which created pains and

Shēng Wéi Mí Wù Zhī Yǒu Jiān Gù Fán Shèng Èr  
生 唯 迷 悟 之 有 間 故 凡 聖 而  
 **sanh. Duy mê ngộ chi hữu gián. Cố phàm thánh nhi**  
sufferings. However, we must realized that Buddha is within all of us.

Jiǒng Yì Qǐ Zhī Xīn Fó Zhòng Shēng Sān Wú Chā  
迥 異 豈 知 心 佛 眾 生 三 無 差  
**huýnh dị. Khởi tri tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai**  
Thus, Buddha is all beings, and all beings are Buddha. Apart from this,

Bié Yǒng Jiā Yún Mèng Lǐ Míng Míng Yǒu Liù Qù  
別 永 嘉 云 夢 裡 明 明 有 六 趣  
**biệt. Vĩnh Gia vân: Mộng lý minh minh hữu lục thú,**  
there is neither Buddha nor beings. Buddha realized the intrinsic nature

Jué Hòu Kōng Kōng Wú Dà Qiān Jì Rán Rú  
覺 後 空 空 無 大 千 既 然 如  
**giác hậu không không vô đại thiên. Kỳ nhiên như**  
of the true mind and achieved enlightenment. We, the mortals, are confused

Shì Zé Jīng Yún Cóng Shì Xī Fāng Guò Shí  
是 則 經 云 從 是 西 方 過 十  
**thị, tấc kinh vân: Tùng thị Tây Phương, quá thập**  
by all the imageries in our daily life. Master Yung-Chia once said, 'In dream,

Wàn Yì Fó Tǔ Yǒu Shì Jiè Míng Yuē Jí Lè  
萬 億 佛 土 有 世 界 名 曰 極 樂  
**vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc.**  
because of confusion, we see the six paths of reincarnation. However,

Qí Tǔ Yǒu Fó Hào Ā Mí Tuó Jīn Xiàn Zài Shuō  
其 土 有 佛 號 阿 彌 陀 今 現 在 說  
**Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết**  
after realization, we can no longer see the six paths of reincarnation

Fǎ Zǒng Bù Chū Wéi Xīn Jìng Tǔ Běn Xìng Mí  
法 總 不 出 唯 心 淨 土 本 性 彌  
**pháp. Tổng bất xuất duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di**  
in Saha Land.' In the Sutra, it stated, "Passing from here through hundreds

Tuó Yě Yóu Shì Èr Zhī Jí Jīn Xiàn Qián Wáng  
陀 也 由 是 而 知 即 今 現 前 七  
**Đà dã. Do thị nhi tri, tức kim hiện tiền vong**  
of thousands of millions of Buddha land to the West, there is a world called

Líng Qí Shēng Yě Lián Huá Duǒ Duǒ Qí Mò  
靈 其 生 也 蓮 華 朵 朵 其 歿  
**linh \_\_\_\_\_ kỳ sanh dã liên hoa đóa đóa, kỳ một**  
Ultimate Bliss. In this land a Buddha called Amitabha right now teaches the

Yě Xíng Shù Zhòng Zhòng Wú Yí Shí Bù Dá Lián  
也 行 樹 重 重 無 一 時 不 達 蓮  
**dã hàng thụ trùng trùng. Vô nhất thời bất đạt liên**  
Dharma. Amitabha achieved enlightenment through the realization of the

Bāng Wú Yí Niàn Bù Yī Cí Fù Shěn Rú Shì  
邦 無 一 念 不 依 慈 父 審 如 是  
**Bang, vô nhất niệm bất y từ phụ. Thẩm như thị,**  
intrinsic nature of the true mind. For this reason, once the deceased reflected

Qiě Dào Lí Cǐ Xīn Fó Zhòng Shēng Wài Bié  
且 道 離 此 心 佛 眾 生 外 別  
**thả đạo: Ly thử tâm Phật chúng sanh ngoại, biệt**  
the Buddhistic nature of one's own self, it can be born amongst the lotuses

Yǒu Shāng Liàng Chǔ Yě Wú  
有 商 量 處 也 無  
**hữu thương lượng xừ dả vô.**  
and stroll amongst the rows of trees”

Dà Yuán Jìng Lǐ Jué Xiān Āi  
大 圓 鏡 裡 絕 纖 埃  
**Đại viên kính trí tuyệt tiêm ai,**  
The grand circular mirror of true, like the true mind,  
has no dust. It reflects everything from the past,

Bì Ōu Huá Zhōng Yǒu Shèng Tāi  
碧 藕 華 中 有 聖 胎  
**Bích ngẫu hoa trung hữu thánh thai,**  
present, and future in the Dharma-realm. The green lotus  
buds bear the image of Amitabha Buddha.

Yáo Wàng Jīn Shā Chí Zhǎo Wài  
遙 望 金 沙 池 沼 外  
**Dao vọng kim sa trì chiếu ngoại,**  
Look far away from the bottom of the pools spread with  
golden sand,

Bǎo Guāng Cháng Zhào Yù Lóu Tái  
寶 光 常 照 玉 樓 臺  
**Bảo quang thường chiếu ngọc lâu đài.**  
the bright lights from the seven jewels shine from the  
jade pagoda.

Nán Mó Xī Fāng Jí Lè Shì Jiè. Dà Cí Dà  
南 無 西 方 極 樂 世 界. 大 慈 大  
**Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đại từ đại**  
Homage to the Buddha of the Western Pure Land, Kind and Compassionate,

Bēi Ā Mí Tuó Fó.  
悲 阿 彌 陀 佛  
**bi A Di Đà Phật.**  
Amitabha Buddha.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó.... Ā Mí Tuó Fó.  
南 無 阿 彌 陀 佛... 阿 彌 陀 佛  
**Nam mô A Di Đà Phật.... A Di Đà Phật.**  
Homage to Amitabha Buddha.

Nán Mó Guān Shì Yīn Pú Sà  
南 無 觀 世 音 菩 薩  
**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Guan Yin Bodhisattva. (3 times)

Nán Mó Dà Shì Zhì Pú Sà  
南 無 大 勢 至 菩 薩  
**Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Great Strength Bodhisattva. (3 times)

Nán Mó Qīng Jìng Dà Hǎi Zhòng Pú Sà  
南 無 清 淨 大 海 眾 菩 薩  
**Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Bodhisattvas in the great pure congregation. (3 times)

Shí Fāng Sān Shì Fó Ā Mí Tuó Dì Yī  
十 方 三 世 佛 阿 彌 陀 第 一

**Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất.**

All Buddhas of the ten directions and the three periods of time,

Jiǔ Pǐn Dù Zhòng Shēng Wēi Dé Wú Qióng Jìn  
九 品 度 眾 生 威 德 無 窮 盡

**Cửu phẩm độ chúng sanh, oai đức vô cùng tận.**

Amitabha Buddha, is the greatest of all the time and space.

Wǒ Jīn Dà Guī Yī Chàn Huǐ Sān Yè Zuì  
我 今 大 歸 依 懺 悔 三 業 罪

**Ngã kim đại quy y, sám hối tam nghiệp tội.**

He emancipates beings of all nine ranks. His merits and virtues

Fán Yǒu Zhū Fú Shàn Zhì Xīn Yòng Huí Xiàng  
凡 有 諸 福 善 至 心 用 回 向

**Phàm hữu chư phước thiện, chí tâm dụng hồi hướng.**

are endless. I now take the uttermost refuge, and repent from all sins.

Yuàn Tóng Niàn Fó Rén Gǎn Yīng Suí Shí Xiàn  
願 同 念 佛 人 感 應 隨 時 現

**Nguyện đồng niệm Phật nhân, Cảm ứng tùy thời hiện.**

I sincerely redistribute any merit and virtue. I am praying

Lín Zhōng Xī Fāng Jìng Fēn Míng Zài Mù Qián  
臨 終 西 方 境 分 明 在 目 前

**Lâm chung Tây Phương cảnh, phân minh tại mục tiền.**

for those who chanted, that they could experience the miracle

Jiàn Wén Jiē Jīng Jìn Tóng Shēng Jí Lè Guó  
見 聞 皆 精 進 同 生 極 樂 國

**Kiến văn giai tinh tấn, đồng sanh Cực Lạc quốc.**

of Amitabha. When death comes, the Western Pure Land materializes. It is

Jiàn Fó Liǎo Shēng Sǐ Rú Fó Dù Yí Qiē  
見 佛 了 生 死 如 佛 度 一 切

**Kiến Phật liễu sanh tử, như Phật độ nhất thiết.**

here and now. Let's us work diligently meeting Amitabha will end the cycle

Wú Biān Fán Nǎo Duàn Wú Liàng Fǎ Mén Xiū  
無 邊 煩 惱 斷 無 量 法 門 修

**Vô biên phiền não đoạn, vô lượng pháp môn tu.**

of rebirth. Then I will emancipate all beings, too. Endless Dharmas will be

Shì Yuàn Dù Zhòng Shēng Zǒng Yuàn Chéng Fó Dào  
誓 願 度 眾 生 總 願 成 佛 道

**Thệ nguyện độ chúng sanh, tổng nguyện thành Phật đạo.**

learned. I vow to emancipate all beings that they too achieve Buddhahood.

Xū Kōng Yǒu Jìn Wǒ Yuàn Wú Qióng  
虛 空 有 盡 我 願 無 窮

**Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng.**

Space has bounds, yet my vows are endless.

*Huí Xiàng Jié*

迴向偈

**HÒI HUỚNG KỆ**

**Verse For Transferring Merit**

*Yuàn Shēng Xī Fāng Jìng Tǔ Zhōng.*

願 生 西 方 淨 土 中

***Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung***

We wish to be born in the Western Pure Land,

*Shàng Pǐn Lián Huá Wéi Fù Mǔ.*

上 品 蓮 華 為 父 母

***Thượng phẩm liên hoa vi phụ mẫu***

With lotus blossoms in nine stages as our parents.

*Huā Kāi Jiàn Fó Wù Wú Shēng.*

花 開 見 佛 悟 無 生

***Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh***

When the lotus opens, we shall see the Buddha and  
be enlightened to the absolute truth,

*Bú Tùi Pú Sà Wéi Bàn Lǚ.*

不 退 菩 薩 為 伴 侶

***Bất thoái Bồ Tát vi bạn lữ.***

With Bodhisattvas who never regress on the  
path as companions.



Fǎ Bǎo Zàn

法寶讚

**PHÁP BẢO TÁN**

**Praise To The Dharma**

Fǎ Bǎo Shí Nán Liàng

法寶實難量

**Pháp bảo thật nan lượng,**

The Dharma is hard to measure,

Rú Lái Jīn Kǒu Xuān Yáng

如來金口宣揚

**Như Lai kim khẩu tuyên dương.**

It is revealed by the Buddha.

Lóng Gōng Hǎi Cáng Sǎn Tiān Xiāng

龍宮海藏散天香

**Long cung hải tạng tán thiên hương.**

Safeguarded in the palace of the dragon king.

Jué Zhě Sòng Láng Hán

覺者誦琅函

**Giác giả tụng lang hàm.**

By reading it, the Dharma brings illumination to the enlightened one.

Yù Zhóu Xià Tiáo Jīn Xiě Zì

玉軸霞條金寫字

**Ngọc trục, hà điều, kim tả tự.**

It is crafted in gold letters on jade tablets,

*Sì Pái Qiū Yàn Chéng Hāng*

似 排 秋 雁 成 行

***Tự bài thu nhận thành hàng.***

Arranged nearly like migrating ducks.

*Xī Yīn Sān Cánǒng Qǔ Lái Táng*

昔 因 三 藏 取 來 唐

***Tích nhân tam tạng thủ lai Đường.***

Transmitted to China by Tripitaka Master of Tong,

*Wàn Gǔ Wéi Fū Yáng*

萬 古 為 數 揚

***Vạn cổ vị phu dương.***

It will forever be dispersed and glorified.

*Xī Yīn Sān Cánǒng Qǔ Lái Táng*

昔 因 三 藏 取 來 唐

***Tích nhân tam tạng thủ lai Đường.***

Transmitted to China by Tripitaka Master of Tong,

*Wàn Gǔ Wéi Fū Yáng*

萬 古 為 數 揚

***Vạn cổ vị phu dương.***

It will forever be dispersed and glorified.

*Nán Mó Ā Mí Tuó Fó*

南 無 阿 彌 陀 佛

***Nam mô A Di Đà Phật.***

Homage to Amitabha Buddha.

Kāi Shì

開示

KHAI THI<sup>10</sup>

Upadhyaya Recites

Gài Wén Xū Ér Yǒu Míng Dá Zhī Shēng Jì Ér Wú  
蓋聞虛而有鳴答之聲寂而無

**Cái vãn: Hư nhi hữu minh đáp chi thanh, tịch nhi vô**

It is said, emptiness allows echoes, and stillness gives no shadows.

Xíng Yǐng Zhī Xiāng Rán Gǔ Xiǎng Zì Rán Fēi  
形影之相然谷響自然非

**hình ảnh chi tương. Nhiên cốc hưởng tự nhiên, phi**

However, there will be no echoes but stillness if no one make

Hū Zhī Ér Bù Dá Fó Shēn Wú Zuò Fēi Kòu Zhī  
呼之而不答佛身無作非扣之

**hō chi nhi bất đáp. Phật thân vô tác, phi khấu chi**

a sound in the beginning. Echoes will not occur without sound.

Ér Bù Zhāng Shàng Lái Qǐ Jiàn Dì Èr Shí  
而不彰上來啟建第二時

**nhi bất chương. Thượng lai khởi kiến đệ nhị thời**

In the same time, the Buddha will not be revealed without quest.

Jì Niàn Fó Shì Yǐ Yuán Rú Shàng Shū Xūn  
繫念佛事已圓如上乘殊勳

**hệ niệm Phật sự dĩ viên. Như thượng thù huân,**

Now the second part of the Yearning and Chanting service is completed.

Tóu Rù Rú Lái Dà Yuàn Hǎi Zhōng Chū Shēng  
投 入 如 來 大 願 海 中 出 生  
**đầu nhập Như Lai đại nguyện hải trung, xuất sanh**  
With such extraordinary merits, the deceased is delivered into

Gōng Dé Zhuān Wéi Wáng Líng Xǐ Chú  
功 德 專 為 亡 靈 洗 除  
**công đức. Chuyên vị vong linh**\_\_\_\_\_ **tẩy trừ**  
the great ocean of vows, and will be emancipated.

Yè Gòu Zēng Cháng Shàn Gēn Shě Cǐ Bào Yuán  
業 垢 增 長 善 根 捨 此 報 緣  
**ngiệp cấu, tăng trưởng thiện căn, xả thử báo duyên,**  
Once again, let us assist the deceased in purifying his/her sins

Wǎng Shēng Jìng Tǔ Dàn Niàn Zì Cóng Wú Shǐ  
往 生 淨 土 但 念 自 從 無 始  
**vãng sanh Tịnh Độ. Đản niệm tự tòng vô thủy,**  
and cultivating merits. After these current sufferings, let us be reborn

Qì Zhì Jīn Shēng Òu Shēng Jù Hǎi Zhú Shí Làng  
迄 至 今 生 漚 生 巨 海 逐 識 浪  
**ngật chí kim sanh: Âu sanh cự hải, trục thức lãng**  
in the Pure Land. From beginningless time to now, we have

Yǐ Gāo Dī Yún Diǎn Tài Qīng Rèn Qíng Fēng  
以 高 低 雲 點 太 清 任 情 風  
**dĩ cao đê. Vân điểm thái thanh, nhậm tình phong**  
drifted on the ocean of consciousness and reacted egocentrically

Ér Rén Wǒ Yú Shì Xún Huán Zhū Qù Liú Zhuǎn  
而 人 我 於 是 循 環 諸 趣 流 轉  
**nhi nhân ngã. Ư thị tuần hoàn chư thú, lưu chuyển**  
in the sea of emotion. Rebirth after rebirth, we cycled in the four

Sì Shēng Yè Hǎi Máng Máng Zuì Shān Jí Jí  
四 生 業 海 茫 茫 罪 山 岌 岌  
**tứ sanh; Nghiệp hải mang mang, tội sơn ngập ngập.**  
realms piling up mountain of karma and sins. The only salvation is

Fěi Píng Fā Lù Hé Sù Xiāo Chú Chàn Mó Yǐ Wǎng  
匪 憑 發 露 曷 遂 消 除 懺 摩 已 往  
**Phỉ bằng phát lộ, hạt tội tiêu trừ. Sám-ma dĩ vãng,**  
to admit and repent our faults. After rebirth in the Pure Land,

Fā Yuàn Dāng Lái Zài Láo Fǎ Zhòng Zhì Xīn  
發 願 當 來 再 勞 法 眾 至 心  
**phát nguyện đương lai. Tái lao pháp chúng, chí tâm**  
we vow to bring salvation back to this world. Let us solemnly

Chàn Huǐ Fā Yuàn  
懺 悔 發 願  
**sám hối phát nguyện.**  
repent and vow again.

Chàn Huǐ

懺悔

SÁM HỎI

Repentance

Wǎng Xī Suǒ Zào Zhū È Yè  
往 昔 所 造 諸 惡 業

***Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.***

For all bad karma created in the past,

Jiē Yóu Wú Shǐ Tān Chēn Chī

皆 由 無 始 貪 瞋 癡

***Giai do vô thủy tham sân si.***

Based upon beginningless greed, hatred, and stupidity,

Cóng Shēn Yǔ Yì Zhī Suǒ Shēng

從 身 語 意 之 所 生

***Tùng thân ngữ ý chi sở sanh.***

And born of body, mouth, and mind,

Yī Qiē Zuì Zhàng Jiē Chàn Huǐ

一 切 罪 障 皆 懺 悔

***Nhất thiết tội chướng giai sám hối.***

I now repent and reform.

Zhòng Shēng Wú Biān Shì Yuàn Dù

眾 生 無 邊 誓 願 度

***Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.***

I vow to take across the numberless living beings.

Fán Nǎo Wú Jìn Shì Yuàn Duàn  
煩 惱 無 盡 誓 願 斷

**Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.**

I vow to cut off the endless afflictions.

Fǎ Mén Wú Liàng Shì Yuàn Xué  
法 門 無 量 誓 願 學

**Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.**

I vow to study the countless Dharma doors.

Fó Dào Wú Shàng Shì Yuàn Chéng  
佛 道 無 上 誓 願 成

**Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.**

I vow to realize the supreme Buddha way.

Nán Mó Pǔ Xián Wáng Pú Sà Mó Hē Sà  
南 無 普 賢 王 菩 薩 摩 訶 薩

**Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)

Homage to the Samantabhadra, the king of the Bodhisattva, Mahasattva.

(3 times)

Kāi Shì

開 示

**KHAI THỊ**<sup>11</sup>

**Upadhyaya Recites**

Shàng Lái Chàn Huǐ Fā Yuàn Yǐ Jìng Jù Xíng Yóu  
上 來 懺 悔 發 願 已 竟 具 行 猶

**Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh, cụ hành do**

Now that we have repented and vowed, it is as if our eyes have just been

Rén Jù Yǎn Mù Yuàn Rú Rì Yuè Dēng  
人 具 眼 目 願 如 日 月 燈  
**nhân cụ nhãn mục, nguyện như nhật, nguyệt, đấng**  
opened. From beginningless time to now, we have drifted on the ocean of

Guāng Míng Yī Guāng Zhào Zhú Jiàn Fēn Míng  
光 明 依 光 照 燭 見 分 明  
**quang minh. Y quang chiếu chúc kiến phân minh,**  
consciousness and reacted egocentrically in the sea of emotion. We have been

Xíng Zhě Fāng Néng Dá Qián Jìng Shì Yǐ Niàn  
行 者 方 能 達 前 境 是 以 念  
**hành giả phương năng đạt tiền cảnh. Thị dĩ niệm**  
blinded by imageries created by our sensory organs that caused us pains and

Fó Zhī Rén Ruò Bù Fā Yuàn Wǎng Shēng  
佛 之 人 若 不 發 願 往 生  
**Phật chi nhân, nhược bất phát nguyện vãng sanh,**  
sufferings. Now, vows are like light from a lamp. With light, one can see and

Zòng Yǒu Gōng Xíng Yì Chéng Xū Shè Yǐ Bù  
縱 有 功 行 亦 成 虛 設 以 不  
**túng hữu công hạnh, diệc thành hư thiết, dĩ bất**  
arrive at the destination, the Land of Ultimate Bliss. A Buddha chanting with-

Shùn Fó Gù Jīn Ēr Wáng Líng Dāng Zhī Cǐ Yì  
順 佛 故 今 爾 亡 靈 當 知 此 意  
**thuận Phật cố. Kim nhĩ vong linh đương tri thử ý.**  
Out vows is in vain. One should not forget about it, and the deceased should  
Especially be very clear on this point.



Mí Tuó Zàn

彌陀讚

DI ĐÀ TÁN

**Praise To Amitabha Buddha**

*Ā Mí Tuó Fó Wú Shàng Yī Wáng*

阿彌陀佛無上醫王

***A Di Đà Phật vô thượng Y Vương***

Amitabha Buddha, the utmost of all healer,

*Wéi Wéi Jīn Xiāng Fàng Háo Guāng*

巍巍金相放毫光

***Nguy nguy kim tướng phóng hào quang***

His grand golden posture emits a bright radiance.

*Kǔ Hǎi Zuò Cí Háng*

苦海作慈航

***Khổ hải tác từ hàng***

In the sea of sorrow, he is the savior.

*Jiǔ Pǐn Lián Bāng*

九品蓮邦

***Cứu phẩm liên bang***

Salvation is in the nine-grand lotus world,

*Tóng Yuàn Wǎng Xī Fāng*

同願往西方

***Đồng nguyện vãng Tây Phương.***

Let us all go together to the Western Pure Land.

*Nán Mó Lián Chí Huì Pú Sà Mó Hē Sà*  
南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩

***Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.*** (3 lần)

Homage to the Lotus Pool assembly of Bodhisattvas and Mahasattva.  
(3 times)

*Dì Sān Shí Fǎ Shì*

第三時法事

**ĐỆ TAM THỜI PHÁP SỰ**

**Congregation Recite Part III of Chanting Service**

*Nán Mó Lián Chí Hǎi Hùi Fó Pú Sà*

南 無 蓮 池 海 會 佛 菩 薩

***Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.*** (3 lần)

Homage to Lotus Pool Assembly of Buddhas and Bodhisattvas. (3 times)

*Fó Shuō A Mí Tuó Jīng*

佛 說 阿 彌 陀 經

**PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH**

**The Buddha Spoke the Amitabha Sutra**

*Rú Shì Wǒ Wén: Yí Shí Fó Zài Shè Wèi Guó,*

如 是 我 聞: 一 時 佛 在 舍 衛 國.

***Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc,***

Thus, I have heard, at one time, the Buddha dwelt at Shravasti

*Qí Shù Gěi Gū Dú Yuán, Yǔ Dà Bǐ Qiū Sēng,*

祇 樹 給 孤 獨 園, 與 大 比 丘 僧,

***Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dĩ đại Tỷ kheo tăng,***

in the Jeta Grove in the garden of the benefactor of orphans and the solitary,

*Qiān Èr Bǎi Wǔ Shí Rén Jù, Jiē Shì Dà Ā*

千 二 百 五 十 人 俱, 皆 是 大 阿

***thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A***

together with a gathering of Great Bhiksus, twelve hundred fifty in all, all

*Luó Hàn, Zhòng Suǒ Zhī Shì: Zhǎng Lǎo Shè Lì*  
羅漢. 眾所知識: 長老舍利  
***La Hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá Lợi***  
great Arhats whom the assembly knew and recognized: Elders Shariputra,

*Fó, Mó Hē Mù Jiàn Lián, Mó Hē Jiā Shè,*  
弗, 摩訶目犍連, 摩訶迦葉,  
***Phát, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp,***  
Mahamaudgalyayan, Mahakasyapa,

*Mó Hē Jiā Zhān Yán, Mó Hē Jū Chī Luó,*  
摩訶迦旃延, 摩訶俱絺羅,  
***Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La,***  
Mahakatyayana, Mahakausthila,

*Lí Pó Duō, Zhōu Lì Pán Tuó Qié, Nán Tuó, Ā Nán*  
離婆多, 周利槃陀伽, 難陀, 阿難  
***Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan***  
Revata, Suddhipanthaka, Nanda, Ananda,

*Tuó, Luó Hóu Luó, Jiāo Fàn Pō Tí, Bīn Tóu Lú*  
陀, 羅睺羅, 憍梵波提, 賓頭盧  
***Đà, La Hâu La, Kiêu Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô***  
Rahula, Gavampati, Pindola-Bharadvaja,

*Pō Luó Duò, Jiā Liú Tuó Yí, Mó Hē Jié Bīn*  
頗羅墮, 迦留陀夷, 摩訶劫賓  
***Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân***  
Kalodayin, Mahakaphina,

Nà, Bó Jù Luó, Ā Nuò Lóu Tuó, Rú Shì Děng  
那, 薄 拘 羅, 阿 耨 樓 駄, 如 是 等  
**Na, Bạc Câu La, A Nậu Lôu Đà, như thị đẳng**  
Vakkula, Aniruddha, and others such as these,

Zhū Dà Dì Zǐ. Bìng Zhū Pú Sà Mó Hē Sà: Wén  
諸 大 弟 子. 并 諸 菩 薩 摩 訶 薩. 文  
**chư đại đệ tử. Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn**  
all great disciples; together with all the Bodhisattvas, Mahasattvas:

Shū Shī Lì Fǎ Wáng Zǐ, Ā Yì Duō Pú Sà, Qián  
殊 師 利 法 王 子. 阿 逸 多 菩 薩, 乾  
**Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Đạt Đa Bồ Tát, Càn**  
Dharma Prince Manjushri, Ajita Bodhisattva,

Tuó Hē Tí Pú Sà, Cháng Jīng Jìn Pú Sà, Yǔ  
陀 訶 提 菩 薩, 常 精 進 菩 薩, 與  
**Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dũ**  
Gandhastin Bodhisattva, Nityodyukta Bodhisattva,

Rú Shì Děng Zhū Dà Pú Sà, Jí Shì Tí Huán  
如 是 等 諸 大 菩 薩, 及 釋 提 桓  
**nư thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn**  
and others such as these, all great Bodhisattvas; and together with Sakra,

Yīn Děng, Wú Liàng Zhū Tiān Dà Zhòng Jū. Ēr  
因 等, 無 量 諸 天 大 眾 俱. 爾  
**nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu. Nhĩ**  
chief among Gods, and the numberless great multitudes from all the heavens.

Shí Fó Gào Zhǎng Lǎo Shè Lì Fó: Cóng Shì Xī  
時 佛 告 長 老 舍 利 弗: 從 是 西  
**thời Phật cáo Trưởng Lão Xá Lợi Phất: Tàng thị Tây**  
At that time, the Buddha told the Elder Shariputra: "Passing from here through

Fāng, Guò Shí Wàn Yì Fó Tǔ, Yǒu Shì Jiè  
方 過 十 萬 億 佛 土, 有 世 界  
**phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới**  
hundreds of thousands of millions of Buddhlands to the West, there is a world

Míng Yuē Jí Lè, Qí Tǔ Yǒu Fó, Hào Ā Mí Tuó,  
名 曰 極 樂, 其 土 有 佛, 號 阿 彌 陀,  
**danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà,**  
called Ultimate Bliss. In this land a Buddha called Amitabha

Jīn Xiàn Zài Shuō Fǎ. Shè Lì Fó! Bǐ Tǔ Hé Gù  
今 現 在 說 法. 舍 利 弗! 彼 土 何 故  
**kim hiện tại thuyết pháp. Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố**  
right now teaches the Dharma. Shariputra! For what reason is this land called

Míng Wéi Jí Lè? Qí Guó Zhòng Shēng Wú Yǒu Zhòng  
名 為 極 樂? 其 國 眾 生 無 有 眾  
**danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng**  
Ultimate Bliss? All living beings of this country endure none of the sufferings,

Kǔ, Dàn Shòu Zhū Lè, Gù Míng Jí Lè. Yòu Shè  
苦, 但 受 諸 樂, 故 名 極 樂. 又 舍  
**khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc. Hựu Xá**  
but enjoy every bliss. Therefore, it is called Ultimate Bliss. Moreover, Shariputra!

Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Qī Chóng Lán Shǔn,  
利 弗! 極 樂 國 土, 七 重 欄 楯,  
**Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn,**  
this land of Ultimate Bliss is every where surrounded by seven tiers of railings,

Qī Chóng Luó Wǎng, Qī Chóng Hàng Shù, Jiē Shì Sì  
七 重 羅 網, 七 重 行 樹, 皆 是 四  
**thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ**  
seven layers of netting, and seven rows of trees, all formed from the

Bǎo, Zhōu Zá Wéi Rào, Shì Gù Bǐ Guó Míng Wéi  
寶, 周 匝 圍 繞, 是 故 彼 國 名 為  
**bǎo, châu tạp vì nhiều, thị cố bỉ quốc danh vì**  
four treasures and for this reason named Ultimate Bliss,

Jí Lè. Yòu Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Yǒu  
極 樂. 又 舍 利 弗! 極 樂 國 土, 有  
**Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, hữu**  
Moreover, Shariputra! The land of Ultimate Bliss has pools of the

Qī Bǎo Chí, Bā Gōng Dé Shuǐ, Chōng Mǎn Qí Zhōng,  
七 寶 池, 八 功 德 水, 充 滿 其 中,  
**thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung,**  
seven jewels. Filled with the eight waters of merit and virtue.

Chí Dǐ Chún Yī Jīn Shā Bù Dì. Sì Biān Jiē Dào,  
池 底 純 以 金 沙 布 地. 四 邊 階 道,  
**trì để thuần dĩ kim sa bố địa. Tứ biên giai đạo,**  
The bottom of each pool is pure, spread over with golden sand. On the four sides

Jīn, Yín, Liú Lí, Bō Lí Hé Chéng; Shàng Yǒu  
金, 銀, 瑠璃, 玻瓈合成; 上有  
**kim, ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành; thượng hữu**  
are stairs of gold, silver, lapis lazuli, crystal; above are raised pavilions

Lóu Gé, Yì Yǐ Jīn, Yín, Liú Lí, Bō Lí, Chē Qǔ,  
樓閣, 亦以金, 銀, 瑠璃, 玻瓈, 碑磬,  
**lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ,**  
adorned with gold, silver, lapis lazuli, crystal, mother-of-pearl,

Chì Zhū, Mǎ Nǎo, Ér Yán Shì Zhī. Chí Zhōng  
赤珠, 瑪瑙, 而嚴飾之. 池中  
**xích châu, mã瑙, nhi nghiêm sức chi. Trì trung**  
red pearls and carnelian. In the pools are lotuses

Lián Huá, Dà Rú Chē Lún: Qīng Sè Qīng Guāng,  
蓮華, 大如車輪: 青色青光,  
**liên hoa, đại như xa luân: thanh sắc thanh quang,**  
as large as carriage wheels: green colored with green light;

Huáng Sè Huáng Guāng, Chì Sè Chì Guāng, Bái  
黃色黃光, 赤色赤光. 白  
**hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch**  
yellow colored with yellow light; red colored with red light; white

Sè Bái Guāng, Wēi Miào Xiāng Jié. Shè Lì Fó!  
色白光, 微妙香潔. 舍利弗!  
**sắc bạch quang, vi diệu hương khiết. Xá Lợi Phất!**  
colored with white light; subtly, wonderfully fragrant and pure. Shariputra!



Jí Lè Guó Tǔ, Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé Zhuāng  
極 樂 國 土, 成 就 如 是 功 德 莊  
**Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang**  
The realization of the Land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

Yán. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Cháng  
嚴. 又 舍 利 弗! 彼 佛 國 土 常  
**nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thường**  
Moreover, Shariputra! In that Buddhaland there is always heavenly music,

Zuò Tiān Yuè, Huáng Jīn Wéi Dì, Zhòu Yè Liù Shí,  
作 天 樂, 黃 金 為 地, 晝 夜 六 時,  
**tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục thời,**  
and the ground is yellow gold. In the six periods of the day and night a heavenly

Yù Tiān Màn Tuó Luó Huá. Qí Tǔ Zhòng Shēng, Cháng  
雨 天 曼 陀 羅 華. 其 國 眾 生 常  
**vũ thiên mạn đà la hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường**  
rain of Mandarava flowers falls, and throughout the clear morning each living

Yǐ Qīng Dàn, Gè Yǐ Yī Gé, Chéng Zhòng Miào Huá,  
以 清 旦, 各 以 衣 襪 盛 眾 妙 華.  
**dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa,**  
being of this land, with sacks full of myriads of wonderful flowers, makes of

Gòng Yǎng Tā Fāng Shí Wàn Yì Fó, Jí Yǐ  
供 養 他 方 十 萬 億 佛, 即 以  
**cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ**  
offerings to the hundreds of thousands of millions of Buddhas of the other directions

Shí Shí, Huán Dào Běn Guó, Fàn Shí Jīng Xíng.  
食 時, 還 到 本 國, 飯 食 經 行.  
**thực thời, hoàn đảo bản quốc, phạn thực kinh hành.**  
At mealtime, they return to their own country, and having eaten they stroll around.

Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Chéng Jiù Rú  
舍 利 弗! 極 樂 國 土, 成 就 如  
**Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như**  
Shariputra! The realization of the Land of Ultimate Bliss

Shì Gōng Dé Zhuāng Yán. Fù Cì Shè Lì Fó!  
是 功 德 莊 嚴. 復 次 舍 利 弗!  
**thị công đức trang nghiêm. Phục thứ Xá Lợi Phất!**  
is thus meritoriously adorned. Moreover, Shariputra!

Bǐ Guó Cháng Yǒu Zhǒng Zhǒng Qí Miào, Zà Sè  
彼 國 常 有 種 種 奇 妙, 雜 色  
**bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu, tạp sắc**  
In this country there are always rare and wonderful varicolored

Zhī Niǎo: Bái Hè, Kǒng Què, Yīng Wǔ, Shè Lì,  
之 鳥: 白 鵠, 孔 雀, 鸚 鵡, 舍 利,  
**chi điểu: Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi,**  
birds: White cranes, peacocks, parrots and egrets, kalavinkas,

Jiā Líng Pín Qié. Gòng Mìng Zhī Niǎo, Shì Zhū  
迦 陵 頻 伽. 共 命 之 鳥, 是 諸  
**Ca Lăng Tần Già. Cộng mạng chi điểu, thị chư**  
and two headed birds. In the six periods of the day and night,

Zhòng Niǎo, Zhòu Yè Liù Shí, Chū Hé Yǎ Yīn. Qí  
眾 鳥，晝夜六時出和雅音。其  
**chúng điểu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm.** Kỳ  
the flocks of birds sing forth harmonious and elegant sounds. Their clear and

Yīn Yǎn Chàng: Wǔ Gēn, Wǔ Lì, Qī Pú Tí Fēn,  
音 演 暢：五 根，五 力，七 菩 提 分，  
**âm diễn sướng: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần,**  
joyful sounds proclaim the five roots, the five powers, the seven bodhi shares the

Bā Shèng Đạo Fēn, Rú Shì Děng Fǎ. Qí Tǔ  
八 聖 道 分，如 是 等 法。其 土  
**bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp.** Kỳ độ  
eight sagely way shares, and Dharma such as these. When living beings of this

Zhòng Shēng, Wén Shì Yīn Yǐ, Jiē Xī Niàn Fó, Niàn  
眾 生，聞 是 音 已，皆 悉 念 佛，念  
**chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm**  
land hear these sounds, they are altogether mindful of the Buddha, mindful of the

Fǎ, Niàn Sēng. Shè Lì Fó! Rǔ Wù Wèi Cǐ Niǎo,  
法，念 僧。舍 利 弗！汝 勿 謂 此 鳥，  
**Pháp, niệm Tăng. Xá Lợi Phát! Nhữ vật vị thử điểu,**  
Dharma, and mindful of the Sangha. Shariputra! Do not say that these birds are born

Shí Shì Zuì Bào Suǒ Shēng. Suǒ Yǐ Zhě Hé? Bǐ Fó  
實 是 罪 報 所 生。所 以 者 何？彼 佛  
**thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật**  
as retribution for their karmic offenses. For what reason? In this Buddhaland there

Guó Tǔ Wú Sān È Dào. Shè Lì Fó! Qí Fó  
國 土 無 三 惡 道. 舍 利 弗! 其 佛  
**quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật**  
are no three evil ways of rebirth. Shariputra! In this Buddhaland not even

Guó Tǔ Shàng Wú È Dào Zhī Míng, Hé Kuàng  
國 土 尚 無 惡 道 之 名, 何 況  
**quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huống**  
the names of the three evil ways exist, how much the less their actuality!

Yǒu Shí, Shì Zhū Zhòng Niǎo, Jiē Shì Ā Mí Tuó  
有 實, 是 諸 眾 鳥, 皆 是 阿 彌 陀  
**hữu thật, thị chư chúng điểu, giai thị A Di Đà**  
Desiring that the Dharma should be widely proclaimed, Amitabha

Fó, Yù Lìng Fǎ Yīn Xuān Liú Biàn Huà Suǒ Zuò.  
佛, 欲 令 法 音 宣 流 變 化 所 作.  
**Phật, dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác.**  
Buddha by transformation made this multitude of birds.

Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Wēi Fēng Chuī Dòng,  
舍 利 弗! 彼 佛 國 土 微 風 吹 動,  
**Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ vi phong xuy động,**  
Shariputra! In that Buddhaland, when the soft wind blows,

Zhū Bǎo Hàng Shù, Jí Bǎo Luó Wǎng, Chū Wēi Miào  
諸 寶 行 樹, 及 寶 羅 網, 出 微 妙  
**chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu**  
the rows of jeweled trees and jeweled nets give forth subtle and wonderful sounds,

Yīn, Pì Rú Bǎi Qiān Zhǒng Yuè Tóng Shí Jū Zuò.  
音, 譬 如 百 千 種 樂 同 時 俱 作  
**âm, thí như bách thiên chủng nhạc đồng thời cụ tác.**  
like one hundred thousand kinds of music played at the same time. All those who

Wén Shì Yīn Zhě, Zì Rán Jiē Shēng: Niàn Fó, Niàn  
聞 是 音 者, 自 然 皆 生: 念 佛, 念  
**Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh: niệm Phật, niệm**  
hear this sound naturally bring forth in their hearts mindfulness of the Buddha,

Fǎ, Niàn Sēng Zhī Xīn. Shè Lì Fó! Qí Fó Guó  
法, 念 僧, 之 心. 舍 利 弗! 其 佛 國  
**Pháp, niệm Tăng chi tâm. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc**  
mindfulness of the Dharma, and mindfulness of the Sangha. Shariputra! The

Tǔ, Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé Zhuāng Yán.  
土 成 就 如 是 功 德 莊 嚴.  
**độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.**  
realization of the Land of Ultimate Bliss is thus meritoriously adorned.

Shè Lì Fó! Yú Rǔ Yì Yún Hé? Bǐ Fó Hé Gù Hào  
舍 利 弗! 於 汝 意 云 何? 彼 佛 何 故 號  
**Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu**  
Shariputra! What do you think? Why is this Buddha called Amitabha?

Ā Mí Tuó? Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guāng Míng Wú  
阿 彌 陀? 舍 利 弗! 彼 佛 光 明 無  
**A Di Đà? Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô**  
Shariputra! The brilliance of that Buddha's light is measureless, illuminating the

Liàng, Zhào Shí Fāng Guó, Wú Suǒ Zhàng Ài,  
量, 照 十 方 國 無 所 障 礙,  
**lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại,**  
lands of the ten directions everywhere without obstruction;

Shì Gù Hào Wéi Ā Mí Tuó. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó  
是 故 號 為 阿 彌 陀. 又 舍 利 弗! 彼 佛  
**thị cố hiệu vi A Di Đà. Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật**  
For this reason he is called Amitabha. Moreover, Shariputra! The life of that

Shòu Mìng, Jí Qí Rén Mǐn, Wú Liàng Wú Biān Ā  
壽 命, 及 其 人 民 無 量 無 邊 阿  
**thọ mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên a**  
Buddha and that of his people extends for measureless, limitless Asandhyeya

Sēng Qí Jié, Gù Mìng Ā Mí Tuó. Shè Lì Fó!  
僧 祇 劫, 故 名 阿 彌 陀. 舍 利 弗!  
**tăng kỳ kiếp, cố danh A Di Đà. Xá Lợi Phát!**  
kalpas, for this reason he is called Amitabha. And Shariputra! Since

Ā Mí Tuó Fó Chéng Fó Yǐ Lái, Yú Jīn Shí Jié.  
阿 彌 陀 佛 成 佛 已 來, 於 今 十 劫.  
**A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, w kim thập kiếp.**  
Amitabha realized Buddhahood, ten Kalpas have passed

Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Yǒu Wú Liàng Wú Biān  
又 舍 利 弗! 彼 佛 有 無 量 無 邊  
**Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên**  
Moreover, Shariputra! That Buddha has measureless, limitless

Shēng Wén Dì Zǐ, Jiē Ā Luó Hàn, Fēi Shì Suàn Shù  
聲 聞 弟 子, 皆 阿 羅 漢, 非 是 算 數  
**Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số**  
Voice-hearer disciples, and Arhats, their number incalculable,

Zhī Suǒ Néng Zhī; Zhū Pú Sà Zhòng Yì Fù Rú  
之 所 能 知; 諸 菩 薩 眾 亦 復 如  
**chī sở năng tri; chư Bồ Tát chúng diệc phục như**  
thus also is the assembly of Bodhisattvas.

Shì. Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Chéng Jiù Rú  
是. 舍 利 弗! 彼 佛 國 土 成 就 如  
**thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như**  
Shariputra! The realization of the Land of Ultimate Bliss is thus

Shì Gōng Dé Zhuāng Yán. Yòu Shè Lì Fó! Jí  
是 功 德 莊 嚴. 又 舍 利 弗! 極  
**thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Cực**  
meritoriously adorned. Moreover, Shariputra! Those living

Lè Guó Tǔ, Zhòng Shēng Shēng Zhě, Jiē Shì Ā Bǐng  
樂 國 土, 眾 生 生 者, 皆 是 阿 鞞  
**Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ**  
born in the Ultimate Bliss are all Avaivartika.

Bá Zhì, Qí Zhōng Duō Yǒu Yí Shēng Bǔ Chǔ, Qí Shù  
跋 致, 其 中 多 有 一 生 補 處, 其 數  
**Bạt Trí, kỳ trung đa hữu nhất sanh bổ xứ, kỳ số**  
Among them are many who in this very life will dwell in Buddhahood.

Shèn Duō, Fēi Shì Suàn Shù, Suǒ Néng Zhī Zhī, Dàn Kě  
甚多，非是算數，所能知之，但可  
**thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, dãn khả**  
their number is extremely many; it is incalculable and only in measureless,

Yǐ Wú Liàng Wú Biān Ā Sēng Qí Shuō. Shè Lì Fó!  
以無量無邊阿僧祇說。舍利弗！  
**dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ thuyết. Xá Lợi Phát!**  
limitless Asankhyeya kalpas could it be spoken. Shariputra!

Zhòng Shēng Wén Zhě, Yīng Dāng Fā Yuàn, Yuàn  
眾生聞者，應當發願願  
**Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện**  
Those living beings who hear should vow, 'I wish to be born in that country'.

Shēng Bǐ Guó. Suǒ Yǐ Zhě Hé? Dé Yǔ Rú Shì Zhū  
生彼國。所以者何？得與如是諸  
**sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư**  
And why? All those who thus attain are all superior and good people,

Shàng Shàn Rén Jū Huì Yí Chǔ. Shè Lì Fó!  
上善人俱會一處。舍利弗！  
**thượng thiện nhân câu hội nhất xứ. Xá Lợi Phát!**  
all coming together in one place. Shariputra!

Bù Kě Yǐ Shǎo Shàn Gēn Fú Dé Yīn Yuán  
不可以少善根福德因緣  
**Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên**  
One cannot have few good roots, blessings, virtue, and causal connections



Dé Shēng Bǐ Guó. Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Shàn  
得 生 彼 國. 舍 利 弗! 若 有 善  
**đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện**  
to attain birth in that land. Shariputra! If there is a good man

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shuō Ā Mí Tuó Fó,  
男 子, 善 女 人, 聞 說 阿 彌 陀 佛  
**nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật,**  
or good woman who hears spoken 'Amitabha' and holds the name,

Zhí Chí Míng Hào. Ruò Yí Rì, Ruò Èr Rì,  
執 持 名 號. 若 一 日, 若 二 日,  
**chấp trì danh hiệu. Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật,**  
whether for one day, two days,

Ruò Sān Rì, Ruò Sì Rì, Ruò Wǔ Rì,  
若 三 日, 若 四 日, 若 五 日,  
**nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật,**  
three days, four days, five days,

Ruò Liù Rì, Ruò Qī Rì, Yī Xīn Bú Luàn,  
若 六 日, 若 七 日, 一 心 不 亂,  
**nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn,**  
six days, as long as seven days, with one heart unconfused,

Qí Rén Lín Mìng Zhōng Shí, Ā Mí Tuó Fó Yǔ Zhū  
其 人 臨 命 終 時, 阿 彌 陀 佛 與 諸  
**kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư**  
when this person approaches the end of life, before him will appear Amitabha

Shèng Zhòng, Xiàn Zài Qí Qián; Shì Rén Zhōng Shí,  
聖 眾, 現 在 其 前; 是 人 終 時,  
**thánh chúng, hiện tại kỳ tiền; thị nhân chung thời,**  
and all the assembly of holy ones. When the end comes,

Xīn Bù Diān Dào, Jí Dé Wǎng Shēng Ā Mí Tuó Fó  
心 不 顛 倒, 即 得 往 生 阿 彌 陀 佛  
**tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật**  
his heart is without inversion; in Amitabha's Land of Ultimate Bliss,

Jí Lè Guó Tǔ. Shè Lì Fó! Wǒ Jiàn Shì Lì, Gù  
極 樂 國 土. 舍 利 弗! 我 見 是 利 故  
**Cực Lạc quốc độ. Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố**  
he will attain rebirth. Shariputra! Because I see this benefit,

Shuō Cǐ Yán, Ruò Yǒu Zhòng Shēng Wén Shì Shuō  
說 此 言, 若 有 眾 生 聞 是 說  
**thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết**  
I speak these words: If living beings hear this spoken, they make

Zhě, Yīng Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ. Shè  
者, 應 當 發 願 生 彼 國 土. 舍  
**giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá**  
the vow, 'I wish to be born in that Land'.

Lì Fó! Rú Wǒ Jīn Zhě, Zàn Tàn Ā Mí Tuó  
利 弗! 如 我 今 者, 讚 歎 阿 彌 陀  
**Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán tán A Di Đà**  
Shariputra! As I now, praise the inconceivable benefit

Fó, Bù Kě Sì Yì Gōng Dé Zhī Lì. Dōng Fāng  
佛, 不可思議功德之利. 東方  
**Phật, bất khả tư nghị công đức chi lợi. Đông phương**  
from the merit and virtue of Amitabha, thus in the East there are also exist

Yì Yǒu Ā Chù Pí Fó, Xū Mí Xiàng Fó, Dà  
亦有阿閼鞞佛, 須彌相佛, 大  
**diệp hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại**  
Aksobhya Buddha, Sight of Mount Sumeru Buddha, Great Mount Sumeru

Xū Mí Fó, Xū Mí Guāng Fó, Miào Yīn Fó;  
須彌佛, 須彌光佛, 妙音佛;  
**Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật;**  
Buddha, Light of Mount Sumeru Buddha, Wondrous Voice Buddha; All Buddhas

Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí  
如是等恆河沙數諸佛, 各於其  
**như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ**  
such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings

Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù Sān  
國, 出廣長舌相, 徧覆三  
**quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam**  
forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán:  
千大千世界, 說誠實言:  
**thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words:

“Rũ Dểng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn  
汝 等 眾 生, 當 信 是 稱 讚  
**“Nhữ đảng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán**  
‘All you living beings should believe, praise and hold in reverence the

Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè Zhū Fó  
不 可 思 議 功 德 一 切 諸 佛  
**Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật**  
inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all

Suǒ Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Nán Fāng Shì  
所 護 念 經. 舍 利 弗! 南 方 世  
**Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phát! Nam phương thế**  
Buddhas are protective’. Shariputra! In the Southern worlds there are exist

Jiè Yǒu Rì Yuè Dēng Fó, Míng Wén Guāng  
界 有 日 月 燈 佛, 名 聞 光  
**giới hữu Nhật Nguyệt Đẳng Phật, Danh Văn Quang**  
Lamp of Sun and Moon Buddha, Light of Renown Buddha,

Fó, Dà Yàn Jiān Fó, Xū Mí Dēng Fó, Wú  
佛, 大 燄 肩 佛, 須 彌 燈 佛, 無  
**Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô**  
Great Flaming Shoulders Buddha, Lamp of Mount Sumeru Buddha,

Liàng Jīng Jìn Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā  
量 精 進 佛; 如 是 等 恆 河 沙  
**Lượng Tinh Tấn Phật; như thị đẳng Hằng hà sa**  
Infinite Diligence Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands.

Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng  
數 諸 佛, 各 於 其 國, 出 廣 長  
**số chư Phật, các ở kỳ quốc, xuất quảng trường**  
In his own country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue.

Shé Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè,  
舌 相, 徧 覆 三 千 大 千 世 界,  
**thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới,**  
Everywhere covering three thousand great thousand worlds, and speaks the

Shuō Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng  
說 誠 實 言: 汝 等 眾 生, 當  
**thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương**  
sincere and actual words. ‘All you living beings should believe, praise and

Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì  
信 是 稱 讚 不 可 思 議 功 德 一  
**tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất**  
hold in reverence in the inconceivable merit and virtue of this sutra of the

Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng” Shè Lì Fó!  
切 諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗!  
**Thiệt Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phật!**  
mindful one of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

Xī Fāng Shì Jiè Yǒu Wú Liàng Shòu Fó,  
西 方 世 界 有 無 量 壽 佛,  
**Tây Phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật,**  
In the Western world there are exist Amitayus Buddha,

Wú Liàng Xiàng Fó, Wú Liàng Chuáng Fó, Dà  
無 量 相 佛, 無 量 幢 佛, 大  
**Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại**  
Infinite Marks Buddha, Infinite Banners Buddha,

Guāng Fó, Dà Míng Fó, Bǎo Xiàng Fó, Jìng  
光 佛, 大 明 佛, 寶 相 佛, 淨  
**Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh**  
Great Light Buddha, Great Clear Buddha, Marks of Reality Buddha, Light of

Guāng Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū  
光 佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸  
**Quang Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư**  
Purity Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own

Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,  
佛, 各 於 其 國, 出 廣 長 舌 相,  
**Phật, các w kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng,**  
country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere

Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng  
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠  
**biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành**  
covering the three thousand great thousand worlds, and speaks the sincere

Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì  
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信 是  
**thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị**  
and actual words. ‘All you living beings should believe, praise and hold

Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yī Qiè  
稱 讚 不 可 思 議 功 德 一 切  
**Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết**  
in reverence the inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful

Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng". Shè Lì Fó! Běi  
諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗! 北  
**Chur Phật Sở Hộ Niệm Kinh". Xá Lợi Phậ!** Bắc  
one of whom all Buddhas are protective'. Shariputra! In the Northern world

Fāng Shì Jiè Yǒu Yàn Jiān Fó, Zuì Shèng Yīn  
方 世 界 有 燄 肩 佛, 最 勝 音  
**phương thế giới hữu Diễm Kiên Phậ, Tối Thắng Âm**  
there are exist Flaming Shoulders Buddha, Supreme Voice Buddha, Unstoppable

Fó, Nán Jǔ Fó, Rì Shēng Fó, Wǎng Míng  
佛, 難 沮 佛, 日 生 佛, 網 明  
**Phậ, Nan Trở Phậ, Nhật Sanh Phậ, Vông Minh**  
Buddha, Born of the Sun Buddha, Netted Light Buddha; All Buddhas

Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú  
佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於  
**Phậ; như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phậ, các ư**  
such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings forth

Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù  
其 國, 出 廣 長 舌 相, 徧 覆  
**kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ**  
the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán:  
三 千 大 千 世 界, 說 誠 實 言:  
**tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words:

“Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù  
汝 等 眾 生, 當 信 是 稱 讚 不  
“**Nhữ đấng chúng sanh, đương tín thị xưng tán bất**  
'All you living beings should believe, praise and hold in reverence the

Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè Zhū Fó Suǒ  
可 思 議 功 德 一 切 諸 佛 所  
**Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở**  
inconceivable merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all

Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Xià Fāng Shì Jiè  
護 念 經. 舍 利 弗! 下 方 世 界  
**Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới**  
Buddhas are protective'. Shariputra! In the worlds below (nadir direction) there

Yǒu Shī Zǐ Fó, Míng Wén Fó, Míng Guāng Fó,  
有 師 子 佛, 名 聞 佛, 名 光 佛,  
**hữ Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật,**  
are exist Lion Buddha, Renown Buddha, Famous Light Buddha, Bodhidharma

Dá Mó Fó, Fǎ Chuáng Fó, Chí Fǎ Fó; Rú  
達 摩 佛, 法 幢 佛, 持 法 佛; 如  
**Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật; như**  
Buddha, Dharma Banner Buddha, Upholding the Dharma Buddha; All



Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí Guó,  
是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於 其 國,  
**thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc,**  
Buddhas such as these, numberless as ganges sands. In his own country, each brings

Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān  
出 廣 長 舌 相, 徧 覆 三 千  
**xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên**  
forth the appearance of a vast and long tongue. Everywhere covering the three

Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng  
大 千 世 界, 說 誠 實 言: 汝 等  
**đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng**  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words: ‘All

Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī  
眾 生, 當 信 是 稱 讚 不 可 思  
**chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư**  
you living beings should believe, praise and hold in reverence the inconceivable

Yì Gōng Dé Yī Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn  
議 功 德 一 切 諸 佛 所 護 念  
**Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm**  
merit and virtue of this sutra of the mindful one of whom all Buddhas are

Jīng”. Shè Lì Fó! Shàng Fāng Shì Jiè Yǒu  
經. 舍 利 弗! 上 方 世 界 有  
**Kinh”. Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu**  
protective’. Shariputra! In the worlds above (zenith direction) there are exist

Fàn Yīn Fó, Sù Wáng Fó, Xiāng Shàng Fó,  
梵音佛, 宿王佛, 香上佛,  
**Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật,**  
Pure Voice Buddha, King of Star Buddha, Incense Fragrance Buddha,

Xiāng Guāng Fó, Dà Yàn Jiān Fó, Zā Sè  
香光佛, 大燄肩佛, 雜色  
**Hương Quang Phật, Đại Diễm Kiên Phật, Tạp Sắc**  
Fragrance Light Buddha, Great Flaming Shoulders Buddha, Colorful and

Bǎo Huá Yán Shēn Fó, Suō Luó Shù Wáng Fó,  
寶華嚴身佛, 娑羅樹王佛,  
**Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật,**  
Precious Flower Adornment Body Buddha, Sala Tree King Buddha,

Bǎo Huá Dé Fó, Jiàn Yī Qiè Yì Fó, Rú  
寶華德佛, 見一切義佛, 如  
**Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như**  
Precious Flower Virtue Buddha, Vision of all Truths Buddha, such as

Xū Mí Shān Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū  
須彌山佛; 如是等恆河沙數諸  
**Tu Di Sơn Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư**  
Mount Sumeru Buddha; All Buddhas such as these, numberless as ganges sands.

Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,  
佛, 各於其國, 出廣長舌相,  
**Phật, các w kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng,**  
In his own country, each brings forth the appearance of a vast and long tongue.

*Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng*  
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠  
***biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành***  
Everywhere covering the three thousand great thousand worlds and speaks the

*Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì*  
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信 是  
***thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị***  
sincere and actual words: ‘All you living beings should believe, praise and hold

*Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yì Qiè*  
稱 讚 不 可 思 議 功 德 一 切  
***Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết***  
thousand great thousand worlds, and speaks the sincere and actual words: ‘All

*Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Yú Rǔ*  
諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗! 於 汝  
***Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! U như***  
of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

*Yì Yún Hé? Hé Gù Míng Wéi: Yì Qiè Zhū Fó Suǒ*  
意 云 何? 何 故 名 為 一 切 諸 佛 所  
***y vân hà? Hà cố danh vi: Nhất Thiết Chư Phật Sở***  
What do you think? Why is it called sutra of the mindful one

*Hù Niàn Jīng? Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Shàn*  
護 念 經? 舍 利 弗! 若 有 善  
***Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện***  
of whom all Buddhas are protective’. Shariputra!

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shì Jīng Shòu Chí Zhě,  
男 子, 善 女 人, 聞 是 經 受 持 者  
**nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh thọ trì giả,**  
If a good man or good woman hears this sutra and hold to it,

Jí Wén Zhū Fó Míng Zhě, Shì Zhū Shàn Nán Zǐ,  
及 聞 諸 佛 名 者, 是 諸 善 男 子,  
**cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử,**  
and hears the names of all these Buddhas, these good man or good woman

Shàn Nǚ Rén Jiē Wéi Yí Qiè Zhū Fó Zhī Suǒ Hù  
善 女 人, 皆 為 一 切 諸 佛 之 所 護  
**thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ**  
will be the mindful one of whom all Buddhas are protective,

Niàn, Jiē Dé Bú Tuì Zhuǎn Yú Ā Nuò Duō Luó Sān  
念, 皆 得 不 退 轉 於 阿 耨 多 羅 三  
**niệm, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam**  
and will irreversibly attain Annutara-Samyak-

Miǎo Sān Pú Tí. Shì Gù Shè Lì Fó! Rǚ Děng  
藐 三 菩 提. 是 故 舍 利 弗! 汝 等  
**Miêu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phát! Nhữ đẳng**  
Sambodhi. Therefore, Shariputra! All of you should believe and

Jiē Dāng Xìn Shòu Wǒ Yǔ, Jí Zhū Fó Suǒ Shuō.  
皆 當 信 受 我 語, 及 諸 佛 所 說.  
**giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.**  
accept my words, and those which all Buddhas speak.

Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Rén Yǐ Fā Yuàn, Jīn  
舍 利 弗! 若 有 人 已 發 願, 今  
**Xá Lợi Phát! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim**  
Shariputra! If there are people who have already made the vow,

Fā Yuàn, Dāng Fā Yuàn, Yù Shēng Ā Mí  
發 願, 當 發 願, 欲 生 阿 彌  
**phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di**  
who now make the vow, or will make the vow, 'I desire to be born

Tuó Fó Guó Zhě, Shì Zhū Rén Děng, Jiē Dé Bú  
陀 佛 國 者, 是 諸 人 等, 皆 得 不  
**Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất**  
in Amitabha's country'. These people whether born in the past,

Tuì Zhuǎn Yú Ā Nuò Duō Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí,  
退 轉 於 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩 提,  
**thối chuyển w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,**  
now being born, or to be born in the future, all

Yú Bǐ Guó Tǔ Ruò Yǐ Shēng, Ruò Jīn Shēng,  
於 彼 國 土 若 已 生, 若 今 生,  
**w bǐ quốc độ nhược dĩ sanh, nhược kim sanh,**  
will irreversibly attain Annutara-Samyak-Sambodhi.

Ruò Dāng Shēng. Shì Gù Shè Lì Fó! Zhū Shàn  
若 當 生. 是 故 舍 利 弗! 諸 善  
**nhược đương sanh. Thị cố xá Lợi Phát! Chư thiện**  
Therefore, Shariputra!

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Ruò Yǒu Xìn Zhě, Yīng  
男 子, 善 女 人, 若 有 信 者, 應  
**nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng**  
all good man and good woman, if they are among those who have faith,

Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ. Shè Lì Fó!  
當 發 願, 生 彼 國 土. 舍 利 弗!  
**đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá Lợi Phất!**  
should make the vow, 'I will be born in that country'. Shariputra!

Rú Wǒ Jīn Zhě Chēng Zàn Zhū Fó Bù Kě Sī  
如 我 今 者 稱 讚 諸 佛 不 可 思  
**Như ngã kim giả xưng tán chư Phật bất khả tư**  
Just as I am now one who praise the merit and virtue of all

Yì Gōng Dé, Bǐ Zhū Fó Děng, Yì Chēng Zàn Wǒ  
議 功 德, 彼 諸 佛 等, 亦 稱 讚 我  
**ngộ công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã**  
Buddhas, all those Buddhas equally praise my inconceivable

Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Ēr Zuò Shì Yán: “Shì  
不 可 思 議 功 德 而 作 是 言: 釋  
**bất khả tư ngộ công đức nhi tác thị ngôn: “Thích**  
merit and virtue saying these words: ‘Shakyamuni Buddha

Jiā Móu Ní Fó Néng Wéi Shèn Nán Xī Yǒu Zhī Shì,  
迦 牟 尼 佛 能 為 甚 難 希 有 之 事,  
**Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự,**  
can complete extremely rare and difficult deeds, in the Saha Land,

Néng Yú Suō Pó Guó Tǔ, Wǔ Zhuó È Shì: Jié Zhuó,  
能 於 娑 婆 國 土 五 濁 惡 世: 劫 濁,  
**năng w Sa Bà quốc độ, ngũ trước ác thế: kiếp trước,**  
in the evil time of the Five Turbidities, in the midst of the Kalpa Turbidity,

Jiàn Zhuó, Fán Nǎo Zhuó, Zhòng Shēng Zhuó, Mìng  
見 濁, 煩 惱 濁, 眾 生 濁, 命  
**kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng**  
the View Turbidity, the Affliction Turbidity, the Living Beings Turbidity,

Zhuó Zhōng, Dé Ā Nuò Duō Luó Sān Miǎo Sān Pú  
濁 中, 得 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩  
**trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ**  
and the Life Turbidity. He can attain Annutara-Samyak-Sambodhi and

Tí, Wèi Zhū Zhòng Shēng, Shuō Shì Yī Qiè Shì  
提, 為 諸 眾 生, 說 是 一 切 世  
**Đề, vì chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế**  
For the sake of living beings, speak this Dharma which in the whole

Jiān Nán Xìn Zhī Fǎ” Shè Lì Fó! Dāng Zhī Wǒ  
間 難 信 之 法. 舍 利 弗! 當 知 我  
**gian nan tín chi Pháp” Xá Lợi Phất! Đương tri ngã**  
world is hard to believe’. Shariputra! You should know that I,

Yú Wǔ Zhuó È Shì, Xíng Cǐ Nán Shì Dé Ā Nuò Duō  
於 五 濁 惡 世 行 此 難 事 得 阿 耨 多  
**w ngũ trước ác thế, hành thử nan sự đắc A Nậu Đa**  
in the evil time of the Five Turbidities, practice these difficult deeds, attain

Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí, Wèi Yī Qiè Shì Jiàn  
羅 三 藐 三 菩 提, 為 一 切 世 間  
**La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vi nhất thiết thế gian**  
Annutara-Samyak-Sambodhi, and for all the world speak

Shuō Cǐ Nán Xìn Zhī Fǎ, Shì Wéi Shèn Nán. Fó  
說 此 難 信 之 法, 是 為 甚 難. 佛  
**thuyết thử nan tín chi Pháp, thị vi thậm nan. Phật**  
this Dharma, difficult to believe, extremely difficult!

Shuō Cǐ Jīng Yǐ, Shè Lì Fó Jí Zhū Bǐ Qiū,  
說 此 經 已, 舍 利 弗 及 諸 比 丘,  
**thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phật cập chư Tỳ - kheo,**  
After the Buddha spoke this sutra, Shariputra and all the bhikshus, all the gods,

Yī Qiè Shì Jiān, Tiān, Rén, Ā Xiū Luó Děng, Wén  
一 切 世 間, 天, 人, 阿 修 羅 等, 聞  
**nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đấng, vãn**  
humans and asurea, and others from all the worlds, hearing what the Buddha had

Fó Suǒ Shuō, Huān Xǐ Xìn Shòu, Zuò Lǐ Ér Qù.  
佛 所 說 歡 喜 信 受, 作 禮 而 去  
**Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.**  
said, joyously welcomed. Faithfully accepted, bowed and withdrew.

Fó Shuō Ā Mí Tuó Jīng.  
佛 說 阿 彌 陀 經.  
**Phật thuyết A Di Đà Kinh.**  
The Buddha spoke the Amitabha Sutra.



Bá Yì Qiè Yè Zhàng Gēn Běn Dé Shēng  
拔 一 切 業 障 根 本 得 生  
**Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh**  
Dharani for pulling out karmic obstructions by the roots and obtaining birth

Jìng Tǔ Tuó Luó Ní.  
淨 土 陀 羅 尼  
**Tịnh Độ đà la ni.**  
in the Pure Land.

Wǎng Shēng Zhòu  
往 生 咒

**VĀNG SANH CHÚ**

**Dharani For Rebirth In Pure Land**

Nán Mó Ā Mí Duō Pó Yè, Duō Tā Qié Duō Yè,  
南 無 阿 彌 多 婆 夜, 哆 他 伽 多 夜  
**Nam mô A di đà bà dạ, đa tha già đa dạ,**

Duō Dì Yè Tā, Ā Mí Lì Dū Pó Pí,  
哆 地 夜 他, 阿 彌 利 都 婆 毗,  
**đa địa dạ tha, A di rị đô bà tỳ,**

Ā Mí Lì Duō, Xī Dān Pó Pí, Ā Mí Lì Duō,  
阿 彌 利 哆, 悉 耽 婆 毗, 阿 彌 唎 哆,  
**A di rị đa, tát đām bà tỳ, A di rị đa,**

*Pí Jiā Lán Dì, Ā Mí Lì Duō, Pí Jiā Lán Duō,*  
毗 迦 蘭 帝, 阿 彌 唎 哆, 毗 迦 蘭 多,  
*tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa,*

*Qié Mí Ní, Qié Qié Nà, Zhǐ Duō Jiā Lì.*  
伽 彌 膩, 伽 伽 那, 枳 多 迦 利.  
*già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ.*

*Suō Pó Hē.*  
娑 婆 訶.

**Sa bà ha.** (3 lần)

*Nán Mó Lián Chí Hùi Pú Sà Mó Hē Sà.*  
南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩  
**Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)  
Homage to the Lotus Pool Assembly of Bodhisattvas, Mahasattva. (3 times)

*Kāi Shì*

開 示

**KHAI THỊ**<sup>12</sup>

**Upadhyaya Recites**

*Shí Wàn Yú Chéng Bù Gé Chén*  
十 萬 餘 程 不 隔 塵

**Thập vạn dư trình bất cách trần,**

The Land of Ultimate Bliss is far from us. How-  
ever a million miles is in a grain of dust because  
the Pure Land is in our mind.

*Xiū Jiāng Mí Wù Zì Shū Qīn*  
休 將 迷 悟 自 疏 親

***Hưu tương mê ngộ tự sơ thân,***

In our mind, there is no distance. So do not  
let the ignorance stands in your way.

*Chà Nà Niàn Jìn Héng Shā Fó*  
剎 那 念 盡 恆 沙 佛

***Sát-na niệm tận hằng sa Phật,***

In an instant, we chant Amitabha's name. It is  
like chanting all trillions of Buddha's name.

*Biàn Shì Lián Huá Guó Lǐ Rén*  
便 是 蓮 華 國 裡 人

***Tiện thị liên hoa quốc lý nhân.***

Immediately, we are citizens of the lotus kingdom.

*Hé Chén Bèi Jué Zāi Jīng Jí Yú Qī Bǎo Yuán Lín*  
合 塵 背 覺 栽 荊 棘 於 七 寶 園 林

***Hiệp trần bôi giác, tài kinh cực ư thất bảo viên lâm.***

All of our worries are caused by the five desires and six dusts. In the

*Shě Wàng Guī Zhēn Liè Zhū Wǎng Yú Sì Shēng Mén Hù*  
捨 妄 歸 真 列 珠 網 於 四 生 門 戶

***Xả vọng quy chân, liệt châu võng ư tứ sanh môn hộ.***

process we turn out back on realization. The only way to end our sufferings

*Zòng Héng Wàn Fǎ Yuán Guō Yí Xīn Fēi Sī*  
縱 橫 萬 法 圓 裹 一 心 非 思

***Tung hoành vạn pháp, viên khóa nhất tâm. Phi tư***

is by escaping the origin of all our sufferings. Out of all those ways of

Liàng Chǔ Ā Mí Tuó Fó Zuò Duàn Liù Gēn Wú Zào  
量 處 阿 彌 陀 佛 坐 斷 六 根 無 造  
**lượng xú, A Di Đà Phật. Tọa đoạn lục căn, vô tạo**  
liberation, they all start from the mind. Out of all the Buddha's teaching,

Zuò Shí Qīng Tài Gù Xiāng Héng Tūn Bā Jí  
作 時 清 泰 故 鄉 橫 吞 八 極  
**tác thời. Thanh Thái cố hương, hoành thôn bát cực.**  
realization of one's true mind is the only way. It is beyond comprehension.

Pò Qún Hūn Rú Gǎo Rì Lì Tiān Liáo Zhòng Bìng  
破 群 昏 如 杲 日 麗 天 療 眾 病  
**Phá quần hôn như cảo nhật lệ thiên, liệu chúng bệnh**  
Let's chant Amitabha until the chains of the six senses are broken. Let's

Rú Shàn Jiàn Shén Yào Suǒ Yǐ Yún Yī Chēng  
如 善 見 神 藥 所 以 云 一 稱  
**như Thiện Kiến thân dược. Sở dĩ vân: "Nhất xưng**  
Amitabha reflect himself upon us. It is said that a word of Amitabha relieves

Ā Mí Tuó Fó Míng Hào Néng Miè Bā Wàn Yì Jí  
阿 彌 陀 佛 名 號 能 滅 八 萬 億 劫  
**A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp**  
eight trillion kalpas of rebirth. With his great compassion, Amitabha vows to

Shēng Sǐ Zhòng Kǔ Lì Yì Rú Shì Qǐ Pì Yù  
生 死 眾 苦 利 益 如 是 豈 譬 喻  
**sinh tử chúng khổ". Lợi ích như thị, khởi thí dụ**  
relieve all beings from the Saha world and beyond. The benefit of chanting

Yán Shuō Zhī Kě Jí Hū Zhī Rú Jí Jīn Jì  
言 說 之 可 及 乎 只 如 即 今 繫  
**ngôn thuyết chi khả cập hồ? Chỉ như tức kim hệ**  
his name is beyond words and description. In this third part of the service

Niàn Dì Sān Shí Fó Shì Qiě Dào Xiàn Qián Zhòng  
念 第 三 時 佛 事 且 道 現 前 眾  
**niệm, đệ tam thời Phật sự. Thả đạo: Hiện tiền chúng**  
of chanting, let us all now start chanting with the picture of Amitabha in

Děng Tóng Shēng Xiāng Yìng Yí Jù Rú Hé Zhǐ Chén  
等 同 聲 相 應 一 句 如 何 指 陳  
**đẳng, đồng thanh tương ứng nhất cú, như hà chỉ trần?**  
our mind.

Yī Cóng Fó Xiàng Shé Gēn Niàn  
一 從 佛 向 舌 根 念

**Nhất tụng Phật hương thiết căn niệm,**

Let us recite and chant Buddha's name with our mouths,

Bù Jué Huá Suí Zú Dǐ Shēng  
不 覺 華 隨 足 底 生

不 覺 華 隨 足 底 生

**Bất giác hoa tùy túc để sanh.**

Effortlessly, lotus grow from the bottom of our feet.

Zàn Fó Jié

讚佛偈

TÁN PHẬT KỆ

**Praise To Amitabha Buddha**

Ā Mí Tuó Fó Shēn Jīn Sè. Xiàng Hǎo Guāng Míng  
阿彌陀佛身金色。相好光明  
**A Di Đà Phật thân kim sắc. Tướng hảo quang minh**  
Amitabha's body is the color of gold. The splendor of his hallmarks

Wú Děng Lún. Bái Háo Wǎn Zhuǎn Wǔ Xū Mí.  
無等倫。白毫宛轉五須彌  
**vô đẳng luân. Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di.**  
has no peer. The light of his brow shines around a hundred worlds,

Gàn Mù Chéng Qīng Sì Dà Hǎi. Guāng Zhōng Huà  
紺目澄清四大海。光中化  
**Cám mục tròng thanh tứ đại hải. Quang trung hóa**  
wide as the seas are his eyes pure and clear. Shining in his brilliance

Fó Wú Shù Yì. Huà Pú Sà Zhòng Yì Wú Biān. Sì  
佛無數億。化菩薩眾亦無邊。四  
**Phật vô số ức. Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên. Tứ**  
by transformation, are countless Bodhisattvas and infinite Buddhas.

Shí Bā Yuàn Dù Zhòng Shēng. Jiǔ Pǐn Xián  
十八願度眾生。九品咸  
**thập bát nguyện độ chúng sanh. Cửu phẩm hàm**  
His forty-eight vows will be our liberation. In nine lotus-stages

Lìng Dēng Bǐ Ān. Nán Mó Xī Fāng Jí Lè  
令 登 彼 岸. 南 無 西 方 極 樂  
**lìng dēng bǐ àn. Nam mô Tây Phương Cực Lạc**  
we reach the farthest shore. Homage to the Buddha of the Western

Shì Jiè. Dà Cí Dà Bēi Ā Mí Tuó Fó.  
世 界. 大 慈 大 悲 阿 彌 陀 佛  
**Thế Giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.**  
Pure Land, Kind and Compassionate, Amitabha Buddha.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó.... Ā Mí Tuó Fó.  
南 無 阿 彌 陀 佛.... 阿 彌 陀 佛  
**Nam mô A Di Đà Phật.... A Di Đà Phật.**  
Homage to Amitabha Buddha.....Amitabha Buddha

Mí Tuó Dà Yuàn Zàn

彌 陀 大 願 讚

DI ĐÀ ĐẠI NGUYỆT TÁN

**Great Vows Of Amitabha Buddha**

Dì Yī Dà Yuàn. Guān Xiǎng Mí Tuó  
第 一 大 願. 觀 想 彌 陀  
**Đệ nhất đại nguyện. Quán tưởng Di Đà.**  
The first vows that everyone should make is by picturing Amitabha Buddha, and his

Sì Shí Bā Yuàn Dù Suō Pó. Jiǔ Pǐn Yǒng Jīn Bō  
四 十 八 願 度 娑 婆. 九 品 湧 金 波  
**Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà. Cửu phẩm dũng kim ba.**  
forty-eight compassionate vows that he made in order to liberate and save all of us  
from suffering in the Saha Land. In nine Lotus-stages, he shines his brilliance upon  
us.

Bảo Wǎng Jiāo Luó. Dù Wáng Líng Chū Ài Hé  
寶 網 交 羅. 度 亡 靈 出 愛 河

**Bảo võng giao la. Độ vong linh xuất ái hà.**

The magic nets build a bridge, he enable us to reach the Western Pure Land and escape the pains and sufferings of reincarnation forever.

Nán Mó Lián Chí Hùi Pú Sà Mó Hē Sà.  
南 無 蓮 池 會 菩 薩 摩 訶 薩

**Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)

Homage to the Lotus Pool Assembly of Bodhisattvas, Mahasattva. (3 times)

Kāi Shì

開 示

**KHAI THI**<sup>13</sup>

**Upadhyaya Recites**

Dǎ Pò Xū Kōng Xiào Mǎn Sāi  
打 破 虛 空 笑 滿 腮

**Đả phá hư không tiếu mãn tai,**

By realizing the truth, it brings a broad smile,

Líng Lóng Bǎo Cáng Huō Rán Kāi  
玲 瓏 寶 藏 豁 然 開

**Linh lung bảo tạng khoáng nhiên khai,**

The marvelous treasure chest swings wide open,

Zhí Ráo Kōng Jié Shēng Qián Shì  
直 饒 空 劫 生 前 事

**Trực nhiều không kiếp sanh tiền sự,**

Suddenly, all of our past lives become apparent.

With these benefits, we realized that we should



Lìu Zì Hóng Míng Bì Jìng Gāi

六 字 洪 名 畢 竟 該

**Lục tự hồng danh tất cánh cai.**

have chanted Buddha's name a long time ago.

Gǔ Rén Dào Qīng Zhū Tóu Yú Zhuó Shuǐ Zhuó

古 人 道 清 珠 投 於 濁 水 濁

**Cổ nhân đạo: “Thanh châu đầu ư trước thủy, trước**

The ancients said, “Dropping a clear pearl into muddy water,

Shuǐ Bù Dé Bù Qīng Niàn Fó Tóu Yú Luàn Xīn

水 不 得 不 清 念 佛 投 於 亂 心

**thủy bất đắc bất thanh. Niệm Phật đầu ư loạn tâm,**

the water will turn clear. Chanting the buddha's name in the

Luàn Xīn Bù Dé Bù Fó Xī Tiān Yǒu Bǎo Míng

亂 心 不 得 不 佛 西 天 有 寶 名

**loạn tâm bất đắc bất Phật”. Tây thiên hữu bảo, danh**

distracted mind, the mind will resonate the Buddha.”

Yuē Qīng Zhū Wèi Cǐ Zhū Tóu Rù Zhuó Shuǐ

曰 清 珠 謂 此 珠 投 入 濁 水

**viết Thanh Châu. Vị thử châu đầu nhập trước thủy**

It is said that in the Western Pure Land, there is a gem called

Zhōng Rù Shuǐ Yī Cùn Zé Yī Cùn Zhī Zhuó

中 入 水 一 寸 則 一 寸 之 濁

**trung, nhập thủy nhất thốn, tắc nhất thốn chi trước**

clear pearl. It is said, when the pearl is dropped in muddy water,

Shuǐ Jí Biàn Qīng Jié Cǐ Zhū Rù Shuǐ Zì  
水 即 便 清 潔 此 珠 入 水 自  
**thủy tức tiện thanh khiết. Thử châu nhập thủy, tự**  
for every inch it sinks, an inch of water will become clear

Cùn Zhì Chǐ Nǎi Zhì Yú Dǐ Zé Zhuó Shuǐ Yì Suí  
寸 至 尺 乃 至 於 底 則 濁 水 亦 隨  
**thôn chí xích, nãi chí w ễ, tắc trước thủy diệc tùy**  
Thus, for every inch until the bottom, the entire vase is clear.

Zhī Ér Chéng Zhàn Dāng Zhī Qīng Zhū Zhě Yù  
之 而 澄 湛 當 知 清 珠 者 喻  
**chỉ nhi tròng trạm. Đương tri thanh châu giả, dụ**  
One should know that the clear pearl represents the pure

Niàn Fó Zhī Jìng Niàn Yě Zhuó Shuǐ Zhě Yù Zā  
念 佛 之 淨 念 也 濁 水 者 喻 雜  
**niệm Phật chỉ tịnh niệm dã. Trước thủy giả, dụ tạp**  
thoughts of chanting. The muddy water is the turbulence

Luàn Zhī Wàng Xīn Yě Dāng Wàng Xīn Zā Luàn Zhī  
亂 之 妄 心 也 當 妄 心 雜 亂 之  
**loạn chỉ vọng tâm dã. Đương vọng tâm tạp loạn chỉ**  
of distraction. When distracted, you focus on one point,

Qǐng Néng Jǔ Qǐ Yí Niàn Rú Duì Cí Zūn  
頃 能 舉 起 一 念 如 對 慈 尊  
**khoảnh, năng cử khởi nhất niệm. Như đối Từ Tôn,**  
the thought of a compassionate master, Amitabha.

Àn Dìng Liù Zì Hóng Míng Yí Yí Chū Kǒu  
按 定 六 字 洪 名 一 一 出 口  
**án ðịnh lục tự hồng danh. Nhất nhất xuất khẩu**  
One follows the six syllables of sound from the mouth

Rù Ēr Zé Cǐ Zá Luàn Zì Rán Suí Niàn Jì  
入 耳 則 此 雜 亂 自 然 隨 念 寂  
**nhập nhĩ, tắc thử tạp loạn tự nhiên tùy niệm tịch**  
into the ears. Thus, distraction will be naturally eliminated.

Jìng Zì Shì Yí Niàn Ēr Zhì Shí Niàn Nǎi Zhì  
靜 自 是 一 念 而 至 十 念 乃 至  
**tĩnh. Tự thị nhất niệm nhi chí thập niệm, nãi chí**  
this is called pure thoughts state according to the

Niàn Niàn Bù Yí Jí Jiào Zhōng Suǒ Wèi Jìng Niàn  
念 念 不 移 即 教 中 所 謂 淨 念  
**niệm niệm bất di. Tức giáo trung sở vị: “Tịnh niệm**  
Buddha’s teaching. A chanter of Buddha’s name should

Xiāng Jì Zhě Yě Niàn Fó Zhī Rén Xū Yào Xìn  
相 繼 者 也 念 佛 之 人 須 要 信  
**tương kế” giả dã! Niệm Phật chi nhân, tu yếu tín**  
have sincere faith and correct motive. One should be

Xīn Kěn Qiē Zhèng Yīn Lǐn Rán Zhòng Niàn  
心 懇 切 正 因 凜 然 重 念  
**tâm khẩn thiết, chánh nhân lẫm nhiên, trùng niệm**  
aware of the sadness in incarcerated rebirth, and the

Sǐ Shēng Lún Zhuǎn Zhī Kě Bēi Shēn Yàn Chén Láo  
死 生 輪 轉 之 可 悲 深 厭 塵 勞  
**tử sanh luân chuyển chi khả bi, thâm yếm trần lao**  
pain of turbulence in life. One chants the name

Fēn Rǎo Wéi Kě Tòng Jǔ Qǐ Yí Shēng Fó  
紛 擾 為 可 痛 舉 起 一 聲 佛  
**phân nhiễu vi khả thống. Cử khởi nhất thanh Phật**  
of the Buddha until all worries disappeared, like

Míng Zhí Xià Gèng Wú Yì Jiàn Rú Tài Ā Jiàn  
名 直 下 更 無 異 見 如 太 阿 劍  
**danh. Trục hạ cánh vô dị kiến, như Thái A kiếm,**  
a saber slicing the enemy or like a fire ball incinerating

Héng Ān Dāng Xuān Rú Dà Huǒ Lún Xīng Téng  
橫 按 當 軒 如 大 火 輪 星 騰  
**hoành án đương hiên; như đại hỏa luân, tinh đằng**  
its path. In addition, one should focus and be undistracted

Yàn Chì Wàn Wù Yīng Zhī Zé Liào Chù Zhī Zé Shāng  
燄 熾 萬 物 櫻 之 則 燎 觸 之 則 傷  
**diệm xí. Vạn vật anh chi tắc liệt, xúc chi tắc thương.**  
from one thought. From there, you continue to concentrate

Zhí Zhì Yī Xīn Bù Luàn Néng Suǒ Liǎng Wàng  
直 至 一 心 不 亂 能 所 兩 忘  
**Trục chí nhất tâm bất loạn, Năng - Sở lưỡng vong;**  
until you have forgotten any discrimination of you and yours.

Dào Jiā Zhī Shuō Bù Róng Zài Jǔ Jié Jìng Zhī Cí  
到 家 之 說 不 容 再 舉 捷 徑 之 詞  
**Đáo gia chi thuyết, bất dung tái cử. Tiệp kính chi từ,**  
This state defies description. This is the most righteous

Hé Láo Guà Chǐ Kě Wèi Zhèng Xiū Xíng Zhī Shén Shù  
何 勞 挂 齒 可 謂 證 修 行 之 神 術  
**hà lao quả xỉ. Khả vị chứng tu hành chi thần thuật,**  
and convenient of the paths. Escape from the hole of rebirth like

Chāo Fāng Biàn Zhī Zhèng Tú Pò Sǐ Shēng Zhī Hù  
超 方 便 之 正 途 破 死 生 蟄 戶  
**siêu phương tiện chi chánh đồ. Phá tử sanh trập hộ**  
thunder. It will break through the clouds of mortality like sun

Zhī Léi Tíng Zhú Mí Wàng Yōu Qū Zhī Rì Yuè  
之 雷 霆 燭 迷 妄 幽 衢 之 日 月  
**chi lôi đình. Chúc mê vọng u cù chi nhật nguyệt.**  
rays. Now, the third part of the Yearning and Chanting service

Jīn Xiāo Sān Shí Jì Niàn Fó Shì Jiāng Yuán Wáng  
今 宵 三 時 繫 念 佛 事 將 圓 亡  
**Kim tiêu tam thời hệ niệm Phật sự tương viên. Vong**  
is coming to a conclusion. With the merits received, the deceased

Líng Chéng Zī Shàng Shàn Jué Dìng Wǎng  
靈 承 茲 上 善 決 定 往  
**linh\_\_\_\_\_ thừa tư thượng thiện, quyết định vãng**  
is to be reborn in the Pure Land. Do you see the moment before

Shēng Qiě Dào Yí Niàn Wèi Méng Yǐ Qián Huán Yǒu  
生 且 道 一 念 未 萌 以 前 還 有  
**sanh. Thả đạo nhất niệm vị manh dĩ tiền, hoàn hữu**  
the first thought? There is nothing. Like realization of your true

Zhě Gè Xiāo Xī Yě Wú  
者 箇 消 息 也 無  
**giả cá tiêu tức dã vô.**  
Mind, there will be nothing.

Shì Xīn Kōng Jì Niàn Hé Yī  
是 心 空 寂 念 何 依  
**Thị tâm không tịch niệm hà y?**  
When the mind is still, what should I be thinking of?

Gù Guó Yún Guī Shú Wèi Guī  
故 國 云 歸 孰 未 歸  
**Cố quốc vân quy thực vị quy?**  
The home I am returning to has not yet been reached.

Huá Wài Yù Jī Tí Xiǎo Rì  
華 外 玉 雞 啼 曉 日  
**Hoa ngoại ngọc kê đề hiểu nhật,**  
Beyond the lotus flowers bed, a jade cock greets the rising sun.

Yuǎn Yíng Xīn Fó Fèng Cí Wēi  
遠 迎 新 佛 奉 慈 威  
**Viễn nghênh tân Phật phụng từ oai.**  
By the power of the compassionate Upadhyaya, I welcome Buddha.

Nán Mó Xī Fāng Jí Lè Shì Jiè. Dà Cí Dà  
南 無 西 方 極 樂 世 界. 大 慈 大  
**Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đại từ đại**  
Homage to the Buddha of the Western Pure Land, Kind and Compassionate,

Bēi Ā Mí Tuó Fó.  
悲 阿 彌 陀 佛  
**bi A Di Đà Phật.**  
Amitabha Buddha.

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó.... Ā Mí Tuó Fó.  
南 無 阿 彌 陀 佛... 阿 彌 陀 佛  
**Nam mô A Di Đà Phật..... A Di Đà Phật.**  
Homage to Amitabha Buddha.

Nán Mó Guān Shì Yīn Pú Sà  
南 無 觀 世 音 菩 薩  
**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Guan Yin Bodhisattva. (3 times)

Nán Mó Dà Shì Zhì Pú Sà  
南 無 大 勢 至 菩 薩  
**Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Great Strength Bodhisattva. (3 times)

Nán Mó Qīng Jìng Dà Hǎi Zhòng Pú Sà  
南 無 清 淨 大 海 眾 菩 薩  
**Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.** (3 lần)  
Homage to the Bodhisattvas in the great pure congregation. (3 times)

Yí Xīn Chàn

一心懺

**NHẤT TÂM SÁM**

**Vow To Be Reborn In The West**

Yí Xīn Guī Mìng Jí Lè Shì Jiè Ā Mí Tuó Fó  
一 心 歸 命 極 樂 世 界 阿 彌 陀 佛

**Nhất tâm quy mạng Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật.**

With one mind we return our lives to the land of Ultimate Bliss. Wishing that with a

Yuàn Yǐ Jìng Guāng Zhào Wǒ Cí Shì Shè Wǒ  
願 以 淨 光 照 我 慈 誓 攝 我

**Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã.**

Pure Light Amitabha Buddha's vows will illumine us, and his kind vows gather us

Wǒ Jīn Zhèng Niàn Chēng Rú Lái Míng Wéi Pú Tí  
我 今 正 念 稱 如 來 名 為 菩 提

**Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh, vị Bồ Đề**

In. now, with proper mindfulness, we praise the Thus Come One's name. In order to

Dào Qiú Shēng Jìng Tǔ Fó Xī Běn Shì Ruò  
道 求 生 淨 土 佛 昔 本 誓 若

**đạo, cầu sanh Tịnh Độ. Phật tích bản thệ: Nhược**

take the path of understanding and to seek rebirth in the Pure Land. In the past, the

Yǒu Zhòng Shēng Yù Shēng Wǒ Guó Zhì Xīn Xìn  
有 眾 生 欲 生 我 國 志 心 信

**hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín**

Buddha vowed: "If living beings who wish for rebirth in my land, and who resolve



Yào Nǎi Zhì Shí Niàn Ruò Bù Shēng Zhě Bù Qǔ  
樂 乃 至 十 念 若 不 生 者 不 取  
**nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ**  
their minds with faith and joy even for just ten recitations, are not reborn there, I not

Zhèng Jué Yǐ Cǐ Niàn Fó Yīn Yuán Dé Rù  
正 覺 以 此 念 佛 因 緣 得 入  
**Chánh Giác. Dĩ thử niệm Phật nhân duyên, đắc nhập**  
Attain the proper enlightenment.” Through mindfulness of the Buddha, we enter the

Rú Lái Dà Shì Hǎi Zhōng Chéng Fó Cí Lì Zhòng  
如 來 大 誓 海 中 承 佛 慈 力 眾  
**Như Lai đại thệ hải trung. Thừa Phật từ lực, chúng**  
sea of the Thus Come One’s great vows, and receive the power of the Buddha’s

Zuì Xiāo Miè Shàn Gēn Zēng Cháng Ruò Lín Mìng  
罪 消 滅 善 根 增 長 若 臨 命  
**tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng. Nhược lâm mạng**  
kindness. Our multitude of offenses are eradicated and our good roots increase and

Zhōng Zì Zhī Shí Zhì Shēn Wú Bìng Kǔ Xīn Bù  
終 自 知 時 至 身 無 病 苦 心 不  
**chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất**  
grow. As we approach the end of life, we ourselves will know the time of its coming

Tān Liàn Yì Bù Diān Dào Rú Rù Chán Dìng  
貪 戀 意 不 顛 倒 如 入 禪 定  
**tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập Thiền Định.**  
Our bodies will be free of illness and pain. Our hearts will have no greed or fondness  
and our thoughts will not be upside down, just as in entering Chan Samadhi. The

Fó Jí Shèng Zhòng Shǒu Zhí Jīn Tái Lái Yíng  
佛 及 聖 眾 手 執 金 臺 來 迎  
**Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghênh**  
Buddha and the assembly of sages, leading us by the hand to the golden dias, will

Jiē Wǒ Yú Yí Niàn Qǐng Shēng Jí Lè Guó  
接 我 於 一 念 頃 生 極 樂 國  
**tiếp ngã. Ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc.**  
come to welcome us. And in the space of a thought we will be reborn in the land of

Huá Kāi Jiàn Fó Jí Wén Fó Chéng Dùn Kāi  
華 開 見 佛 即 聞 佛 乘 頓 開  
**Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai**  
Ultimate Bliss. The flowers will open, and we will see the Buddha, straightway hear

Fó Huì Guǎng Dù Zhòng Shēng Mǎn Pú Tí Yuàn  
佛 慧 廣 度 眾 生 滿 菩 提 願  
**Phật huệ, quảng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện.**  
the Buddha vehicle, and immediately attain the wisdom of a Buddha. We will cross  
over living beings on a wide scale, fulfilling my Bodhi vows.

Niàn Fó Lín Zhōng Jiàn Bǎo Tài  
念 佛 臨 終 見 寶 臺  
**Niệm Phật lâm chung kiến bảo đài,**  
Chanters see a treasure platform at death,

Bǎo Fān Bǎo Gài Mǎn Kōng Pái  
寶 幡 寶 蓋 滿 空 排  
**Bảo phan, bảo cái mãn không bài,**  
The sky is full of magic flags and canopies,

Mí Tuó Shì Zhì Guān Yīn Děng

彌陀勢至觀音等

**Di Đà, Thế Chí, Quán Âm đấng,**

Amitabha, Guan Yin, and Great Strength Bodhisattvas are here.

Hé Zhǎng Xiāng Suí Guī Qù Lái

合掌相隨歸去來

**Hiệp chưởng tương tùy quy khứ lai.**

I fold my palms and follow them home to the Pure Land.

Sēng Bǎo Zàn

僧寶讚

**TĂNG BẢO TÁN**

**Praise To Amita Sangha**

Sēng Bǎo Bù Sī Yì

僧寶不思議

**Tăng Bảo bất tư nghị,**

The Sangha is incomprehensible,

Shēn Pī Sān Shì Yún Yī

身披三事雲衣

**Thân phi tam sự vân y,**

Wearing humble robes,

Fú Bēi Guò Hǎi Chà Nà Shí

浮盃過海剎那時

**Phù bôi quá hải sát-na thời,**

They travel across the vast oceans,

Fù Gǎn Yīng Qún Jī  
赴 感 應 群 機

**Phó cảm ứng quần cơ,**

They preach according to need,

Kān Zuò Rén Tiān Gōng Dé Zhǔ  
堪 作 人 天 功 德 主

**Kham tác nhân thiên công đức chủ,**

Deservingly as the fountain head of merits of the heaven and people.

Jiān Chí Jiè Xíng Wú Wéi  
堅 持 戒 行 無 違

**Kiên trì giới hạnh vô vi,**

They strictly observe all precepts, without any offense,

Wǒ Jīn Jī Shǒu Yuàn Yáo Zhī  
我 今 稽 首 願 遙 知

**Ngã kim khể thủ nguyện dao tri,**

From afar, I bow thee,

Zhèn Xī Zhàng Tí Xié  
振 錫 杖 提 攜

**Chấn tích trợng đề huề.**

Bring and help me along the journey,

Wǒ Jīn Jī Shǒu Yuàn Yáo Zhī  
我 今 稽 首 願 遙 知

**Ngã kim khể thủ nguyện dao tri,**

From afar, I bow thee,

Zhèn Xī Zhàng Tí Xié  
振 錫 杖 提 攜  
**Chân tích trượng đề huê.**  
Bring and help me along the journey,

Nán Mó Ā Mí Tuó Fó  
南 無 阿 彌 陀 佛  
**Nam mô A Di Đà Phật.**  
Homage to Amitabha Buddha.

Kāi Shì

開 示

**KHAI THI**<sup>14</sup>

**Upadhyaya Recites**

Niàn Fó Jì Cóng Xīn Chū Jié Yè Qǐ Shǔ  
念 佛 既 從 心 出 結 業 豈 屬  
**Niệm Phật ký tụng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc**  
Chanting has to be sincerely from the mind. Karma is not originated from somewhere

Wài Lái Xū Yú Bèi Niàn Fó Zhī Xīn Chà Nà Jí  
外 來 須 臾 背 念 佛 之 心 剎 那 即  
**ngoại lai. Tu du bồi niệm Phật chi tâm, sát-na tức**  
else but your own mind. if you concentrate your mind during the chanting with only

Jié Yè Zhī Suǒ Jīn Zé Zhòng Děng Yī Píng Jiào  
結 業 之 所 今 則 眾 等 依 憑 教  
**kết nghiệp chi sở. Kim tắc chúng đặng, y bằng giáo**  
one thought of Amitabha Buddha, the Amitabha will reflect upon you. This is considered to be a great deed. On the other hand, the instant a righteous mind of chanting is turned away, it is the moment when evil Karma accumulates. Thus, right

Fǎ Zuò Sān Shí Jì Niàn Fó Shì Suǒ Jí Shèng  
法 作 三 時 繫 念 佛 事 所 集 勝  
**pháp, tác tam thời hệ niệm Phật sự, sở tập thắng**  
now, the congregation conducts this thrice yearning service accordingly to Buddha's

Yīn Zhuān Wéi Wáng Líng Jué Shēng Jìng Tǔ  
因 專 為 亡 靈 決 生 淨 土  
**nhân, chuyên vị vong linh \_\_\_\_\_ quyết sanh Tịnh Độ.**  
Teaching. These merits are specially requested for the deceased to be reborn in the

Zì Jīn Jiè Xiāng Fù Yù Huì Jù Yíng Huáng  
自 今 戒 香 馥 郁 慧 炬 熒 煌  
**Tự kim giới hương phước úc, huệ cự huỳnh hoàng,**  
Pure Land, since they are the one that desperately need help. With the fragrance of

Mí Yún Kāi Ér Xìng Tiān Dú Lǎng Wàng Chén Jìn  
迷 雲 開 而 性 天 獨 朗 妄 塵 盡  
**mê vân khai nhi tánh thiên độc lãng, vọng trần tận**  
precepts, and the light of wisdom, the dark clouds are clear now and the sky start to

Ér Xīn Dì Kuò Tōng Zhū Gēn Yuán Jìng Qún  
而 心 地 廓 通 諸 根 圓 淨 群  
**nhì tâm địa khuếch thông. Chư căn viên tịnh, quần**  
appear. Wordly desires are cleansed and mind is opened. All the six dusts are clear

Yè Dùn Kōng Yí Jǔ Niàn Yí Huá Kāi Yì  
業 頓 空 一 舉 念 一 華 開 挹  
**ngiệp đốn không. Nhất cử niệm, nhất hoa khai, áp**  
from you mind. There are no longer abstacles in your mind. As a result, Karma is  
immediatly relieved. For every thought of Amitabha Buddha, a lotus flower  
blossoms in the Western Pure Land. Lotus flowers float in the golden pond, and

Lù Yíng Fēng Xiāng Fú Yù Zhǎo Yí Chí  
露 迎 風 香 浮 玉 沼 一 馳  
**lộ ngênh phong, hương phù ngọc chiếu. Nhất trì**  
fragrance fills the air surrounding it. As long as beings make the vow to be reborn in the Pure Land, when they pass away, Amitabha Buddha will show them the path.

Qíng Yí Guǒ Shóu Hán Yān Duì Rì Yǐng Luò Jīn  
情 一 果 熟 含 煙 對 日 影 落 金  
**tình, nhất quả thực, hàm yên đối nhật, ảnh lạc kim**  
Once over there, you have forever escape the sufferings in the Saha world. You are no longer subjected to the pains that come with endless rebirth. You will be able to

Yuán Jīng Xíng Zuò Wò Zài Qí Zhōng Yóu Xì Xiāo  
園 經 行 坐 臥 在 其 中 游 戲 逍  
**viên. Kinh hành, tọa, ngọa tại kỳ trung, du hí, tiêu**  
receive Amitabha Buddha's bliss and teaching. As a result, you will reach a full understanding of the Dharma. You should look up at the sun that casts in bright light

Yáo Fēi Fēn Wài Dé Fó Shòu Yòng Chè Fǎ  
遙 非 分 外 得 佛 受 用 徹 法  
**dao phi phận ngoại. Đắc Phật thọ dụng, triệt pháp**  
upon us. Amitabha Buddha is like the sun and he will shine his wisdom upon us. From there on, all beings can freely studying the Dharma and meditate whenever

Yuán Dǐ  
源 底  
**nguyên để.**  
Possible.

Cháng Jì Guāng Chǔ Chǔ Xiàn Qián  
常 寂 光 處 處 現 前  
**Thường Tịch Quang xư xư hiện tiền.**  
Is this not the ultimate enjoyment of being a Buddha?

Dà Yuàn Wáng Chén Chén Qì Huì  
大 願 王 塵 塵 契 會  
**Đại nguyện vương trần trần khế hội.**  
From now on, you should realize the fountain-head of the Dharma.

Gèng Wéi Wáng Líng Zhì Xīn Chàn Huǐ Fā Yuàn  
更 為 亡 靈 至 心 懺 悔 發 願  
**Cánh vị vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện.**  
Every moment is illuminated now, one can comprehend the king of vows.

Chàn Huǐ  
懺 悔  
**SÁM HỐI**  
**Repentance**

Wǎng Xī Suǒ Zào Zhū È Yè  
往 昔 所 造 諸 惡 業  
**Wǎng tích sở tạo chư ác nghiệp.**  
For all bad karma created in the past,

Jiē Yóu Wú Shǐ Tān Chēn Chī  
皆 由 無 始 貪 瞋 癡  
**Giai do vô thủy tham sân si.**  
Based upon beginningless greed, hatred, and stupidity,



Cóng Shēn Yǔ Yì Zhī Suǒ Shēng  
從 身 語 意 之 所 生  
**Tùng thân ngữ ý chi sở sanh.**  
And born of body, mouth, and mind,

Yí Qiē Zuì Gēn Jiē Chàn Huǐ  
一 切 罪 根 皆 懺 悔  
**Nhất thiết tội căn giai sám hối.**  
I now repent and reform.

Zì Xìng Zhòng Shēng Shì Yuàn Dù  
自 性 眾 生 誓 願 度  
**Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ,**  
The living beings of the self-nature, I vow to cross over,

Zì Xìng Fán Nǎo Shì Yuàn Duàn  
自 性 煩 惱 誓 願 斷  
**Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn.**  
The afflictions of the self-nature, I vow to cut off.

Zì Xìng Fǎ Mén Shì Yuàn Xué  
自 性 法 門 誓 願 學  
**Tự tánh pháp môn thệ nguyện học,**  
The Dharma-doors of self-nature, I vow to learn,

Zì Xìng Fó Đạo Shì Yuàn Chéng  
自 性 佛 道 誓 願 成  
**Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành.**  
The Buddha-path of self-nature, I vow to realize.

Nán Mó Pǔ Xián Wáng Pú Sà Mó Hē Sà  
南 無 普 賢 王 菩 薩 摩 訶 薩

**Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)

Homage to the Samantabhadra, the king of the Bodhisattva, Mahasattva.

(3 times)

Kāi Shì

開 示

**KHAI THI**<sup>15</sup>

**Upadhyaya Recites**

Shàng Lái Sān Shí Jì Niàn Ā Mí Tuó Fó Wàn Dé  
上 來 三 時 繫 念 阿 彌 陀 佛 萬 德

**Thượng lai tam thời hệ niệm A Di Đà Phật vạn đức**

This thrice yearning service tells of the endless virtue of Amitabha's name.

Hóng Míng Quàn Dǎo Wáng Líng Chàn Chú Jié  
洪 名 勸 導 亡 靈 懺 除 結

**hông danh, khuyến đạo vong linh \_\_\_\_\_ sám trừ kết**

It teaches the deceased to repent from all sins and Karma,

Yè Fā Yuàn Wǎng Shēng Xíng Yuàn Jì  
業 發 願 往 生 行 願 既

**ngiệp, phát nguyện vãng sanh, hạnh nguyện ký**

and vow to be reborn in the Western Pur Land. With diligent practice and vows,

Shēn Gōng Wú Xū Qì Wéi Yuàn Wáng Líng Wén Sī  
深 功 無 虛 棄 惟 願 亡 靈 聞 斯

**thâm, công vô hư khí. Duy nguyện vong linh, văn tu**

work will not be in vain. Let us all encourage the deceased to believe in and

Fǎ Yào Xìn Shòu Fèng Xíng Cóng Shì Tuō Zhí Lián  
法 要 信 受 奉 行 從 是 托 質 蓮  
**pháp yếu tín thọ phụng hành. Tòng thị thác chất liên**  
practice this teaching. Thus, he is to be reborn from a lotus, and depart from

Tāi Yǒng Lí Yè Hǎi Zhí Zhèng Ā Bǐng Bá Zhì  
胎 永 離 業 海 直 證 阿 鞞 跋 致  
**thai, vĩnh ly nghiệp hải. Trục chứng A Bệ Bạt Trí,**  
the sea of Karma forever. He is to go straight toward Avivartin, fulfill and

Yuán Mǎn Wú Shàng Pú Tí  
圓 滿 無 上 菩 提  
**viên mãn vô thượng Bồ Đề.**  
achieve the fruit of Bodhi.

Nán Mó Dà Chéng Cháng Zhù Sān Bǎo  
南 無 大 乘 常 住 三 寶  
**Nam mô Đại Thừa Thường Trụ Tam Bảo (3 lần)**

### (TUYÊN VĂN SÓ)

Nán Mó Zhuāng Yán Wú Shàng Fó Pú Tí  
南 無 莊 嚴 無 上 佛 菩 提  
**Nam mô Trang Nghiêm Vô Thượng Phật Bồ Đề. (3 lần)**

Mí Tuó Dà Zàn

彌陀大讚

DI ĐÀ ĐẠI TÁN

**Praise To Amitabha Buddha**

Mí Tuó Fó Dà Yuàn Wáng

彌陀佛大願王

**Di Đà Phật đại nguyện vương,**

Amitabha Buddha, the Lord with the greatest wishes,

Cí Bēi Xǐ Shě Nán Liàng

慈悲喜捨難量

**Từ bi hỷ xả nan lượng.**

His mercy, compassion, delight and abandonment immeasurable.

Méi Jiān Cháng Fàng Bái Háo Guāng

眉間常放白毫光

**Mi gian thường phóng bạch hào quang,**

Between his eyebrows always emits white-curved radiance,

Dù Zhòng Shēng Jí Lè Bāng

度眾生極樂邦

**Độ chúng sanh Cực Lạc bang,**

He delivers sentient beings so they may enter his Paradise,

Bā Dé Chí Zhōng Lián Jiǔ Pǐn

八德池中蓮九品

**Bát đức trì trung liên cửu phẩm,**

When the pond of eight-virtue water grows lotuses of nine grades,

*Qī Bǎo Miào Shù Chéng Hāng*

七 寶 妙 樹 成 行

***Thất bảo diệu thụ thành hàng,***

And where marvelous seven jewelled trees form rows,

*Rú Lái Shèng Hào Ruò Xuān Yáng*

如 來 聖 號 若 宣 揚

***Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương,***

It's the Tathagata's sacred epithets are propagated,

*Jiē Yǐn Wǎng Xī Fāng*

接 引 往 西 方

***Tiếp dẫn vãng Tây Phương.***

He will receive us and lead us to his Western Paradise.

*Mí Tuó Shèng Hào Ruò Chēng Yáng*

彌 陀 聖 號 若 稱 揚

***Di Đà thánh hiệu nhược xưng dương,***

If Amitabha Buddha's holy name is invoked and praised,

*Tóng Yuàn Wǎng Xī Fāng*

同 願 往 西 方

***Đồng nguyện vãng Tây Phương.***

We hope to go to his Western Paradise.

Huí Xiàng Jié

迴 向 偈

HỒI HUỚNG KÊ

Verse For Transferring Merit

Jì Niàn Gōng Dé Shū Shèng Xíng

繫 念 功 德 殊 勝 行

**Hệ Niệm công đức thù thắng hạnh,**

I dedicate the merit and virtue of Chanting and Yearning,

Wú Biān Shèng Fú Jiē Huí Xiàng

無 邊 勝 福 皆 回 向

**Vô biên thắng phước giai hồi hướng.**

With all its superior limitless blessings,

Pǔ Yuàn Chén Nì Zhū Zhòng Shēng

普 願 沉 溺 諸 眾 生

**Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh,**

With the Universal vow that all beings sunk in defilement,

Sù Wǎng Wú Liàng Guāng Fó Chà

速 往 無 量 光 佛 剎

**Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.**

Will quickly go to the land of the Buddha of limitless light (Amitabha).

Shí Fāng Sān Shì Yī Qiē Fó

十 方 三 世 一 切 佛

**Thập phương tam thế nhất thiết Phật,**

All Buddhas of the ten quarters and three times,

Yī Qiē Pú Sà Mó Hē Sà  
一 切 菩 薩 摩 訶 薩  
**Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát,**  
All Bodhisattvas, Mahasattvas,

Mó Hē Buō Ruò Bō Luó Mì  
摩 訶 般 若 波 羅 蜜  
**Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.**  
Maha Prajna Paramita.

Sān Guī Yī  
三 皈 依  
**TAM QUY Y**  
**Three Refuges**

Zì Guī Yī Fó Dāng Yuàn Zhòng Shēng  
自 歸 依 佛 當 願 眾 生  
**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh,**  
I take refuges in Buddha, wishing all sentient beings

Shào Lóng Fó Zhǒng Fā Wú Shàng Xīn  
紹 隆 佛 種 發 無 上 心  
**Thiệu Long Phật chủng, phát vô thượng tâm.**  
to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì Guī Yī Fǎ Dāng Yuàn Zhòng Shēng  
自 歸 依 法 當 願 眾 生  
**Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,**  
I take refuges in Dharma, wishing all sentient beings to penetrate

Shēn Rù Jīng Cáng Zhì Huì Rú Hǎi  
深 入 經 藏 智 慧 如 海  
**Thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.**  
the Sutra Pitaka, with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì Guī Yī Sēng Dāng Yuàn Zhòng Shēng  
自 歸 依 僧 當 願 眾 生  
**Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,**  
I take refuges the Sangha, wishing all sentient beings

Tōng Lǐ Dà Zhòng Yī Qiē Wú Ài  
統 理 大 眾 一 切 無 礙  
**Thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.**  
to harmonize multitudes in general without any obstruction.

Hé Nán Shèng Zhòng  
和 南 聖 眾  
**Hòa nam thánh chúng.**  
Whatsoever and to respect the sacred Sangha.

Huí Xiàng Jié  
迴向偈  
**HÒI HUỚNG KỆ**  
**Parinamana Gatha**

Yuàn Yǐ Cǐ Gōng Dé,  
願 以 此 功 德,  
**Nguyện dĩ thử công đức,**  
May the merits and virtues accrued in this work,



Zhuāng Yán Fó Jìng Tǔ.  
莊 嚴 佛 淨 土.  
**Trang nghiêm Phật tịnh độ.**

Adorn the Amitabha Buddha's Pure Land.

Shàng Bào Sì Chóng Ēn,  
上 報 四 重 恩,  
**Thượng báo tứ trọng ân,**  
Repay the four great kindnesses above,

Xià Jì Sān Tú Kǔ.  
下 濟 三 途 苦.  
**Hạ tế tam đồ khổ.**

And relieve the suffering of those on the three paths below.

Ruò Yǒu Jiàn Wén Zhě,  
若 有 見 聞 者,  
**Nhược hữu kiến văn giả,**  
May those who see or hear of these,

Xī Fā Pú Tí Xīn.  
悉 發 菩 提 心.  
**Tức phát Bồ Đề tâm.**  
Efforts generate Bodhi-mind.

Jìn Cǐ Yī Bào Shēn,  
盡 此 一 報 身,  
**Tận thử nhất báo thân,**  
Spend their lives devoted to the Buddha Dharma,

*Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập* Trang 202  
*National Grand Master Chung Fung Amitabha Buddha Thrice*  
*Yearning And Chanting Service*

*Tóng Shēng Jí Lè Guó.*

同 生 極 樂 國.

***Đồng sanh Cực Lạc quốc.***

*And finally be reborn together in the Land of Ultimate Bliss.*

## **PHỤ LỤC** **KHAI THỊ DỊCH NGHĨA**

### **Khai thị<sup>1</sup>** (*trang 004*)

Biển giác khởi hư không, Sa Bà sóng nghiệp trào, Ai muốn lên bến giác, Cực Lạc sẵn thuyền về.

### **Khai thị<sup>2</sup>** (*trang 013*)

Pháp vương lợi vật, bi trí rộng sâu. Trọn khắp mười phương, âm, dương chẳng cách.

Nay nhờ trai chủ... kính vì dịp.... gặp lúc... riêng thỉnh sơn tăng lên tòa. Nhờ vào giáo pháp, làm Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự. Vong linh các người, gặp duyên thù thắng này, hãy tự nghiêm túc oai nghi, đến dự dưới tòa, kính nghe diệu pháp, một dạ lãnh thọ giáo hối.

### **Khai thị<sup>3</sup>** (*trang 015*)

Một nén hương này, gốc cuộn ngoài kiếp, nhánh trùm vũ trụ, chưa từng được trời đất sanh thành. Há lẽ thuộc âm dương tạo hóa? Đốt đặt trong lò, chuyên dâng cúng dường Thường Trụ Tam Bảo, sát hải vạn linh, Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, đều cày vào chân hương, bình đẳng cúng dường khắp cả.

### **Khai thị<sup>4</sup>** (*trang 048*)

*Thế giới duyên gì tên Cực Lạc?*  
*Chỉ vì các khổ chẳng hề xâm,*  
*Nẻo về nếu muốn tìm cho được,*  
*Hãy đổi trần lao liễu tự tâm.*

Đề hồ, tô, lạc đều sanh từ sữa; thoa, xuyên, bình, mâm đều chế từ vàng. Đường xa mười vạn ức, Đông Tây nào có cách ngăn. Trong mười hai thời, phàm thánh cùng là một đường. Cúi đầu chấp tay trước tướng bạch ngọc hào, sao sáng ngời, mặt trời rạng rỡ. Ca ngâm khen ngợi dung nhan vàng ròng, sét động sấm rền. Mặt trăng trong mát, hễ chỗ nào có nước đều hiện bóng. Mây công đức không núi nào chẳng phủ. Hương tượng<sup>1</sup> vượt sông, vừa niệm hồng danh bèn thoát khỏi hai tử<sup>2</sup>. Chim Ca Lãng<sup>3</sup> ra khỏi vỏ, niệm danh hiệu tốt lành, vượt trời ngàn lần các âm thanh khác. Dùng tình suy nghĩ khó hiểu thấu, một niệm hồi quang ắt dễ về. Rốt ráo nào phải ngoài tâm, phân minh chỉ ngay trước mắt. Xét kỹ như thế; vậy nay đại chúng, hệ niệm Di Đà, chuyên tu Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, nhưng nếu không lạm dự cả tu lẫn chứng, giải thích câu nói “đích thân được Phật thọ ký” như thế nào đây?

### **Khai thị<sup>5</sup>** (trang 055)

*Các khổ đều từ tham dục khởi,  
Từ đâu dục khởi biết chẳng là?  
Do quên tự tánh Di Đà Phật,  
Dị niệm lãng xăng trợn hóa ma,  
Trong giáo pháp có nói: “Sanh nhưng vô sanh,*

---

<sup>1</sup> Hương tượng: Con voi đực trong mùa động dục, nách tỏa mùi thơm gắt, sức mạnh gấp mười lần con voi lúc thường. Kinh Niết Bàn có thí dụ ba con thú vượt sông, hương tượng chân đạp tận đáy sông. Do vậy, kinh luận thường dùng điển tích “hương tượng vượt sông” để ví người chứng ngộ pháp triệt để.

<sup>2</sup> Hai tử là Phần Đoạn Sanh Tử và Biến Dịch Sanh Tử.

<sup>3</sup> Ca Lãng: Tức chim Ca Lãng Tàn Già, một loại chim tiếng hót thanh tao không loài chim nào sánh bằng, tương truyền khi còn ở trong trứng, loài chim này đã hót hay hơn mọi loài chim khác.

Pháp Tánh lặng trong; vô sanh mà sanh, nghiệp quả đành rành”. Như sanh vừa nói đó, chính là dấu vết sanh diệt của chúng sanh. Còn vô sanh thì chính là tâm tánh tịch diệt<sup>4</sup> của chư Phật vậy. Pháp Tánh trạm nhiên là linh minh trạm tịch, huyền diệu chân thường, không gì không có, ai nấy sẵn đủ. Chỉ vì thoát đầu bất giác, đột nhiên động tâm, tưởng vọng là chân, mê mất bản thân, chạy theo vật dục. Do vậy, lưới nghiệp quán trói, lưu chuyển năm đường. Luôn thăng trầm theo sanh tử, suốt từ xưa đến tận nay chưa hề gián đoạn. Nên biết: Sanh tự duyên sanh, nhưng Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên. Diệt thì duyên tự diệt, chứ Pháp Tánh chẳng cùng diệt theo duyên. Do vậy, nói: “Pháp Tánh trạm nhiên”. Đó là nói về: “Sanh nhưng không sanh” vậy! Vô sanh mà sanh là chúng sanh mê vọng nhập tâm, chứa nghiệp thành quả, dối chịu luân chuyển, lầm thấy sanh diệt. Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương, giống như viên ngọc phản chiếu màu sắc [những vật xung quanh]. Phải biết: Ánh sáng của gương vốn tịnh, thể của châu tròn không tỳ vết. Vật - cảnh soi rõ lẫn nhau, hình sắc chẳng trái nghịch. Hình sắc đến đi giống như nghiệp quả đành rành vậy. Bởi thế, trong sự sanh diệt rành rành, chư Phật chỉ thấy vô sanh. Trong vô sanh trạm nhiên, chúng sanh chỉ thấy sanh diệt. Chỉ do mê - ngộ sai khác đến nổi hiện lượng khác nhau, chứ thật ra: Sanh không có tự tánh, vô sanh cũng không có tự tánh. Hễ ngộ thì sanh diệt đều là vô sanh, còn mê thì vô sanh đều thành sanh diệt. Do vậy, lia khỏi cái này không còn gì khác, đây chỉ là một thể mà tên

---

<sup>4</sup> Hòa thượng Tịnh Không giảng chữ Bồn trong “chư Phật tịch diệt chi bồn” là tâm tánh. Nói cách khác, Bồn là Pháp Thân mà Pháp Thân cũng chính là tâm.

gọi khác nhau.

Xét như vậy, A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ. Há chẳng phải do mê ngộ nên tự khác nhau, nào có thánh phàm sai biệt! Vậy nên hiện tiền đại chúng, hãy đem A Di Đà Phật nơi tự tánh cùng với cái lưỡi của đại chúng, cùng nhau xoay chuyển rộng khắp căn bản pháp luân. Các nhân giả còn gì vướng mắc nữa chẳng? Hiểu thấu chăng?

*Sanh diệt vô sanh, sanh chẳng sanh,  
Cực Lạc sanh về há cấm ngăn?  
Hồng trần muôn trượng nào ai biết:  
Búp sen xòe nở rạng trắng thanh.*

### **Khai thị**<sup>6</sup> (trang 068)

Bản thân ai nấy vốn sẵn Di Đà, trong tâm mỗi người đều là Tịnh Độ. Hiểu thì thời thời thấy Phật, ngộ thì bước bước Tây Phương. Từ trước tới đây đã tạo lập đạo tràng tịnh nghiệp Tam Thời Hệ Niệm, nay Phật sự thời thứ nhất đã viên mãn. Công huân thù thắng như trên, gieo vào trong biển đại nguyện Di Đà, chuyên vì vong linh... cầu sanh Tịnh Độ. Nhưng nghĩ kể từ vô thủy cho đến đời này, một niệm trái nghịch chân, sáu căn đuổi theo vọng, theo tình tạo nghiệp, buông lung cái Ngã làm quấy. Thân nghiệp thì giết, trộm, tà dâm. Lỗi nơi miệng là nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác. Ý ác thì thường nổi tham - sân, sanh lòng yêu mến si mê sâu xa. Do ba nghiệp này, vọng duyên lời trôi, thường chìm lìm trong trần lao, chỉ mờ mịt cùng năm tháng. Nghĩ muốn thoát lìa, chỉ có cách nhờ vào sức huân tu

sám hối. Mong những tội lỗi nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngay lập tức nhanh chóng tiêu tan; khiến cho phù trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ngay lập tức thanh tịnh. Lại cầu sanh Cực Lạc, hoàn toàn nhờ vào phát nguyện. Xin nhọc sức pháp chúng, khác miệng cùng âm, kính vì vong linh chí tâm sám hối phát nguyện.

### **Khai thị**<sup>7</sup> (trang 073)

Trên đây, sám hối phát nguyện đã xong. Vong linh... hãy nên biết: Phạm là giáo pháp Tịnh Độ, nhờ A Di Đà Phật bốn mươi tám nguyện đại từ đại bi sâu nặng, thấu tám mươi phương hết thấy chúng sanh. Hễ ai đầy đủ tín tâm đều được vãng sanh. Tin là tin có Tây Phương Tịnh Độ, tin có chuyện A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh. Tin bọn chúng sanh chúng ta có phần được vãng sanh. Dù nói là Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh, phải tin đây chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, rất ráo chẳng phải do từ bên ngoài mà có. Tin như thế mới là chân tín.

Tín nhưng thiếu Hạnh thì tín ấy chẳng thành; Hạnh thì như kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai*”. Kinh A Di Đà nói: “*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói đến A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Người ấy lúc mạng chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ở đằng trước. Người ấy khi mạng chung, tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà*”. Hành như thế thì gọi là Chánh Hạnh.

Hạnh nhưng không Nguyện thì Hạnh chẳng thành.

Nguyện thì phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, phải tương ứng với từng nguyện một. Đây là đại nguyện vậy. Tín - Hạnh - Nguyện ba điều, như ba chân của cái đảnh, chẳng thể thiếu một. Nay vong linh nên biết: Một niệm hiện tiền vốn tự viên mãn, thường hằng. Tín - Hạnh - Nguyện: Nguyên là chính mình vốn sẵn đủ. Tánh đức như thế, nay chỉ là quang minh của bản tánh tỏ lộ mà thôi.

**Khai thị**<sup>8</sup> (trang 112)

*Dẫu về thành Phật bữa nay,  
Lạc bang hóa chủ chê bai trễ rồi!  
Muốn còn bàn luận khơi khơi,  
Luân hồi giữ mãi biết đời nào ra!*

Vốn trọn khắp mười phương là thế giới Cực Lạc. Ánh núi, sắc nước, dường không hợp không. Khắp cõi đất là quê cũ Thanh Thái<sup>5</sup>. Hoa cười, chim hát, như gương soi gương. Tự mình không về, về liền được. Cảnh mây khói năm hồ nào ai tranh? Tay vàng đêm ngày thường rủ, chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ. Bạch ngọc hào quang xưa nay chẳng tối, toàn nhờ vào tín - hạnh - nguyện<sup>6</sup> gánh vác. Vì thế mới nói: Muôn pháp là tâm quang, các duyên chỉ do tánh chiếu rạng, vốn không có kẻ mê, người ngộ, chỉ cần ngày nay liễu giải. Vậy nay đại chúng hiện tiền, Phật sự Hệ Niệm thời thứ hai, đã liễu giải rồi, một câu phải diễn nói như thế nào đây?

*Ao lưu ly trắng sáng vắt ngang,*

---

<sup>5</sup> Thanh Thái là tên gọi khác của Cực Lạc.

<sup>6</sup> Hòa Thượng Tịnh Không giảng chữ Nguyện ở đây phải hiểu là Tín - Hạnh - Hạnh.



*Búp sen nở, thủy cầm đùa bờn.*

**Khai thị<sup>9</sup>** (trang 118)

*Tâm này là Phật đem tâm niệm,  
Niệm đến tâm không, Phật cũng không,  
Thống tay quay về lại kiếm điểm,  
Hoa chen trắng đỏ lẫn xanh vàng.*

Trong giáo pháp đã dạy: “Luận về tâm, Phật cũng thế; luận về Phật, chúng sanh cũng thế. Tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt”. Nói đến tâm thì tâm có nhiều thứ, như: Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) [tức quả tim] hiện đang ở trong cái thân do huyết khí cha mẹ sanh ra chính là cái tâm ấy. Hoặc Duyên Lự Tâm, tức cái tâm nay đang phân biệt mọi thứ cảnh giới thiện ác, thuận nghịch vậy. Còn Linh Tri Tâm chứa đựng ngàn thứ sai khác nhưng chẳng loạn, trải khắp ba đời nhưng chẳng đổi dời. Riêng chiếu rạng ngời, đứng riêng không hòa lẫn. Nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm không giảm. Ở giữa dòng sanh tử, ly châu<sup>7</sup> riêng chiếu trong biển xanh. Nơi bờ Niết Bàn, vàng quế<sup>8</sup> rạng ngời một mình giữa trời. Chư Phật ngộ rồi, giả gọi là duy tâm. Chúng sanh mê nên thành vọng thức. Do vậy, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, nhưng ngoài tâm không Phật, cũng không có chúng sanh. Chỉ do mê hay ngộ mà có sai biệt. Vì thế, phàm - thánh sai khác, há biết tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt.

---

<sup>7</sup> Ly châu: là viên ngọc dưới cổ con rồng đen, rất quý. Ở đây đem ly châu ví cho chân tánh.

<sup>8</sup> Vàng quế (quế luân): Mặt trăng.

Ngài Vĩnh Gia<sup>9</sup> nói: “Trong mộng rành rành bày sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang”. Đã là như vậy thì như kinh nói: “Từ đây đi về Tây Phương qua khỏi mười vạn ức cõi nước, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà nay đang thuyết pháp”. Nói chung, chẳng ngoài duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà. Do vậy biết rằng: Ngay trong hiện tiền đây, vong linh... sống thì hoa sen đóa đóa, thác thì hàng cây tầng tầng; không lúc nào chẳng đến cõi sen, không niệm nào chẳng nương từ phụ. Xét như thế, nên nói: Lìa tâm, Phật, chúng sanh này ra, còn có chỗ thương lượng nào khác nữa hay không?

*Nơi gương tròn lớn sạch tinh khôi,  
Xanh biếc giò sen nảy thánh thai,  
Cát vàng ao báu ngoài xa ngắm,  
Bảo quang chiếu mãi ngọc lâu đài.*

### **Khai thị**<sup>10</sup> (trang 131)

Tùng nghe: Trống rỗng mà có tiếng đáp ứng, tịch nhưng không có tướng hình ảnh. Thế nhưng, hang dội tiếng vọng là tự nhiên, không bao giờ kêu mà chẳng đáp. Phật thân vô tác, không bao giờ gõ mà chẳng hiển bày. Từ trên tới đây tạo tác Hệ Niệm Phật Sự thời thứ hai đã viên mãn. Công huân thù thắng như thế, gieo vào trong biển đại nguyện của Như Lai, sanh ra công đức. Chuyên vì vong linh rửa trừ nghiệp cấu, tăng trưởng thiện căn, bỏ báo duyên này, sanh về Tịnh Độ. Nhưng nghĩ từ vô thủy kiếp cho đến đời này, bọt nước sanh trong biển cả, theo sóng thức lên cao xuống thấp. Mây điểm hư không, mặc tình nổi gió ta người.

---

<sup>9</sup> Tức ngài Vĩnh Gia Huyền Giác, tác giả bài Chứng Đạo Ca.

Do vậy xoay vần các nẻo, trôi lăn tứ sanh, biển nghiệp mênh mông, núi tội chót vót. Không nhờ bày tỏ, sao tiêu trừ được? Sám hối cho quá khứ, phát nguyện cho tương lai. Lại phiên pháp chúng chí tâm sám hối, phát nguyện.

**Khai thị**<sup>11</sup> (*trang 135*)

Từ trên tới đây sám hối phát nguyện đã xong, Hành đầy đủ thì giống như người đầy đủ mắt, Nguyện như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc. Đủ hạnh như người đủ đôi mắt, nguyện như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn đóm. Nương theo ánh sáng chiếu tỏ mà thấy phân minh, hành giả mới hòng thấu hiểu tiền cảnh. Do vậy, người niệm Phật nếu không phát nguyện vãng sanh, đâu có công hạnh cũng trở thành đặt bày hư huyền, vì không thuận theo Phật vậy. Nay các vong linh hãy biết ý này.

**Khai thị**<sup>12</sup> (*trang 170*)

*Đường xa mười vạn cõi chẳng hề cách mấy trần.*

*Thôi đừng đem mê ngộ để tính kể sơ thân.*

*Sát na niệm chư Phật số nhiều đến hằng sa.*

*Liền thành người đã ở trong cõi nước hoa sen.*

Xuôi trần nghịch giác, tròng gai góc nơi vườn rừng bảy báu. Bỏ vọng về chân, giăng lưới châu nơi cửa ngõ tứ sanh. Dọc ngang vạn pháp, nhất tâm bao trọn. A Di Đà Phật không chỗ nghĩ lường. Nhằm lúc khuất phục sáu căn, không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn khắp tám phương. Phá các tội tằm như mặt trời chói rực giữa trời, trị các bệnh như thuốc thần Thiện Kiến. Bởi thế nói: “Vừa xưng danh hiệu A Di Đà Phật, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh

tử”. Lợi ích như thế, há có thí dụ, lời lẽ nào diễn tả trọn vẹn cho được! Còn như nay Hệ Niệm Phật Sự, nhằm thời thứ ba. Vậy thì hiện tiền đại chúng, đồng thanh tương ứng một câu, chỉ bày như thế nào đây?

*Nhất tâm theo Phật nguyện xưng niệm,  
Nào biết hoa sen dưới gót sanh?*

**Khai thị**<sup>13</sup> (trang 176)

*Đả phá hư không cười toét miệng,  
Kho tàng lóng lánh mở toang ra,  
Thấu hiểu chuyện xưa bao kiếp trước,  
Hồng danh sáu chữ trọn thấu gồm.*

Cổ nhân nói: “*Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn không thể không thành tâm Phật*”. Tây Vực có vật báu tên là Thanh Châu. Loại châu này gieo vào nước đục, chìm xuống nước một tấc thì một tấc nước đục liền thành thanh khiết. Châu ấy gieo vào nước từ tấc tới thước, cho đến tận đáy thì nước đục cũng lắng trong theo. Nên biết thanh châu ví như tịnh niệm niệm Phật vậy; nước đục ví như vọng tâm tạp loạn. Ngay trong lúc vọng tâm tạp loạn, có thể khởi lên một niệm, như đối trước đức Từ Tôn, giữ vững sáu chữ hồng danh. Mỗi câu, mỗi chữ từ miệng phát ra lọt vào tai. Do đây tạp loạn tự nhiên theo niệm mà ngưng lắng. Từ một niệm như vậy cho đến mười niệm, cho đến niệm niệm chẳng đổi. Tức là như trong giáo pháp đã nói: “*Tịnh niệm tiếp nối*”. Người niệm Phật cần phải có lòng tin khẩn thiết, chánh nhân rõ ràng, nghĩ đi nghĩ lại sanh tử luân chuyển đáng buồn thương, chán ngán sâu xa trần lao rối bời đáng đau xót,

khởi lên một tiếng danh hiệu Phật. Từ đây không còn di kiến, như gương Thái A<sup>10</sup> cầm ngang trước xe; như vòng lửa lớn cháy rực như sao sa, vạn vật chạm phải bèn cháy, đung vào bèn bị tổn thương. Mãi cho đến khi nhất tâm bất loạn, Năng lẫn Sở cùng mất. Câu nói “về đến nhà” chẳng được nêu lên nữa. Từ ngữ “đường tắt” cần gì phải nhắc đến. Có thể nói là cách thần diệu để tu hành chứng quả, là đường chánh phương tiện siêu thắng. Sấm sét phá tan [giác ngủ] sanh tử của loài sâu bọ. Như mặt trời, mặt trăng chiếu tỏ nẻo mê vọng. Phật sự Tam Thời Hệ Niệm đêm nay sắp viên mãn. Vong linh nhờ vào thiện sự bậc thượng này, nhất định vắng sanh. Lại nói: Trước khi một niệm vừa chớm, còn có tin tức nào hay không?

*Tâm này trống lạng, niệm theo đâu?*

*Nước cũ bảo về ai chưa về?*

*Bình minh gà ngọc ngoài hoa gáy,*

*Xa đón tân Phật phụng từ oai.*

### **Khai thị**<sup>14</sup> (trang 189)

Niệm Phật đã từ tâm mà có, kết nghiệp há thuộc bên ngoài. Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na. Nay đại chúng nương nhờ giáo pháp, làm Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, tích tập nhân thù thắng, chuyên vì vong linh quyết định sanh về Tịnh Độ. Từ nay giới hương ngào ngạt, đuốc huệ chói lòa, tan mây mê, bầu trời tánh đức riêng rạng ngời, sạch hết bụi vọng tưởng, cõi lòng thông suốt. Các căn thanh tịnh trọn vẹn, các

---

<sup>10</sup> Thái A kiếm là một thanh gương cổ nổi tiếng quý báu, bén nhọn.

nghiệp nhanh chóng rỗng rang. Một niệm khởi lên, một đóa hoa bèn nở, nhấp sương đón gió, hương vây ao ngọc. Một lòng trì danh, một quả chín mùi, ngậm khói đối trời, bóng rọi vườn vàng. Kinh hành, ngồi, nằm đều ở trong ấy, du hý, tiêu dao, chẳng vượt ra ngoài. Thọ dụng như Phật, thấu triệt cội nguồn pháp. Thường Tịch Quang hiện hữu nơi nơi, đại nguyện vương từng mây trần khế hội. Lại vì vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện.

**Khai thị**<sup>15</sup> (trang 194)

Từ trên tới đây ba thời hệ niệm vạn đức hồng danh Phật A Di Đà, khuyên dạy vong linh... sám trừ nghiệp chướng đã kết, phát nguyện vãng sanh. Hạnh nguyện đã sâu, công không luống uổng. Xin nguyện vong linh nghe pháp yếu này hãy tin nhận, phụng hành. Từ đây gá thân nơi thai sen, vĩnh viễn rời khỏi biển nghiệp, chứng thẳng vào Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề vô thượng.

**MỤC LỤC**  
Contents

Đệ nhất thời Pháp sự.....	017
<i>Congregation Recite Part I of Chanting Service</i>	
Đệ nhị thời Pháp sự.....	081
<i>Congregation Recite Part II of Chanting Service</i>	
Đệ tam thời Pháp sự.....	139
<i>Congregation Recite Part III of Chanting Service</i>	
Phụ lục Khai Thị dịch nghĩa.....	203

**Nguyện dĩ thử công đức  
Trang nghiêm Phật tịnh độ  
Thượng báo tứ trọng ân  
Hạ tế tam đồ khổ  
Nhược hữu kiến văn giả  
Tức phát Bồ Đề tâm  
Tận thử nhất báo thân  
Đồng sanh Cực Lạc quốc**

**NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT**